

402 & 403

BACH KHOA



Quân
KỶ NIỆM
17 NĂM

A • & B •
OO OII & III

BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẮT HÀM

Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG
MỘT NĂM

1.800đ.

3.500đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung : thêm cước phí máy bay một năm : 360đ.

* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 600đ

* Ngoại quốc đường hàng không, từ 6-8-73, mỗi số :

Gửi đi Kampuchia : 35đ.

— Ai-lao : 50đ.

— Đông-Nam-Á (Hồng-kông,
Đài-loan, Thái-lan v.v...) : 100đ.

— Nhật-bản, Đại-hàn,
Ấn-độ, Hồi-quốc : 150đ.

— Âu-châu, Bắc Phi Trung

Đông, Đại-dương-châu Úc,

Tân-Tây-Lan v.v... : 275đ

— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại : 325đ

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	8000đ
1/2 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	6000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3000đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1500đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Bách Khoa, 160 Phan-Đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

Số kỷ-niệm 17 năm
và Xuân Giáp-Dần

BÁCH
KHOA

A & B :

TỪ MINH 1973 một năm chính biến	07
TRẦN THIÊN từ cuộc ngưng chiến trước đến cuộc ngưng chiến này	17
NGUYỄN MỘNG GIÁC vui buồn cuối năm	23
ĐÀO TRƯỜNG PHÚC sách dịch thuật trong năm qua	33
NNUYỄN HIẾN LÊ năm 2000	39
THÁI VĂN KIỀM năm Dần nói chuyện Cọp	49
TOÀN ÁNH những phiên chợ đặc biệt trong dịp Tết	55
TRẦN VĂN TÍCH năm Dần và thuốc Cọp: Cao Hồ cốt	59
BÌNH NGUYỄN LỘC Tết Hànội, 90 năm trước dưới mắt một người Pháp	63
Û HOÀNG CHƯƠNG mười bài đối cảnh	67
HOÀNG VĂN ĐỨC từ chiến Trung Đông đến chiến tranh tái phát ở Việt nam	71
ÔNG TUYẾT thất tiêu mọi những giọt lệ không là Giọt lệ Thu của nữ sĩ Tương Phố	81
QUANG YẾN Nobel Khoa học 1973	91
AN-LƯƠNG BẢO-MINH đầu đuôi câu chuyện: Sao Chổi Kohoutek	97
NH ĐỨC HOÀI TRINH lá thư Mã-lai	101

Chủ trương: LÊ NGỘ CHÂU

Địa-chỉ: 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại: 25.539
H.T. 359 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21 Nguyễn Thiện Thuật—Saigon
GIÁ: 260\$ Công sở: 520\$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 25\$ mỗi số

*Nhân dịp cuối năm kính chúc quý vị độc giả,
quý vị đăng quảng cáo, quý vị phát hành và cổ động
cho Bách - Khoa, một năm mới nhiều may mắn, thịnh
vượng và hạnh phúc.*

Nhóm Chủ trương BÁCH KHOA

MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH <i>bài thơ không tên (thơ)</i>	105
TRẦN NGỌC KIM <i>mưa tiền đồn (thơ)</i>	106
TRẦN HOÀI THU <i>bến sông người về (truyện ngắn)</i>	107
CAO TIỆU <i>xuân vô lượng (thơ)</i>	114
TẠ TỶ <i>xin (thơ)</i>	115
LUÂN HOÁN <i>khai bút đầu Xuân Hòa bình (thơ)</i>	116
NGUYỄN NGÂN SƠN <i>Khói sương (truyện)</i>	117
THU HIPPI <i>chuyện trong tháng</i>	121
SINH HOẠT	
THẾ NHÂN <i>Hội đồng Văn hóa Giáo dục và v/d khan hiếm giấy</i>	125
NGÊ BÁ LÍ	128
TRẦN HUIỀN ÂN <i>Tết đến Hòa bình với Đỗ Chu Thăng</i>	128
BÁCH KHOA <i>giải Văn Thơ 1973</i>	130
THU THỦY <i>thời sự văn nghệ</i>	131
Họa sĩ VĂN THANH <i>trình bày bìa</i>	

Các bạn thân mến

Năm vừa qua, vì những lý do ngoài ý muốn, Bách Khoa, dưới hình thức giai phẩm, đã không còn ra được đúng kỳ hạn như các năm trước và kỳ nào cũng phải trên 20 hôm mới ra được một số. Bạn đọc, do đó, cũng không làm sao biết được ngày nào Bách-Khoa ra mà tìm đọc, nên tất nhiên một số bạn đã không tránh khỏi nản lòng.

Mặt khác giá giấy báo đã tăng vùn vụt từ 1.700đ lúc đầu năm cho đến trên 8.000đ (giấy khổ 65X100) khi cuối năm, mà Bách-Khoa lại chỉ được mua giấy theo giá chính thức có một lần trong suốt năm (trong khi các giai phẩm khác phần lớn mua được hai lần).

Với luật lệ hiện hành, với sự leo thang đến chóng mặt của vật giá, với mãi lực giảm sút tương đương của độ giả, với giá giấy tăng lên kinh khủng mỗi tuần, mỗi ngày. Bách-Khoa, cũng như một số giai phẩm bạn, thật đã phải vô cùng chật vật mới đứng vững được tới ngày nay. Riêng Bách Khoa lại cố gắng chịu đựng đến mức cho khỏi phải tăng giá trong những tháng cuối năm để đáp lại sự tin yêu của quý bạn còn theo dõi đến hôm nay chưa dứt bỏ tập san quen thuộc của quý bạn vì giá, đường, vì sáng, nhót...

Trình bày những khó khăn trên đây để quý bạn — bạn đọc cũng như bạn gửi bài — vui lòng rộng lượng đối với những thiếu sót rất nhiều của Bách-Khoa trong năm qua : không xuất bản đều đặn đúng kỳ hạn, không báo trước mỗi khi có bài gác bỏ, không trả lời thư tín kịp thời, không đăng được mau chóng và đầy đủ các bài gửi tới v.v...

Vấn đề giấy báo hiện nay là vấn đề sinh tử đối với sách báo ; quý bạn đã thấy điều đó khi hàng ngày mua vở cho con em, khi thấy giá một cuốn sách đã từ 1 đồng một trang lên đến trên 2 đồng mỗi trang, khi đọc bài « Hội đồng Văn hóa Giáo dục với vấn đề khan hiếm giấy » trong mục Sinh hoạt số này. Các báo hàng ngày đã phải rút xuống 4 trang. Các báo định kỳ và giai phẩm cũng được khuyến cáo giảm bớt phân nửa nhu cầu giấy, nghĩa là rút đi hoặc phân nửa số trang như báo hàng ngày hoặc phân nửa số kỳ xuất bản. Tuy nhiên báo hàng ngày có Hội Chủ báo bênh vực quyền lợi, có đóng tiền ký quỹ nên được ưu tiên mua giấy theo giá chính thức ; còn các giai phẩm thì cho tới nay vẫn chưa được một dải ngộ đặc biệt nào trong vấn đề sinh tử này để tồn tại. Bởi vậy thật khó mà dám hứa hẹn gì về tương lai và số phận của người-bạn-tinh-thần-17-năm của quý bạn.

Trên số Tết năm ngoái, Bách-Khoa đã phải « kể khổ » với quý bạn. Năm nay — một năm « tưởng như là hòa bình » — nghĩ rằng được tâm sự cùng quý bạn những chuyện vui hơn, không ngờ rút cuộc lại phải « kể khổ » nữa, e rằng sau này không còn dịp « kể » nữa chẳng ?

Dẫu sao mỗi năm sắp qua đi là một lần mọi con tim đều bừng lên một niềm hy vọng vào năm sắp tới. Bách-Khoa, bước sang năm 18 của mình, cũng thấy nhen nhúm niềm lạc quan đó và xin cầu chúc quý bạn sang năm mới mọi ước vọng tốt đẹp của quý bạn đều sẽ thành sự thực.

Nhóm Chủ trương BÁCH KHOA

Sách nhận được trước 15-1-74

— Căn bản địa tầng học (Thế giới và Việt nam) Quyền I: Vô sinh-Cổ sinh, của Trần Kim Thạch, do Lửa Thiêng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 216 trang gồm 9 chương, trình bày «những dữ kiện rút từ đất đá, theo thứ tự thời gian, đề suy luận ra những gì đã xảy ra cho Địa cầu trong quá khứ». Có rất nhiều hình ảnh và hình vẽ cùng 10 bản-đồ Cổ-địa-lý thế-giới. Giá 560đ.

— Quản trị xí nghiệp của Nguyễn văn Lạc do Lửa Thiêng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 170 trang, khổ 16×24 . Quyền I gồm 2 chương mô tả những khái niệm căn bản về khoa học quản trị và nói về kế hoạch trong việc quản trị. Bản đặc biệt. Giá 750đ.

— Kế toán Trung cấp của Hoàng Ngọc Khiêm do Lửa Thiêng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 220 trang khổ 16×24 (tiếp theo các quyền Kế toán căn bản I và II) khảo sát các khía cạnh về tích sản lưu hoạt, tích sản cố định, vốn luân chuyển và cách phân tích các tường trình tài chánh. Bản đặc biệt. Giá 900đ.

— Lịch sử nội chiến ở Việt-Nam (từ 1771 đến 1802) của Tạ Chí Đại Trùng do Văn Sử Học xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 414 trang, biên soạn công phu, được giải nhất Văn học Nghệ thuật năm 1970 về biên khảo Việt Sử, gồm 3 phần: Sự tan rã ở Nam Hà, sự tan rã ở Bắc Hà, và giai đoạn thanh toán Nguyễn Tây Sơn. Giá nhất định: 700đ.

— Chân - Lạp phong - thổ - ký, nguyên tác bằng chữ Hán của Châu

Đạt Quan (thế kỷ thứ 13), Lê Hương chuyển dịch, chú thích và sưu tầm hình ảnh, Kỳ Nguyên Mới xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 174 trang, in offset, mô tả vùng Angkor để đô nước Cao Miên ngày xưa giữa thời cực thịnh, có in lại toàn bản Hán văn và nhiều hình ảnh về Cao Miên thật đẹp. Giá 500đ.

— Áo mơ phai truyện dài của Nguyễn đình Toàn, do Nguyễn đình Vượng xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm vừa được giải Văn học Nghệ thuật 1973 về Tiểu thuyết, dày 310 trang. Giá 350đ.

— Khi ông cậu quý bị đắm tàu truyện dài của Minh Quân do Minh Đăng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 156 trang, nội dung rất lôi cuốn người đọc, tranh bìa và các hình vẽ trong sách của Vi Vi, in đẹp. Giá 310đ.

— Tên tài xế Suzuki lý tưởng truyện dài của Minh Quân, do Minh Đăng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày... trang, nội dung hợp với mọi tuổi, tranh bìa của Vi Vi. Giá...

— Hải Triều Âm, tam nguyệt san, số thành Đạo 1973 (4-5) dày 200 trang gồm những bài của: Thích Mãn Giác, Cao Hữu Đình, Toan Ánh. Nguyên Nhuận, Thạch Trung Giả, Trần Ngọc Ninh, Sơn Nam, Lê Mạnh Thái. Giá mỗi số 300đ.

— Thời Tập tập san Văn học Nghệ thuật do Viên Linh chủ trương, dày 86 trang, gồm những bài của Thanh Tâm Tuyền, Cao Huy Khanh, Lê Thị Tư, Cung Trầm Tưởng, Võ Phiến, Túy Hồng, Nguyễn Đức Sơn, Nguyễn Sỹ Tế, Kim Dung, Đỗ Đình Tuân, Nguyễn Mai và 12 tác giả nhìn lại 1 năm văn học nghệ thuật. Giá mỗi số 150đ.

1973: Một năm chính biến

• TỪ MINH

Năm 1973 mở đầu với một hy vọng hòa bình. Cuộc chiến Việt-Nam được chấm dứt trên bàn Hội-nghị Ba-lê đã khiến cho toàn thế giới thở phào nhẹ nhõm và người ta còn hy vọng rằng với cuộc chiến chấm dứt ở Việt Nam, Tổng Thống Hoa Kỳ Richard Nixon, mà uy tín càng ngày càng tăng từ nhiệm kỳ mới, sẽ mở một kỷ nguyên hòa bình bằng cách đẩy mạnh hơn nữa cuộc sống chung hòa bình giữa Đông và Tây.

Nhưng chỉ một vài tháng sau thì niềm hy vọng này đã tàn lụn vì không những chiến tranh Việt-Nam vẫn còn âm ỉ cháy mà Tổng Thống Nixon lại vì vụ Watergate mà uy tín xuống thấp chưa từng thấy trong lịch sử Hoa Kỳ! Với những khó khăn nội bộ, Hoa Kỳ không còn đủ mạnh để thương thuyết với bên ngoài. Hơn thế nữa, trong một thế giới đa cực mới, các quốc gia hay các nhóm quốc gia đã mạnh ai người nấy vận động đề xuất hiện trên trường quốc tế với một địa vị mới. Âu châu càng ngày càng rời xa Hoa Kỳ để có một cuộc sống riêng rẽ. Ngay trong nội bộ Âu châu người ta cũng không đoàn kết gì hơn vì ai cũng muốn đóng vai lãnh tụ lục địa này để đương đầu cả với bạn cũ là Mỹ và thù cũ là Nga.

Tại Á châu cũng vậy, song song với sự lu mờ của vai trò Hoa Kỳ, Nhật đang hoạt động mạnh để trở lại địa vị đại cường bị mất từ năm 1945, sau đệ nhị thế chiến. Trong khi đó Trung Cộng cũng cố gắng củng cố địa-vị ở Á-châu. Nhưng mọi hoạt-động của Trung Cộng đều bị Nga nhìn bằng cặp mắt ngờ vực, bất bình. Vì vậy mà với sự ra đi của Hoa Kỳ khỏi lục-địa Á châu cuộc tranh chấp Nga-Hoa càng trở nên trầm trọng thêm lên.

Tại Trung Đông, cuộc tranh chấp giữa Ả-Rập và Do Thái vẫn tiếp diễn bằng các cuộc khủng bố, phá hoại, bắt cóc, và sau cùng bằng một cuộc chiến tranh nóng bùng nổ. Tuy nhiên cuộc chiến tranh này cũng như 3 cuộc chiến tranh trước vẫn không giải quyết được dứt khoát một cuộc đụng độ kéo dài từ trên 1/4 thế kỷ.

Tại Hoa-Kỳ những cuộc khủng hoảng chính-trị nội bộ đã khiến cho Hoa-Kỳ khó có thể hoạt động mạnh mẽ ở bên ngoài. Trong khi đó tại hai quốc gia Á-căn-đỉnh và Chí-lợi, những cuộc biểu tình hay đảo chính đẫm máu đã gây ra nhiều sự thay bậc đổi ngôi.

MỘT BỘ MẶT MỚI TẠI Á-CHÂU

Cho tới năm 1972 dữ-kiện chính của đời sống chính-trị Á-châu là vai trò canh-sát của Hoa-Kỳ tại vùng này.

Nhưng với chuyến Hoa-du của Tổng Thống Mỹ Richard Nixon vào tháng 5-1972 thì tình hình Á châu đã đổi

hân. Khi hai nước Hoa-Kỳ và Trung Cộng xích lại gần nhau người ta thấy chính-trường Á châu được đặt trên một thể quân-bình chân vạc Nga-Hoa-Mỹ.

Khi cuộc chiến-tranh Việt-Nam được chấm dứt với thỏa hiệp Pa-lê ngày 27-1-1973, Hoa-Kỳ không còn bị phe Cộng-sản coi là kẻ thù chính nữa. Ngược lại các nước Cộng-sản đã đưa nhau nối lại bang-giao với Hoa-Kỳ. Đề củng cố nền hòa bình tại Á châu, ông Kissinger đã được cử đi thăm viếng 5 quốc-gia Á-châu ngay từ tháng 2-1973 để giải-thích chính-sách mới của Hoa-Kỳ. Tại 3 quốc gia bạn là Lào, Nhật và Thái-lan, ông Kissinger có nhiệm vụ trấn an các lãnh tụ của 3 nước này là Hoa Kỳ không hề tính chuyện giải kết tại Á châu. Ông cam đoan là Mỹ sẽ tiếp tục đóng quân tại Thái-lan.

Nếu ở Lào và Thái-lan ông Kissinger ít gặp sự chống đối thì tại Nhật ông đã gặp nhiều khó khăn vì Nhật đi xa hơn Mỹ trong việc bang giao với Trung Cộng. Năm 1972 Nhật đã không ngần ngại đoạn giao với Đài Loan để trao đổi Đại sứ với Bắc Kinh. Tuy Hoa-Kỳ muốn chia sẻ trách nhiệm với Nhật ở Á-châu nhưng Hoa-Kỳ lại không muốn một «trục» Đông-Kinh — Bắc-Kinh được thành lập. Trong chuyến Nhật du tháng 2-1973 ông Kissinger đã giải tỏa được một phần nào các khó khăn trong bang giao Mỹ-Nhật vì sau cuộc viếng thăm này Nhật-hoàng Hiro Hito đã quyết định nhận lời mời của

Tổng-thống Nixon qua thăm Hoa-tỉnh đồn vào mùa hè năm 1973. Nhưng vì vụ Watergate đã trở nên trầm trọng vào tháng 5, nên Nhật-hoàng phải hủy bỏ chuyến đi này. Đến tháng 8-1973 khi ông Tanaka viếng thăm Hoa-tỉnh-đồn thì người ta thấy vị Thủ tướng Nhật đã tiến thêm một bước nữa tới quy chế bình đẳng với Hoa-Kỳ. Dây liên lạc Mỹ-Nhật đã được cải thiện đến nỗi cả Nhật hoàng và ông Nixon đều bằng lòng viếng thăm nhau vào năm 1974. Như vậy dù muốn hay không thì Hoa Kỳ cũng đã phải để cho Nhật đóng vai trò quan trọng tại Á châu.

Đối với Trung-Cộng, Hoa-Kỳ cũng đã cố gắng rất nhiều trong việc cải thiện bang giao giữa hai nước. Sau chuyến Hoa du của ông Kissinger vào tháng 2/73 Hoa-Kỳ và Trung-Cộng đã trao đổi « Văn phòng liên lạc » với Văn-phòng-trưởng có cấp bậc Đại-sứ. Trong chuyến Hoa-du vào tháng 11-73, cả Hoa-kỳ lẫn Trung Cộng đều cố gắng mở rộng bang-giao. Tuy nhiên cả hai bên đều vấp phải vấn đề Đài-loan nên dù muốn mà hai bên vẫn không thể thiết lập liên lạc ngoại giao và trao đổi Đại-sứ được.

Trước sự xiết chặt bang giao Hoa-Mỹ này, Nga-sô tỏ ra hết sức lo ngại. Điện Kremlin sợ rằng Trung Cộng sẽ lợi dụng sự trung-lập của Mỹ để tấn công Nga. Vì vậy mà vào tháng 6/73, Tổng Bí-thư Leonid Brejnev đã đề nghị ký với Trung-Cộng một hiệp-ước bất tương xâm. Giữa các quốc-gia cùng khối Cộng-

sản chưa bao giờ có một hiệp-ước loại này được ký kết. Vì vậy mà khi Nga đề nghị thì Bắc-Kinh liền cho rằng Mạc-tư-khoa muốn loại Trung-Cộng khỏi phong-trào Cộng sản thế-giới. Trước Đại-hội Cộng đảng Trung-Hoa kỳ thứ 10, nhóm họp vào tháng 8/73, Chu-An-Lai đã tố cáo Nga là độc-tài phát-xít và thách thức Nga rút quân khỏi Tiệp-Khắc và Ngoại-Mông.

Bang-giao giữa Nga và Nhật cũng không tốt đẹp hơn. Trong tháng 10, Thủ-tướng Nhật Tanaka đã tới Mạc-tư-khoa để thảo luận về việc ký hòa-ước Nga-Nhật và đòi lại 4 đảo

thuộc quần đảo Kuril. Khi Brejnev đề nghị chỉ trả lại có 2 đảo thì ông Tanaka không thêm trả lời mà chỉ mỉm cười đưa ra 4 ngón tay khiến Brejnev vô cùng tức giận. Do đó người ta lại phải hoãn việc ký hòa-ước tới một thời-gian vô-hạn-định.

Với một nước Nhật được cả Nga và Trung Cộng ve vãn, thế quân bình chính-trị Á-châu đã từ tính cách tam giác trở thành tứ giác. Người ta tiên đoán rằng trong các năm sắp tới Nhật sẽ đi dần tới địa vị của một đại cường kinh-tế và quân-sự

KHỦNG HOẢNG CHÍNH TRỊ TẠI MỸ CHÂU

Trong năm 1973 nhiều cuộc khủng hoảng chính trị đã xảy ra tại Mỹ-châu.

Trước hết tại Hoa-Kỳ một cuộc khủng hoảng lãnh đạo đã khiến cho dân chúng Mỹ hết tin tưởng vào định-chế dân-chủ của họ và cùng một lúc khiến cho dân chúng thế-giới trở nên hoài nghi vai trò lãnh đạo Thế-giới tự do của Hoa Kỳ. Năm 1972 để bảo đảm việc tái đắc cử cho Tổng Thống Nixon, một nhóm bộ hạ của ông đã đột nhập vào trụ sở đảng Dân-chủ tại Watergate để đánh cắp các tài-liệu của đảng này. Khi Ủy-ban Thượng-viện điều-tra vụ Watergate thì nhiều vụ khác bị phanh phui như vụ Tổng-Thống Mỹ cho thầu bằng các cuộc nói chuyện giữa ông và các cộng-sự-viên cũng như các cơ-quan an-ninh Mỹ nghe lén điện-thoại

của các nhân vật trong chính quyền v.v. Những sự việc này thường xảy ra tại các nước khác nhưng người dân Mỹ quen sống với tư tưởng tự do không chấp-nhận chính-quyền có những hành-động như vậy.

Ngoài ra người ta còn thấy cả một phong trào phá ông Nixon bằng cách tố-cáo ông hối mại quyền thế và mua các bất-động-sản một cách mờ ám.

Vào cuối tháng 10 ông Nixon lại có một hành động hết sức vụng về là buộc Bộ trưởng và sau đó Thứ-trưởng Tư-pháp phải cách chức Công-tố-viên đặc biệt Archibald Cox là người phụ trách trực tiếp việc điều tra vụ Watergate. Kết quả là Bộ-trưởng Tư-pháp Elliot Richardson đã từ chức, Thứ-trưởng William Ruckelshaus và Công-tố-viên A. Cox đã bị cách chức. Người ta không hiểu ông Nixon đã nghĩ gì khi có

một hành động lạ lùng này, nhưng dân chúng thì cho là ông cố tình che dấu sự thật bất lợi cho ông. Do đó một số lớn dân chúng Mỹ đã đòi truất phế ông. Trong khi dân chúng và một số các Nghị sĩ và Dân biểu đang tìm cách truất phế ông Nixon thì một vụ tai tiếng khác lại xảy ra cho Phó Tổng-thống Spiro Agnew. Ông Agnew bị tố cáo là trốn thuế và tham nhũng trong thời gian còn làm Thống-đốc Tiểu-bang Maryland. Vào tháng 10, trước các bằng chứng thấu lượm được, trong vụ Agnew ông Nixon không còn có thể bảo vệ cho vị Phó Tổng-Thống của ông được và đành phải đề ông Agnew từ chức và cử ông Gerald Ford lên thay thế. Sau khi từ chức, ông Agnew đã bị tòa án xử phạt 2 năm tù.

Với những khó khăn nội bộ ông Nixon khó có thể đẩy mạnh chính-sách đối ngoại của ông như ông mong muốn. Tuy ông Kissinger được cử lên thay thế ông Rogers trong chức vụ Ngoại-trưởng nhưng các lãnh tụ khác trên thế-giới đều ngần ngại chưa muốn nói chuyện thực sự với ông Nixon trước khi cuộc khủng hoảng hiện thời ngã ngũ.

Tại Á-căn-đỉnh tình-hình chính-trị cũng không kém rối ren. Tuy cựu Tổng-Thống Péron không kịp ra tranh cử Tổng-Thống vào tháng 3 nhưng một người chân tay của ông, là Nha sĩ Hector Campora đã đắc cử Tổng-Thống. Với Campora ở chức vụ Tổng-Thống, đảng Công-lý của Péron đã hoạt động mạnh mẽ trở lại, nhưng đảng này còn chia làm nhiều khuynh hướng. Phe cực tả và

phe cực hữu tuy cũng thờ một minh-chủ là Juan Péron nhưng mỗi phe đi theo một đường lối riêng. Trong khi đó giặc cướp nổi lên khắp nước vì vậy mà quân đội lăm le trở lại chính quyền. Trước tình trạng này ông Péron đã yêu cầu ông Campora từ chức đề ông ra ứng cử. Campora đã ngoan-ngoãn ra đi, Á-căn-đỉnh tổ chức bầu Tổng Thống mới trong tháng vừa qua và Péron cùng vợ là Isabelita đã đắc cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống Á-căn-đỉnh.

Nhưng năm nay Péron đã 80 tuổi, không còn minh mẫn nữa nên Isabelita đã luôn luôn phải ra tay can thiệp việc nước trong một điều-kiện hết sức khó khăn. Thật vậy, nếu quân đội bị loại khỏi chính quyền thì các tướng lãnh vẫn chưa từ bỏ mộng tham chánh. Péron được cả tả phải lẫn hữu phải ủng hộ, nhưng cả hai phe luôn luôn đụng độ lẫn nhau vì vậy mà Péron phải, lúc thì nghiêng về bên này khi thì ngã về bên kia. Do đó tương lai chính trị của Á-căn-đỉnh đang ở vào một thế vô cùng bấp bênh.

Tại Chí-lợi năm 1973 cũng là một năm đầy chính biến. Sau 2 năm cầm quyền, vị Tổng Thống Mác-xít Salvador Allende Gossens đã phải chứng kiến sự sụp đổ của nền kinh-tế do chính-sách xã-hội-hóa của ông gây ra. Vào tháng 3, khi Chí-lợi bầu cử quốc-hội người ta đã tưởng rằng phe đối lập cướp lại được chính quyền. Nhưng bất ngờ Liên-minh Công-sản Xã-hội của ông Allende đã thắng cử nên chính thể Allende

được triển hạn thêm. Ngay sau đó thợ thuyền đã đình công, biểu tình đòi tăng lương. Chính-sách kinh-tế của ông Allende đã đi tới chỗ phá sản vì chính những người thợ mà ông Allende muốn ưu đãi lại bất mãn với chính sách của ông. Vào tháng 8, tình hình chính trị Chí-lợi đã hỗn loạn đến nỗi các tướng lãnh nước này, từ trước tham chánh đề

yểm trợ ông Allende, đã phải rút khỏi nội các. Và một cuộc đảo chánh quân sự đã bùng nổ lật nhào chính thể Mác-xít của Allende. Ông Allende đã bị thiệt mạng trong khi quân đội vây dinh Tổng Thống. Người ta không biết ông bị chết trong trường hợp nào: tự sát, bị đạn lạc hay bị giết?

THAM VỌNG THÀNH ĐẠI-CƯỜNG Ở ÂU-CHÂU

Với khối Thị-trường chung 6 nước mở rộng thành 9 nước, các quốc-gia Tây-Âu đã trở nên một lực lượng kinh tế đáng kể trên thế giới. Vì vậy mà các nhà lãnh tụ vùng này đều muốn cho Tây-Âu đóng một vai trò chính-trị tương xứng trên trường quốc-tế.

Các nhà lãnh tụ Tây-Âu biết rằng họ chỉ có thể đóng được vai trò nào đó trong một thế-giới hòa-bình. Vì trong thế giới hòa-bình họ không còn phải lệ thuộc vào lực-lượng quân sự của Hoa-Kỳ. Do đó năm ngoái Minh ước Đại-tây-dương đã chính thức mời Minh-ước Varsovie triệu-tập tại Genève một Hội-nghị đề «cùng tiết giảm quân-bình lực-lượng» (Mutual and Balanced Force Reduction viết tắt là MBFR). Sau nhiều tháng ngăn ngại, Nga đã chấp thuận tham-dự hội-nghị với điều-kiện là hội-nghị được tổ-chức ở Vienne thủ đô Áo-quốc. Cùng một lúc các quốc-gia thuộc toàn thể lục-địa Âu-châu cùng với Hoa-Kỳ và Gia-nã-đại nhóm họp tại Helsinki, thủ-đô Phần-lan, đề thảo-luận về an-ninh và hợp-tác

Âu-châu (Conference on Security and Cooperation in Europe, viết tắt là CSCE). Sở dĩ Nga chịu dự hội-nghị MBFR vì Nga muốn các quốc gia Tây Âu đi họp CSCE. Nga cho rằng khi hai Minh-ước Bắc Đại-tây-dương và Varsovie đi tới một thỏa hiệp thì Hoa-kỳ đương nhiên bị loại khỏi Âu-châu.

Hoà dịu Đông-Tây ở Âu-châu hay trên thế-giới được các quốc-gia Tây-Âu coi là một phương-tiện để họ thực hiện được qui-chế bình đẳng với Hoa-kỳ ở trong Minh-ước Bắc Đại-tây-dương. Nhưng khi thấy Hoa-Kỳ và Nga thực sự cộng tác với nhau thì Âu-châu lại đâm lo vì sợ rằng Nga và Mỹ cấu kết với nhau để thống trị thế-giới hay ít nhất cũng thiết lập chế-độ cộng-đồng thống-trị (Condominium) tại Âu-châu.

Với tư-tưởng này, Âu-châu đã từ chối không chịu đáp ứng với các đề-nghị của Hoa-Kỳ nhằm cải thiện Minh-ước Bắc Đại-tây-dương. Đề-nghị của ông Kissinger đưa ra vào tháng 4 đã rơi vào sự im lặng của

Âu châu. Cuối tháng 5, đầu tháng 6 Tổng Thống Nixon đã tới Reykjavik (Islande) để hội đàm với Tổng-Thống Pháp Pompidou để tính chuyện mở một hội-nhị thượng-đỉnh Âu-châu. Nhưng trước sự chống đối của ông Pompidou, ông Nixon đành trở về Hoa-thịnh-đốn tay không.

Vào tháng 10 khi chiến tranh bùng nổ ở Trung-Đông, ông Nixon ban hành lệnh báo động, đặt quân đội Mỹ vào tình trạng sẵn sàng ứng chiến để đối phó với các hoạt động quân sự của Nga mà không tham-khảo các quốc gia đồng minh Âu châu. Vì vậy các quốc gia này lại càng tin rằng Mỹ chỉ muốn đối thoại với Nga.

Ngay trong nội bộ Âu châu người ta cũng đã thấy một tình trạng chia rẽ trầm trọng. Nếu ai cũng muốn rằng Tây Âu đóng vai trò đại cường, thì ai cũng muốn mình làm lãnh tụ của khối Âu châu thống nhất. Cả Tổng Thống Pháp Pompidou lẫn Thủ tướng Tây Đức Willy Brandt đều có tham vọng làm Chủ tịch một Liên-bang Âu-châu thống nhất. Ông Willy Brandt đã sang Hoa-Kỳ như một đại diện của Âu-châu. Nhưng Tổng-Thống Pháp đã đáp lễ ông Brandt bằng cách thừa nhận Đông Đức. Ngoài ra tuy

tình trạng sức khỏe không mấy khả quan, nhưng ông Pompidou vẫn sang Nga gặp Tổng Bí-thư Brejnev vào tháng 2, đi Islande gặp Tổng Thống Nixon vào tháng 5 và sang Bắc-kinh gặp Mao-Trạch-Đông vào tháng 9.

Chưa thống-nhất mà Âu-châu đã bị lung củng nội bộ khiến cho Âu-châu khó bề ăn nói với bên ngoài. Sự lung củng này còn xảy ra ngay trong nội bộ mỗi quốc gia Âu-châu nữa. Tại Anh vụ tranh chấp giữa hai cộng đồng tôn giáo ở Bắc Ái-nhì-lan vẫn chưa được giải quyết. Phe Công giáo đã đặt mìn và ném lựu đạn ngay tại Luân-đôn vào tháng 3. Tại Pháp sinh viên biểu tình vào tháng 4 khiến cho cựu Giáo sư Trung-học Pompidou mất nhiều uy tín. Tại Hy-lạp trong 2 tháng trời hai lần thay đổi chính thể. Tháng 9 Đại tá Papadopoulos hủy bỏ chế-độ quân-chủ đề lên làm Tổng-Thống Cộng-hòa. Tháng 11 quân đội lại lật đổ Đại-tá Papadopoulos để đưa Tướng Phaidon Gizikis, thân cựu Quốc vương, Constantin lên làm Tổng Thống.

Trong tình trạng phân-hóa sâu xa này Âu-châu thật khó thực hiện được những mục tiêu của mình.

TỪ KHỦNG BỐ PHÁ HOẠI TỚI CHIẾN TRANH TẠI TRUNG ĐÔNG

Cuộc tranh chấp giữa Ả-Rập và Do-Thái đã kéo dài từ trên 1/4 thế kỷ. Hai bên đã dùng đủ mọi cách để áp đảo tinh thần nhau mà không bên nào chịu nhượng bộ bên nào. Khi

nào mà hai bên gắng quá thì chiến tranh bùng nổ. Khi chiến tranh chấm dứt vì 2 bên đã dốc hết khả năng

(Xem tiếp trang 89)

Từ cuộc ngưng chiến trước đến cuộc ngưng chiến này

Đánh nhau rứt mười mấy năm trời, cuộc sống xáo trộn, điêu tàn, chúng ta chờ đợi cuộc ngưng chiến như chờ đợi một cơ hội đổi đời. «Ngưng chiến, dân quê sẽ trở về với ruộng đất, con trai lớn lên sẽ không còn tiến trên con đường độc đạo về hướng mặt trận,...

trẻ con sẽ bớt bụi đời, ngưng chiến đồng sẽ xanh, nhà máy sẽ mọc »..., chúng ta mong vậy.

Về mặt văn học, chắc hẳn cũng có một hy vọng vào ngưng chiến: Chẳng hạn hi vọng rằng sẽ có một không khí mới, sẽ chấm dứt cái cảnh viết lách đề càm hơi qua ngày, rằng sẽ có những khởi đầu các công trình qui mô, dài hơi, nghiêm chỉnh v.v...

Và bây giờ hiệp định ngưng chiến ký kết đã tròn một năm, chưa thấy có sự thay đổi nào đáng kể, ít ra trong phạm vi văn học nghệ thuật: không khí không có gì mới, không có công trình lớn, dự định lớn cũng không. Chỉ có sự giảm sút dần dần của hoạt động xuất bản, sự rút lui dần dần của các tạp chí văn nghệ... Trong nước hiện giờ có còn được tờ báo văn nghệ nào nữa chăng? Sao mà vắng vẻ quá vậy?

Mức hoạt động không có gì đáng mừng, chiều hướng hoạt động cũng không có sự đổi mới mong đợi. Đây

đó vẫn tiếp tục công việc làm ăn hơn là làm văn: dịch vội dịch vã theo «côm-măng» của nhà xuất bản để cung ứng cho thị trường kịp với phong trào là chuyện làm ăn, viết phôi-dơ-tông lai rai cũng là chuyện làm ăn... Những hoạt động thu hút nhiều công sức và «tài năng» nhất của giới cầm bút ấy không biểu lộ một xu hướng văn nghệ gì mới mẻ. (1)

Sau một năm ngưng chiến lần này, so với lần ngưng chiến trước cách đây 19 năm, không khí thực khác xa. Cuộc ngưng chiến 1954 đã đánh dấu một thay đổi sâu xa trong đời sống dân tộc về nhiều mặt...

oOo

Trước hết, vì cuộc ngưng chiến trước nó là ngưng chiến thực sự. Nó đem lại cho ai nấy một cảm tưởng an bình, nó tạo cái điều kiện tâm lý cần thiết cho mọi dự định đứng đắn, mọi công trình xây dựng dài hơi.

Có thể rằng ở hàng lãnh tụ

Bắc Việt-nam, từ 1954 trong đầu óc họ đã có sẵn kế hoạch về cuộc chiến tranh 1959; nhưng đối với đa phần dân gian thì một thời hòa bình bắt đầu. Tiếng súng ngưng bật khắp nơi, đường bộ thông suốt Cà mau - Bến hải, những nhà máy đường, nhà máy

(1) Xin đọc thêm bài «Nghĩ về một năm văn học ngưng chiến» trên *Sóng Thần* số Xuân năm nay.

dệt, công tỉ sợi, công tỉ giấy, những đập Đồng cam, đập Đa-nhim, những khu kỹ nghệ này khu đại học nọ v.v... hoặc được khởi công dựng lên, hoặc xuất hiện trong đề án kiến thiết. Nhìn về trước mặt, người ta tạm yên tâm. Và người cầm bút cũng như ai, cần được yên tâm để có thể tiến hành công việc.

Trước 1954, ở trong «thành» không phải không có những học giả, những nhà văn có tài, nhưng nền văn học trong «thành» không có thành tích đáng kể: Nhất Linh thì ẩn ở Finnôm, Đông Hồ thì ẩn ngay tại Sài Gòn cho nên ông gọi nhà ở của mình là một «Đại ẩn am». Nói chung, phần lớn họ đều ẩn, đều chờ đợi.

Thế rồi tiếng súng ngưng được ít lâu thì có những công trình lớn được bắt đầu: ông Đào Đăng Vỹ khởi công vừa soạn vừa in một bộ *Việt-Nam Bách khoa Từ điển*, ông Hoàng Trọng Miên khởi sự vừa viết vừa in một bộ *Việt nam Văn học Toàn thư* hứa hẹn hàng vạn trang sách, nhưng có ý nghĩa hơn cả có lẽ là việc Nhất Linh hạ sơn, tái lập nhà xuất bản Đời Nay, chủ trương tờ *Văn hóa ngày nay*, đăng tải lần lần một pho tiểu thuyết trường giang dài có thể đến mấy nghìn trang...

Phải, rồi sẽ có lắm điều dở dang: Từ điển Bách Khoa rồi ngưng lại nửa vò, Văn học toàn thư rồi chỉ tiến đến cuốn thứ hai, *Văn hóa ngày nay* sống không có ngày mai v.v..., nhưng đó là chuyện khác. Ở đây, chúng ta chỉ muốn nói đến cái tin tưởng của

những ngày đầu sau ngưng bắn, cái không khí thuận lợi đã làm xuất hiện rộn rịp những tờ báo biên khảo như *Quê Hương*, *Đại Học*, *Bách Khoa*, những tờ báo văn nghệ như *Mùa lúa mới*, *Sáng tạo*; những nhóm văn nghệ như nhóm Tự do, nhóm Quan Diêm v.v...

Những cái như thế và tương tự như thế không hề xảy ra sau hiệp định ngưng chiến 1973. Có lẽ vì ngưng chiến phen này là thứ ngưng chiến của ba vạn lần vi phạm trong một năm,

oOo

Trong khi ấy cuộc ngưng chiến 1954 nó không phải chỉ đem lại một cảm tưởng an bình. Nó còn đưa vào miền Nam ngót một triệu người.

Thiên hạ đã nói nhiều về ý nghĩa chính trị của cuộc di cư ấy, nhưng thiết tưởng cái ý nghĩa văn hóa không kém phần quan trọng đâu. Từ thuở lập quốc đến giờ, từ Hùng Vương dựng nước, để chưa có lúc nào xảy ra sự trao đổi một khối cư dân lớn lao như vậy giữa miền này với miền kia nước Việt. Rồi các nhà xã hội học, dân tộc học, nhân chủng học v.v. sau này tha hồ mà kiểm điểm lại các ảnh hưởng của biến cố này trong cuộc sống miền Nam. Chắc rằng những vụ pha trộn rồi sẽ thay đổi vóc dáng xương cốt con người, sẽ đưa tới những chuyện chỉ số sọ, chuyện loại máu nọ máu kia v.v... Các thứ rắc rối linh kinh ấy hãy dành cho giới chuyên môn.

Kẻ phàm tục có thể ghi nhận dễ dàng sự đổi khác trong lối phát âm của người miền Nam từ vài mươi năm nay, nhất là trong giới trẻ, ở đô thị : có những em học sinh ở nhà nói giọng địa phương nhưng đến trường nói hẳn ra giọng Bắc ; còn ca hát thì thôi ! Bắc đặc trăm phần trăm !

Cái ăn cái mặc cũng vậy. Từ những kiểu áo dài, màu quai nón, cho đến hình dáng đôi guốc đôi dép của đàn bà con gái miền Nam hiện thời đều khác trước, cái khác ấy nó thành hình chắc chắn một phần cũng là với sự góp ý của cái số lượng quan trọng khách hàng gái Bắc đến từ sau 1954 với sự dung hòa quan niệm thẩm mỹ của phụ nữ hai miền. Trong một bài phẩm luận về văn hóa và chính trị (1), thi sĩ Đông Hồ nói đến sự cải biến món phở Bắc theo lối Nam bằng cách thêm rau thêm giá sống ; trường hợp khẩu vị người Bắc can thiệp vào các món ăn miền Nam như hủ tiếu Mỹ tho, bún Kiên giang, bún nước lèo v.v... chắc cũng không hiếm. Và ở những trại định cư di dân ngày nay đã địa phương hóa, kỹ thuật canh tác, lễ lối giao thiệp, tập tục sinh hoạt của đồng bào miền Bắc cũng ngày một ngày hai lan rộng ra ngoài khu vực các trại và ảnh hưởng đến đời sống của dân quê miền Nam.

Nhưng đó là chuyện về lâu về dài. Còn ngay sau cuộc di cư ồ ạt tiếp theo ngày đình chiến 1954, kẻ mới bước chân đến miền Nam đã biểu lộ liền sự ngạc nhiên : Triều Đầu ghi nhận những cái mới lạ tai nghe

mắt thấy *Trên vỉa hè Sài Gòn*, Vũ Bằng tán dương các *Món lạ miền Nam*, Nguyễn Hoạt phát huy cái nét na hồn nhiên của cô học trò Biên hòa trong *Trăng nước Đồng nai* v.v...

Trước cái nhìn tò mò, kích thích ấy của khách, miền Nam tự đứng cảm thấy hứng thú trong việc tự phô bày : văn nghệ sĩ miền Nam khai phá quê quán mình với một đà hăng hái mới. Trước kia, Phú Đức và Hồ Biểu Chánh viết truyện cũng viết về người và cảnh miền Nam, tuy nhiên nhân vật của Phú Đức chẳng hạn có thể hững hờ với quê quán nguồn gốc mình. Hiệp Liệt nghiêm nhiên ngồi trong « *điều xì-gà* » phóng bon bon trên các con đường nhựa, lẫn lộn với dân tứ xứ ở thị thành. Trái lại các nhân vật của Sơn Nam sau này thường thường lẫn lộn trên các con rạch, các rừng tràm, rừng mắm, ngủ trong « *nóp* », sống giữa cá sấu, ăn những rùa vàng, lui tới những chỗ săn chim, ngắm những con già đây, thảng bè v.v... Họ luôn luôn tha thiết với quê hương bản quán. Vì họ — các nhân vật — họ noi theo gương các tác giả lớp mới : Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc, Kiên Giang v.v...

Sự thực các nhà văn miền Nam lớp này cũng không có ai chủ trương một trường phái, kêu gọi một sự tập hợp, nhưng dường như ai nấy đều chung cái ý thức phát huy địa phương, tìm hiểu và giới thiệu cái hay

(2) *Bách Khoa* số 92 ra ngày (1-11-1960).
« *Mạn đàm về văn hóa* ».

cái quý trong lịch sử, phong tục, cảnh trí, ngôn ngữ, tâm tình của miền Nam. Họ sưu tầm những chuyện xưa tích cũ lưu truyền xung quanh các danh lam thắng cảnh, các di tích lịch sử; họ sống lại những danh nhân địa phương như Trương Công Định, Nguyễn Trung Trực; họ vẽ lại cảnh khai phá miền đồng lầy Hậu giang; họ sưu tầm và giải nghĩa các tiếng đặc biệt của miền Nam, nghĩ đến công việc bổ túc cho bộ tự điển Việt nam đầy đủ sau này; họ dùng toàn giọng Nam trong tác phẩm; họ lập ra những nhà xuất bản lấy tên là Đồng nai, Bến ghé, Phù sa, Tiền giang, Sông Hậu v.v...

Phê bình cuốn *Đò dọc* của Bình Nguyên Lộc, Nguyễn văn Xuân có một câu đại ý coi tác phẩm này đánh dấu sự đứng lên của miền Nam trong Văn học. Có lẽ cái ý định «đứng lên» đã xuất hiện từ mấy năm trước, và nó hẳn có liên hệ với sự gia nhập đột ngột và đông đảo của hàng triệu người Bắc vào cộng đồng miền Nam.

oOo

Sau cùng, điều góp phần không nhỏ vào việc làm thay đổi cả bầu không khí văn nghệ một thời, ấy là cuộc ngưng chiến 1954 đưa một số văn nghệ sĩ từ «bên kia» sang «bên này».

Nếu chuyện người Bắc vào Nam đáng chú ý ở khía cạnh văn hóa thì chuyện người bên kia sang bên này có một ảnh hưởng chính trị, và ảnh hưởng về chiều hướng chính trị

trong tác phẩm văn học. Trước 1954, ở Sài Gòn những người như Tam Ích, Thiên Giang v.v... chủ trương một đường lối mác-xít thân cộng. Sau đình chiến, những vị ấy nín bặt hẳn trong một thời gian dài: một lớp người mới vừa cất lên những tiếng nói mới ồn ào hơn, băng say hơn, át mất tiếng họ. Những người như Nguyễn mạnh Côn, Như Phong, Doãn quốc Sỹ, Đỗ Tấn, Nghiêm xuân Hồng v.v..., những nhóm Tự do, Quan diêm, Sáng tạo v.v... có khuynh hướng nghệ thuật khác nhau, có đường hướng hoạt động khác nhau, nhưng tựu trung đều phản đối Cộng sản. Thậm chí Nhất Linh, người chủ trương văn hóa vượt hẳn ra ngoài không gian và thời gian, mà cũng không đứng ngoài cuộc đấu tranh chống độc tài Cộng sản: «Suy đến căn nguyên chỉ vì hai chủ trương văn hóa khác nhau mà thế giới mới phân chia ra hai khối và ở Việt nam gần một triệu người phải rời bỏ nơi chôn nhau cắt rốn, phải bỏ hết, bỏ hết để mong tránh khỏi cái tai ách văn hóa điều khiển, độc tài. Sự đấu tranh về văn hóa hiện giờ đương thay thế vào chiến tranh nóng, lạnh, và phía nào thắng thế về văn hóa mới là phía thắng cuối cùng.»

«Đem tâm tình viết lịch sử» không phải chỉ riêng một Nguyễn Kiên Trung làm việc ấy. Bộ tiểu thuyết trường giang «*Khu rừng lau*» của Doãn quốc Sỹ cũng cùng một tinh thần ấy, «*Đêm già từ Hà nội*» của Mai Thảo, «*Thần tháp rùa*» của Vũ Khắc Khoan, cho đến nhiều bài thơ của Vũ Hoàng

Chương hồi ấy, thơ của Thần Đẳng, bút ký của Đình Hùng v.v... cũng cùng một hướng ấy. Và cái tâm tình thiết tha của bao nhiêu người vừa mang một thất vọng từ bên kia về làm ngõ ngang lớp người vẫn ở bên này trong suốt mấy năm kháng chiến, làm xoay chuyển chiều hướng của một giai đoạn văn học.

Bây giờ, sau cuộc ngưng chiến 1973 không có một cái gì tương tự như thế xảy ra. Từ lâu, thỉnh thoảng vẫn có những Kim Nhật, Xuân Vũ v.v... rời hàng ngũ bên kia sang bên này; tuy nhiên, có lẽ vì họ không nhất tề vào Sài Gòn một loạt cùng với hàng triệu di dân để thành ra một lực lượng đột ngột xuất hiện, vì họ không phải là lớp đầu tiên rời bỏ phía bên kia mà chỉ tiếp tục một con đường đã có người đi qua từ trước, tâm tình của họ không khác tâm tình lớp trước bao nhiêu cho nên không còn gây ngạc nhiên, xúc động nữa.

oOo

Liên ngay sau cuộc ngưng chiến 1954, các nhà văn trong *Sáng tạo* nhao nhao phủ nhận nền Văn nghệ tiền chiến, kêu gọi xây dựng một nền "Văn nghệ hôm nay". Rõ ràng có một không khí "đổi đời".

Sau ngưng chiến 1973 này, dường như thoát đầu cũng có một nhóm anh em cùng nhau cho ra một tờ tạp chí văn nghệ với tham vọng nối gót các tờ *Ngày Nay* thời tiền chiến, tờ *Sáng tạo* thời ngưng chiến trước. Chẳng bao lâu, các anh em ấy gặp thất bại.

Có thể không phải vì nhóm chủ trương sau này thua kém nhóm chủ trương *Sáng tạo* trước kia; chẳng qua vì giai đoạn này tự nó không đánh dấu một cái gì mới, một thay đổi nào sâu xa. Như vậy làm sao nó làm phát sinh được một chiều hướng văn nghệ thực sự mới mẻ?

TRĂNG THIÊN
(12 1973)

*Quyển sách thứ 7 trong bộ sách Tài Liệu Lịch Sử
giá trị HITLER của nhà xuất bản SÔNG KIÊN
đã phát hành toàn quốc :*

— Cuộc mưu sát các lãnh tụ Đồng Minh

Quyển thứ 8 sẽ phát hành vào đầu năm 1974 :

— HITLER và các danh tướng Đức quốc xã
của RAYMOND CARTIER.

NGƯỜI SÔNG KIÊN và LÊ THỊ DUYÊN dịch

NAM CƯỜNG tổng phát hành

**XUÂN
GIÁP
DẦN
1974**

Kính chúc Độc giả

một Năm Mới

Hòa Bình và Thịnh Vượng

NHÀ XUẤT BẢN LỬA THIÊNG

Sách chọn lọc phát hành năm 1973

☐ Cơ cấu Việt ngữ

TRẦN NGỌC NINH

☐ Đất nước Quê hương

VÕ PHIẾN

☐ Nguyễn Trãi

NGUYỄN THIÊN THỤ

☐ Văn học và Ngữ học

BÙI ĐỨC TỊNH

☐ Gia đình tôi

DUY LAM

☐ Tiếng ca bộ lạc

ĐÌNH HÙNG

☐ Hán Văn tân khóa bản

NGUYỄN KHUÊ

☐ Giáo dục tính phái

VÕ QUANG YẾN

☐ Chân dung triết gia

ĐẶNG PHÙNG QUÂN

☐ Lịch sử Địa Cầu

TRẦN KIM THẠCH

☐ Kiếp người

bản dịch **NGUYỄN HIỂN LÊ**

☐ Căn bản mới về Hoạch định
và Phát triển

NGUYỄN BÁ LONG

NHÀ XUẤT BẢN LỬA THIÊNG

120 ĐÌNH TIÊN HOÀNG ĐAKAO SAIGON — Đ.T. 94.494

Vui buồn cuối năm

*Đứng thẳng lưng và đi thẳng lưng
Mùa xuân trên cao vỗ cánh reo mừng
Mùa xuân trên cao dang tay mời đón
Nào rán lên em dù còn một chân.*

Tôi vô tình tìm thấy bốn câu thơ này của Nguyễn Huy Chương, trong tập thơ *Đầu Ngôi Nhà Cho Người Trở Về*, vào một đêm cuối năm. Tôi xúc động không cùng, trước tiếng mời gọi của một mùa xuân chưa tới. Mùa xuân trên cao, mùa xuân mà thế hệ chúng tôi, những người trên dưới ba mươi, mỏi mắt, thấp thỏm đợi chờ, trong cái thế què quặt chông chênh nhất. Phải, «dù còn một chân», dù mất sự quân bình của tâm hồn, chúng tôi cũng đã «rán lên».

Mỗi mùa đông tàn là mỗi lần rán thêm chút nữa. Cuối một năm, mỗi một nhìn đoạn đường chông gai trắc trở vừa qua, ai cũng tưởng không còn gì phải cố gắng nữa. Có cố cũng bằng thừa vì không đi tới đâu. Nhưng tiếng vỗ cánh huyền diệu của mùa Xuân thoang thoảng đâu đó có một ma lực lôi ta đứng dậy, «đứng thẳng lưng và đi thẳng lưng», tiếp tục bước tới. Cuộc hành trình này dẫn về đâu, trước mặt thì mù mịt mà sau lưng thì tro than! Con đường dang dặc của một đời, chuỗi dài tiếp nối vô tận của mùa xuân mùa xuân, biết khởi từ đâu và dừng lúc nào?

Thế đứng gập ghềnh

Thôi, hãy giới hạn trong hai mùa xuân, và giới hạn lần nữa trong phạm vi hoạt động văn học.

Phải nhận rằng suốt một năm qua chúng ta đi khắp khiêng, nghiêng ngả. Bước đầu tiên đã là một bước hụt. Hiệp định Ba-lê được ký kết sau một thời gian thương thuyết nhì nhằng, với các nguyên tắc lý tưởng và chương trình hoa mỹ, hấp dẫn, chẳng kém đôi tay mùa xuân đang rộng đón mời trong ý thơ Nguyễn Huy Chương. Chúng ta tưởng sắp bước

vào vận hội mới. Ánh sáng chói lòa của hòa bình. Tiếng cười pha-lê của

tuổi trẻ. Mầm xanh vươn lên của hy vọng. Một người lính tử trận vài tuần sau ngày ký hiệp định làm ta xót xa, nghĩ đến cái phi lý của cả kiếp người. Ta xuýt xoa tội nghiệp. Rồi một người khác nữa nằm xuống, ngay buổi chiều. Ta ngạc nhiên. Rồi nhiều người nữa tiếp tục lìa đời. Ta kinh hoàng. Và cuối cùng, ta lặng lẽ, chai đá. Ta tiếc cho những hăm hở ban đầu, cố quên các dự định cũ. Bước hụt vào cái hố hy vọng mọi người đều ngã nghiêng, đầu óc choáng váng. Kết quả là tất cả sinh

hoạt văn học quanh ta đều mang một khuôn mặt bất thường: lạnh lẽo, đìu

hiu, rã rời chai lì... khuôn mặt nhợt nhẽ không có dấu vết nào của tương lai, mà cũng không hằn vết nào của quá khứ.

Về thi ca, trừ các tập thơ nhỏ in ronéo của các bút nhóm địa phương chưa đủ lớn để có chỗ đứng, chỉ còn một số tác phẩm ít ỏi cho suốt năm dài : *Theo cánh gió bay* của Anh Tuyến, *Năm năm dòng sông thơ* của Trần Huyền Ân, *Ngôi nhà cho người trở về* của Nguyễn Huy Chương, *Suối nguồn vi diệu* của Phạm Thiên Thư, *Dạo núi mình ta* của Hà Thúc Sinh, *Phương đui mộng* của Nguyễn Thanh Tịnh, *Đại mộng* của Võ Chân Cửu, *Hòa âm cổ quận* của Vũ Phan Long, *Thị Thiên* của Đặng Tấn Tới, tuyển tập *Đầu Gió* của Tổng cục Chiến tranh Chính trị v.v... Trong số các thi phẩm giá trị vừa kể, *Theo cánh gió bay* và *Ngôi nhà cho người trở về* có thể xem là những nét hằn còn lại của một cuộc chiến chưa thể dứt. Xúc động của Anh Tuyến, lòng thương yêu gửi về hai người con tử trận tại Quảng Trị bắt nguồn từ lòng thương yêu bao la đậm đà của một người cha, cũng đẹp và thực chẳng khác nào tâm sự một thanh niên ba mươi vui buồn trôi nổi theo vận nước là Nguyễn Huy Chương. Những thi phẩm loại này đáng lẽ phải nhiều, thì lại ít ỏi một cách bất ngờ. *Năm năm dòng sông thơ* với nét duyên dáng hiền hòa, có vẻ hơi lạc lõng giữa các tập thơ bao quanh khuynh hướng siêu thoát. Chưa bao giờ thi ảnh và từ ngữ cổ điển được tận dụng như

lúc này, lẽ dĩ nhiên để diễn tả một tâm tình khác : cây gậy trúc, chén trà khuya, hơi rượu cay, vầng trăng bạc, đám mây cao, núi non và cây cỏ, sương khuya ngoài song và gió mơn đóa cúc... Mỗi nhà thơ tân-cổ điển vẫn giữ được bản sắc riêng của mình : Nguồn suối trong của Phạm Thiên Thư, nét trầm mặc hào sảng của Hà Thúc Sinh, nỗi đau đớn điên cuồng của Nguyễn Thanh Tịnh, không khí heo hắt đìu hiu của Võ Chân Cửu, niềm hoan lạc thanh thản của Vũ Phan Long, cái hư không lạnh lẽo của Đặng Tấn Tới. Số lượng đáng kể của loại thơ này, so với số lượng ít ỏi của loại thơ lấy xúc cảm trực tiếp từ cuộc chiến, khiến cho sinh hoạt thi ca có trạng thái bất quân bình. Thơ bị cắt hết chiều ngang, và bị kéo lên chiều cao : Những dây hoa leo bị huyền lực của cõi cao cả siêu thoát, vươn nhanh đến nỗi không còn gì để bám. Rồi người thơ ngã nghiêng, lắt lay. Rồi cả cái « vườn treo » ấy sống bằng sương đêm và mây cao đỉnh núi, liệu có thể « đứng thẳng lưng » được bao lâu nếu không có đủ chiều ngang dàn trải của đời sống lịch sử làm chân đế ?

Tiểu thuyết cũng có một khuôn mặt bất thường tương tự. Một khuôn mặt nhợt nhạt : vì nhiều lúc ở các kệ sách, tiểu thuyết Việt bị chìm mất trong hảng hà sa số các tiểu thuyết dịch Anh, Mỹ, Pháp, Nhật, Đức... bề thế đẹp đẽ sang trọng hơn nhiều. Một khuôn mặt rã rời vì ở mọi khía cạnh, người cầm bút đã đánh mất niềm hăm hở. Các tác giả ăn

khách trước kia như Duyên Anh, Mai Thảo, Túy Hồng, Nguyễn đình Toàn... bây giờ, cho xuất bản chậm lại, ít hơn. Những độc giả tóc mây hình như cũng bớt đi, làm khựng ít nhiều sức sáng tác của Từ Kế Tường và Đinh Tiến Luyện. Hoàng Ngọc Tuấn truyền sức sống tươi mát nên thơ cho tiểu thuyết 1972, dâng một bông hồng cho cuộc chiến, thì lại tự đánh mất niềm tin trong sáng của mình trong các tập truyện viết năm nay. Tuổi thơ đã mất không thể nào tìm lại được nữa. Dù Nhã Ca có khổ công đem hết kinh nghiệm một đời viết văn để tìm *Trăng mười sáu*, *Hiền như mực tím*, ta vẫn thấy trăng mười sáu nhợt nhạt, và gương mặt tuổi thơ lạnh lẽo như thế nào!

Cũng có những tác giả chuyên viết sách phổ thông muốn tạo hiện tượng như Lệ Hằng, Dung (Sài Gòn). Hoặc có người thẳng thắn xem viết truyện như một kỹ thuật phục vụ độc giả (nghiên cứu các hiện tượng, rút tỉa các qui tắc) như Viên Linh. Sau một loạt ba cuốn truyện *Hạ đỏ có chàng tới hỏi*, *Lòng gương ý lược* *Tới nơi em ở*, không hiểu nhà Khai Hóa có đủ kiên trì tuân tự xuất bản tiểu thuyết kỹ thuật của Viên Linh cho đến khi mãn hạn giao kèo? Còn Lệ Hằng và Dung Sài Gòn, những cây viết nữ xuất bản nhiều nhất trong năm, liệu có tạo nổi hiện tượng nhất thời, và hiện tượng đó, nếu có, sẽ kéo dài được bao lâu?

Câu trả lời ở ngay cửa miệng những người bán sách, ở ngay nét lim dim của các nhà xuất bản và

phát hành. Các nhà xuất bản định đầu tư vào tiểu thuyết như đã đầu tư vào dịch vụ Quỳnh Dao, Kim Dung, chắc đã thấy mình bước hụt vào một cái hố sâu, nhìn đồng sách đọng của mình mà không khỏi bàng hoàng.

Lại có những nhà văn tên tuổi, quen thuộc, xuất bản cầm chừng, nhân nhạ, lấp đầy một khoảng trống trên thư tịch hay cố nhắc rằng mình còn có mặt: Nguyễn văn Xuân với *Dịch Cát*, Bùi kim Đình với *Đốt Xác*, Nguyễn thị Hoàng với *Tuần trăng mặt màu xanh* và *Bóng lá hồn hoa*, Vũ Bằng với *Người làm mả vợ*, Hoàng Hải Thủy với *Giữa hai giòng nước*, Bình Nguyên Lộc với *Tì vết tâm linh*, Thanh Nam với *Cánh đồng xanh phía dưới*, Nguyễn Mạnh Côn với *Mộng tan tành*, Mặc Đỗ với *Tân truyện (II)*, Trùng Dương với *Lập Đông*, Ngu ễn thị Vinh với *Vết chàm*, Nhất Linh với *Xóm Cầu Mới* và *Những ngày diễm ảo*, Nguyễn Xuân Hoàng với *Kẻ tà đạo* và *Bất cứ lúc nào bất cứ ở đâu...* Các tác phẩm vừa kể hoặc mỏng manh khiếm nhường ở hình thức xuất bản (các sách Tân Văn của nhà Nguyễn Đình Vượng), hoặc bị nhà xuất bản (có lẽ tác giả cũng vậy) rề rúng nên kỹ thuật ấn loát, cả ruột lẫn bìa, trông đến thảm thương (trường hợp cuốn *Tuần trăng mặt màu xanh*), hoặc nội dung không đáp ứng được sự chờ đợi, ngưỡng vọng của người xem (*Dịch cát* là một bóng mờ bên cạnh *Bão rừng*, *Vết chàm* khiến độc giả ngậm ngùi nhớ tiếc *Thương yêu*, *Hai chị em...*). Trong lúc đó, ta thấy thiếu mặt một số đông đảo các nhà văn

đáng lẽ phải tiếp tục có mặt: sau tập *Cái đầu* xuất bản năm 1972, Doãn Quốc Sỹ vắng mặt suốt năm 1973, Dương Nghiễm Mậu chỉ đăng truyện trên nhật báo và không xuất bản truyện, Thế Uyên bận bịu với sách giáo khoa, Sơn Nam vẫn lẫn lộn với sinh kế bằng cách khai thác kho kinh nghiệm khàn hoang đã cô đọng đầy đủ trong *Hương Rừng Cà Mau*, Võ Phiến chỉ xuất bản ba tập tạp bút tùy bút, *Tạp luận*, *Chúng ta qua cách viết Đất nước quê hương* và tiếp tục ngưng sáng tác tiểu thuyết...

Hai cây viết trẻ nổi bật của năm 1972 là Hoàng Ngọc Tuấn và Phan Nhật Nam, sang đến năm nay cũng hơi khựng lại. *Dựa lưng nổi chết* của Phan Nhật Nam không đem đến cho người đọc sự sôi độ g nóng bỏng của *Mùa hè đỏ lửa*, không phải vì ngòi bút của tác giả bớt đam mê mà vì hoàn cảnh đón nhận của người đọc đã thay đổi. Lửa không còn đỏ rực trời, chỉ còn những đám cháy nhỏ chen vào khoảng trống hai buổi hội nghị ở trại Davis. Hoàng Ngọc Tuấn cũng vậy. Không khí thơ mộng giữa trời máu lửa trong 6 tác phẩm xuất bản năm 1972 của nhà văn này, có lần Võ Phiến xem đó là «một bông hồng gửi đến cho Hôm Nay, một bông hồng rạng rỡ cho Hôm Nay tối tăm». Nhưng tập truyện *Học trò* ra đời đầu năm 1973 có nhiều điều chính tác giả cũng không vừa ý (nhà xuất bản tự động lấy một số truyện in rồi cho vào tập mới), và truyện dài *Tôi và Em* là một thí nghiệm đang dở về kỹ thuật. Hai tập *Bão rớt* và *Tiếng*

chim vườn cũ của Nguyễn Mộng Giác lần đầu xuất bản vào độ cuối năm, lấy đề tài từ những hệ lụy ray rứt của cuộc chiến tiếp nối suốt hơn hai mươi năm, cũng lạc lõng giữa thế giới tiểu thuyết 73 chẳng khác nào *Ngôi nhà cho người trở về* lạc giữa thế giới thi ca siêu thoát. Cuộc chạy đuổi theo tình cảm đã quá lâu để nhà văn Việt Nam lúc này giữ được sự lâm ly đam mê thừa đầu. Thời thế biến chuyển vui dập mau chóng những «đóa hồng cho Hôm Nay». Chiến cuộc không còn đủ nồng độ để hâm nóng các tác phẩm hẳn đầu máu lửa. Đã thế, số lượng khiêm nhường của các truyện Việt được xuất bản, so với số lượng lớn lao của truyện dịch, càng làm cho khu vườn tiểu thuyết hoang sơ thêm.

Vậy thì tìm nét độc đáo của sinh hoạt văn học 1973 ở đâu? Trong công việc dịch thuật chăng? Điều này có vẻ nghịch lý, nhưng ta thử kiểm kê sách dịch để tìm nguyên nhân của một hiện tượng.

Chưa bao giờ có phong trào dịch sách đại qui mô và ồ ạt như năm 1973 này. Hơn một trăm dịch phẩm lớn nhỏ đủ loại, đủ cỡ, đủ khuynh hướng, từ những bộ tiểu thuyết dày cộm như *Anna Karénine* của Tolstoi cho đến tập kinh mỏng vài mươi trang *Kinh Ruột Tuệ Giác Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh*, từ những truyện tình thơ mộng như *Tình nghệ sĩ* của Paul Gallico cho đến thế giới quần bách nghiệt ngã trong *Số không* và *Vô tận* của Arthur Koestler. Các tác giả nổi danh trong văn học thế

giới, gần đủ quốc tịch, đều được mời về dự hội: Cronin, Gheorghiu Quynh Dao, Từ Tắc, Heinrich Boll, André Malraux, Remarque, Từ Vu, Hà Tú Anh, Maxime Gorki, Herman Hesse, Barbara Noak, Saroyan, Krishnamurti, Tagore, Simone Weil, Kahlil Gibran, Marcuse, Konsalik, Gallico, Steinbeck, Léon Uris, Stendhal, Thomas Hardy, Charrière, Jiro Osaragi, Solzhenitsyne, Victor Hugo, Arthur Koestler, Alain Fournier, H. Lawrence Dostoevsky, Elia Kazan, Pearl Buck, Alberto Moravia, E. Hemingway, Somerset Maugham, Max de Veuzit, Ayako Miura... khó lòng mà hệ thống hóa được đồng dịch phẩm màu sắc hỗn tạp như vậy. Nếu rón tìm một vài nhận xét tương đối, ta có thể tạm đồng ý vài điểm sau đây:

— Tiểu thuyết dịch của Quynh Dao không còn là thời trang như năm ngoái nữa. Dù một vài nhà phát hành có cố gắng tìm một Ly Lan, một Từ Tắc, một Quách Lương Huệ để tạo hiện tượng, họ cũng đã thất bại.

— Các chiến dịch rầm rộ hướng dẫn người đọc đề tiêu thụ ồ ạt một loại sách chủ đề cũng không thành công. Người Sông Kiên đã lăm khi nỗ lực khai quật cái mồ Hitler. Người tỉnh Danielle Hunebelle của Tô Tần phương Tây Kissinger có thể khuấy động dư luận Âu Mỹ, nhưng không làm cho độc giả Việt Nam đủ tò mò để bỏ tiền mua sách. Cái chết của nữ văn hào Pearl Buck không làm cho loạt dịch phẩm tiểu thuyết của bà bán chạy. Hình như độc giả Việt Nam năm nay khó tính hơn nhiều, không

nhẹ dạ dễ bị lôi cuốn vào phong trào.

— Mỗi tác giả ngoại quốc chỉ được chiếu cố đến một hay hai lần là nhiều. Điều đó chứng tỏ phỏng đoán theo cảm quan riêng tư của người dịch và nhà xuất bản không đúng với tâm tình chung của đám đông.

— Chỉ còn một số tác giả ít ỏi vẫn được tra chuộng từ một hai năm về trước như: Gheorghiu, Remarque, Hesse, Tolstoi Dostoevsky, Boll, Solzhenitsyne...

Nhận xét ấy có ý nghĩa gì không? Thật khó trả lời cho dứt khoát.

Cái chân còn thiếu

Đem so cái đầu hiu khập khiễng của văn học Việt và sự phong phú đa diện của dịch phẩm, nhiều ý kiến trái ngược nhau về vấn đề này đã được phát biểu. Tạp chí Văn đã dành hẳn một số nói về hiện tượng sách dịch. Người lạc quan cho đó là « phù sa đưa đất màu tới đồng bằng văn chương của ta » (Bình Nguyên Lộc) là « một nhu cầu hợp lý » (Mặc Đỗ). Người bi quan cho đó là dấu hiệu của tinh thần vọng ngoại (Sơn Nam). Nhưng nếu không xét lợi hại của sách Việt và sách dịch như hai ngành sinh hoạt biệt lập, mà xem như hai mặt của một vấn đề, buổi sáng buổi chiều của một ngày, thì có thể ta sẽ tìm thấy trong sách dịch những yếu tính mà văn học chúng ta đang thiếu. Cái chân đã mất đề người viết Việt Nam cảm thấy choáng váng chông chênh, chiều ngang bị cắt đề thơ truyện 1973 bị rút lên bề cao làm cái dây leo mong manh, ta phải tìm thấy ở đầu

đó trong rừng sách dịch. Đã có lần chúng tôi nghĩ rằng vì « tình thế còn lơ lửng, tâm trạng còn hoang mang nhà văn không có gì xác tín để viết ra. Mà dù cho có xác tín, đủ can đảm viết ra, liệu các nhà văn có in ra được không? Trong lúc đó, thợ in vẫn còn sống, máy móc vẫn cần chạy, độc giả vẫn cần đọc, nhà sách vẫn cần mở. Cuộc sống cần tiếp tục trôi đều, như mặt trời vẫn cần mọc mỗi buổi sáng. Bao nhiêu cái cần đó của ngành xuất bản và giới tiêu thụ cộng với tình trạng sáng tác khó khăn của nhà văn Việt Nam hiện giờ đủ làm cho sách dịch có giá ». (1)

Thế quân bình tự nhiên trong mọi ngành sinh hoạt xã hội đưa dịch thuật lên hàng đầu khi sáng tác bị đình trệ. Đó là sự quân bình về lượng. Còn *cái thiếu* về chất-liệu của văn học Việt là gì? Ta thử tìm thấy trong *cái dư* của văn dịch.

Trong các tác giả ngoại quốc vừa kể trên đây, từ Tolstoi và Dostoievsky đã trở thành biểu tượng tuyệt đối cho hai lối ghi nhận đời sống (thứ đời sống muôn thừa, phổ quát), độc giả Việt Nam đặc biệt ái mộ các tác phẩm của Remarque, Gheorghiu, Hesse, Boll, Solzhenitsyne. Đối với các nhà văn này, người dịch đã không lầm khi lựa chọn dịch phẩm. Truyện của Remarque, Gheorghiu đã được dịch từ nhiều năm trước. Truyện của Hesse cũng vậy. Gần như nhà xuất bản Ca Dao chỉ dịch toàn truyện của Hesse và duy trì được mức độ xuất bản khá lâu nhờ sách của nhà văn Đức này. Heinrich Boll bắt đầu quen

thuộc với người đọc Việt Nam từ khi nhận được giải Nobel, còn Solzhenitsyne từ những hành động quyết liệt chống đối sự áp bức trí thức, văn nghệ của chính quyền Nga xô-viết.

Truyện của Remarque và Gheorghiu đều nói đến thân phận con người trong chiến tranh và niềm hy vọng thiết tha một thế giới hòa bình, thương yêu, nhân bản. Đó là những bản cáo trạng sống động kết tội bạo lực và cái guồng máy phi nhân của xã hội cơ khí. Đó là mơ ước được nhìn đóa hoa bên kia cửa sổ căn nhà hoang, nghe tiếng chim hót trong khu rừng cháy. Và ta cũng nên lưu ý điểm căn bản này: đó là những lời đòi hỏi xét lại, *xét lại một cuộc chiến đã qua*. Họ viết, lúc cây đã lại đâm chồi, nhà đã được tái thiết, cỏ đã xanh trên các nấm mồ. Họ viết, trong tư thế của kẻ hoàn toàn dứt khoát với chiến tranh, cách biệt với nó bằng một khoảng không gian an toàn. Họ nhìn một con thú đã bị nhốt trong chuồng, với cảm giác an toàn tuyệt đối. Ta mơ được như họ, mơ được dứt khoát với cuộc chiến đặng đặng đặng này, mơ được yên tâm xét lại từ đầu. Nhưng mơ với thực khác nhau xa quá. Cây chưa dám đâm chồi. Nhà chưa dựng lại được. Cỏ chưa đủ xanh trong nghĩa địa đã có một khuôn huyết mới. Ta bị nhốt chung với thú dữ, đứng trong song sắt với nó. Mơ ước được thoát ra ngoài, thân nhiên mà ngắm con thú hung hăng lỗ bịch, ta tìm đâu khác

(1) Giai phẩm Văn số ra ngày 8-6-1973 chủ đề: Hiện tượng sách dịch trang 7.

hơn ngoài cách tìm trong truyện của Remarque, Gheorghiu, Boll.

Rồi mơ ước lớn dần. Nó không dừng lại ở ngoài cánh song sắt. Thoát được khỏi cái địa ngục bạo tàn, cái bi lụy lớn nhất của địa ngục trần gian này là cuộc chiến tranh đẫm máu, ta còn phải mơ một cuộc hành trình mới. Ta còn phải nghĩ đến một chỗ về, một phương đề tới. Ý thức phản tỉnh thúc đẩy tâm hồn người vừa được quyền tự do đến một chặng nữa. Câu hỏi mới đặt ra, cấp thiết và thẳng thốt : đâu là quê hương đích thực ? đâu là mái nhà xưa ? đâu là chỗ đáng sống cho con người sau khi hẳn thoát khỏi được cửa địa ngục ? Herman Hesse trả lời thay cho ta :

“Tôi đã học qua thể xác và linh hồn tôi rằng : tôi cần phạm tội, tôi cần phải đắm dục lạc, cần phải lao tâm nhọc trí kiếm tiền của, trải qua những cơn buồn nôn và xuống tận cùng hố thẳm tuyệt vọng, để mà học yêu thương cuộc đời, và không còn so sánh nó với một thế giới tưởng tượng viển vông do mình mơ ước, không còn so sánh nó với một ác tượng nào về Toàn-Thiện, mà trái lại để cuộc đời nguyên trạng là nó, yêu thương và vui thích được dự phần với nó”. (1)

Rồi lần lượt Krishnanurti, Kahlil Gibran, Tagore cũng mở cho ta một viễn tượng đẹp. Họ đưa ta về nguồn. Cái nguồn bí nhiệm thanh thoát của Đông-phương lâu nay bị ánh sáng cơ khí Tây-phương vây phủ, lấn át.

Như vậy những cái đáng lẽ phải có của nền văn chương hậu chiến,

sự xét lại toàn bộ bản chất lịch sử và ý hướng giải thoát để đạt đến hòa bình nhân bản, ta không thể tìm thấy trong các sách Việt. Người viết cảm thấy mình muốn có một cái gì, thiếu thiếu một cái gì. Cả người đọc cũng cảm thấy ray rứt, vì không tìm thấy cái mơ hồ mình muốn tìm trong thơ truyện Việt. Cuối cùng, họ đã tìm thấy đầy đủ trong sách dịch, dù là không hoàn toàn thỏa mãn vì ở đó khung cảnh khác, đời sống khác, tâm tình khác, sinh hoạt khác. Mất cái chân bằng xương thật, họ đành phải tìm một cái chân gỗ dù bước đi có khó khăn đôi chút (câu văn dịch tối nghĩa, bởi cảnh tình thần quá khác biệt...) Không được quyền phán xét thẳng thắn lịch sử trước mặt, sau lưng, họ tìm đến Remarque, Boll. Không được quyền ra khỏi guồng máy quay tít, bước qua vạch phấn trở trên, họ tìm đến Gheorghiu, Soizhenitsyne. Còn Gibran, Hesse, Tagore, Thiên, Trang tử đã dắt dẫn biết bao nhà thơ tân-cổ-diễn đi vào thế giới huyền nhiệm của mây trắng, sương đêm, trà khuya núi thẳm, trăng lạnh, sông dài... Cuốn lên cao, lên cao mãi, ma lực của cõi-vĩnh-viễn kéo ta dứt khỏi nhân-sinh !

Hãy nhìn trở lại

Vậy thì sự bất quân bình căn bản của văn chương hiện nay là càng ngày chúng ta càng bị thu hẹp chiều ngang, để phải thoát lên chiều cao. Đã đành chúng ta trung thực với mình, *“đứng thẳng lưng và đi thẳng lưng”*. Nhưng vì ta không được quyền tìm hiểu vì

(2) Siddharta. Herman Hesse, bản dịch của Phùng Thăng Phùng Khánh.

sao chỉ « còn một chân », trong khi :

*Mùa xuân trên cao vỗ cánh reo mừng
Mùa xuân trên cao đang tay mời đón*

nên ta chỉ còn một lối thoát. Hướng lên phía trên, lên cao hơn, cao hơn nữa. Đến một lúc (chắc là lúc này đây) ta thấy choáng váng, thấy ngợp. Ta muốn có một chân để chắc chắn cho ngọn tháp văn thơ. Chân để nhân sinh !

Ta không thể viết được như Remarque hay Gheorghiu, trước hết vì đất nước chúng ta chưa có may mắn ở vào giai đoạn hậu chiến. Tình trạng nhì nhằng chiến tranh không ra chiến tranh, hòa bình không ra hòa bình này làm cho ta hoang mang. Nhớ lại hồi đầu năm, lúc hiệp định Ba-lê vừa được ký kết, Phạm Duy đã làm luôn một hơi mấy bài bình ca đề hát Tết. Phải thành thật nhận rằng mấy bài ca ấy không mấy thành công. Người hát không tin lời mình, và người nghe cũng không dám tin tai mình. Chiến tranh kéo dài quá lâu, đủ dạy cho mọi người Việt Nam đức kiên nhẫn dè dặt đáng quý. Hãy chờ xem thử đã. Và ta đã thấy dè dặt là phải. Trong tình thế lưỡng-lự hồ-nghi ấy, người cầm bút lấy xúc cảm từ đâu ?

Từ thảm cảnh của chiến tranh ? Lửa đâu còn đỏ rực mùa hè, con đường buồn hiu của Bernard Fail đã được khai quang, dọn dẹp hết xác chết và xe cháy. Những lời tố cáo hung hăng rất ăn khách trước kia, bây giờ chẳng khác nào đập tung một cánh cửa mở toang hoác. Những lính G.i. hết còn xỉ xỏ trong ngõ hẻm tìm hoa.

Laundry shop, Car washing, Bar, Steak house đã đẹp bằng. Me Mỹ hoàn lương trong tiệc nuôi. Đời sống thành thị trở lại nếp cũ. Làm nhà-văn-tố-cáo bây giờ, khác nào mang áo giáp cầm thương phóng hết mình vào cánh xay gió !

Từ ước vọng « tái thiết và phát triển » ? E có sớm quá chăng ! Lâu lâu, vào những lúc giữa khuya, hỏa châu còn soi sáng đầu đố bên kia núi. Súng còn nổ. Trung đội chung-sự-vụ vẫn có việc làm, đều đều. Phát ngôn viên chính phủ tố cáo trước dư luận thế giới rằng phe bên kia đã xâm nhập công khai vào Nam mấy chục nghìn quân, mấy trăm xe tăng. Không ảnh chụp được trong các chuyến trinh sát cho thấy các phi trường mới. Rồi trực thăng bị hạ. Rồi ngưng chỉ việc trao tù. Rồi bỏ hợp. Rồi Lệ Minh, Buprang, Dak son... Rồi oanh tạc pháo kích... Đã đến lúc chưa, đề vẽ những đóa hồng cho hôm nay ?

Chính nỗi phân vân này đã làm cho nhiều người viết khựng lại. Lềch bên này một chút là quá đà. Lềch bên kia một chút là quá sớm. Nhà văn Việt Nam đâu có tài uyển chuyển của một người đu dây, trong tình thế hết sức đặc biệt này. Đó là chưa kể phải trở tài diệu thủ để tránh né các khó khăn về luật lệ xuất bản. Đó là chưa kể các khó khăn về phương diện kinh tế. Giá giấy lên cao, công in đắt, phí tổn ấn loát quá cao nên giá bán vượt quá khả năng của người mua. Sách ế, thợ in thất nghiệp. Đến đây cả mặt trời và mặt trăng, cả tối và sáng, cả cái thiếu của sách Việt

lần cái dư của sách dịch đều phải lụy vì «gạo châu củi quế». Cuối năm, tất cả mọi loại sách văn nghệ đều thừa thớt, rã rời. Mùa đông đã về!

Tuy vậy, nhưng mà...

Đó là những chữ gượng gạo, cốt chấp một cái hậu truyền thống vào câu chuyện lâm ly. Nhưng mà đông rồi lại hết và đến lượt mùa xuân. Hermann Hesse dẫn ta trở về căn nhà xưa của phương Đông, thì hãy cứ nhớ lấy vòng tuần hoàn của bốn mùa. Không ai ghi được bánh quay của thời gian, mùa đông có dài rồi cũng phải hết.

Arthur Koestler dẫn ta vào vòng ngột ngạt ngột ngã của phương Tây:

« Một nhát trời giáng thứ hai vào sau tai Roubachof. Rồi hoàn toàn yên lặng. Lại trùng dương với tiếng sóng ỳ ầm nổi lên. Một con sóng từ từ cuộn lấy chàng. Từ xa khơi đồ tới, sóng lại uy nghi giống ruồi đường mình, như *dáng thân nhiên của thiên cồ* ». (1)

Phải rồi. Dù con người có cựa quậy co cứng nhau trong cái khám hẹp, dù chiến tranh chấm dứt hay tiếp nối, *sóng vẫn thân nhiên* như thiên cồ. Chẳng những chỉ có nước thân nhiên và núi cao hoa cỏ cũng vậy. Đến cuối

năm, gió thổi bên kia cửa kính, không hiểu vì sao chợt nhớ đến những sóng lá đèo Mang Yang. Xe chậm chạp trườn lên đèo cao. Hai bên đường cây lá xanh mướt sau một đêm mưa. Nắng dưới chân đèo, nắng mùa trước mặt. Một hành khách hỏi bác tài:

— Sao mấy cái cây lớn kia chết khô hết vậy bác?

—

Năm ngoái tưởng cả khu đèo này không còn một ngọn cỏ. Nhưng mà ăn thua gì. Cây cao chết thì cây nhỏ mọc. Xanh rì cả, không thấy sao?

Thưa bác tài triết gia và thi sĩ. Tôi đã thấy rồi. Thấy xe đang leo đèo, thấy cây xanh của mùa mới, thấy chất liệu của một cuốn truyện chung thấy cái để của đất đá trường sinh thấy cái cao của đỉnh núi với mây.

Tuy đêm nay có gió mùa đông, nhưng những giò viết này đến với bạn hữu xa gần vào mùa xuân, chắc chắn mùa xuân. Nghĩ được như vậy, không sung sướng sao!

NGUYỄN MỘNG GIÁC

(1) Đoạn cuối cùng trong «Le Zéro et l'infini» của Arthur Koestler, tả cảm giác của Roubachof lúc bị thủ tiêu, Bản dịch của Thạch Trung Giả, An Tiêm x.b.

KẾ TOÁN - TỐC KÝ NGHIỆP-VỤ NCÂN-HÀNG

93 Ngô Tùng Châu (Saigon 2)

124 Hùng Vương (Sàigon 5) từ 18 giờ 30

Sách mua tại trường giá đặc biệt.

Quản đốc : G.S TRẦN MINH XUÂN

ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG

TRỤ-SỞ CHÍNH: 61-63-65, Đại-Lộ Hàm-Nghi SAIGON

Điện thoại : 98.460 — 98.700

Chi-Nhánh	Cholon : 47-49 Tổng Đốc Phương Cholon	ĐT : 51.047
—	Cầu Ông Lãnh : 21 Bác-sĩ Yersin Saigon	ĐT : 99.386
—	Gia-Long : 121-123 Gia-Long Saigon	ĐT : 96.827
—	Biên Hòa : 10 Nguyễn Hữu Cảnh BH	ĐT : 36
—	Ban Mê Thuật : 80-82 Quang Trung BMT	ĐT : 148.083
—	Vinh Bình : 24 Gia-Long Vinh-Bình	ĐT : 092
—	Sa-Đéc : 139-141 Tổng Phước Hòa Sa-Đéc	ĐT : 114
—	Đà-Nẵng : 197 Độc Lập Đà-Nẵng	ĐT : 21.077
—	Thị-Nghè : 22 Hùng Vương Thị-Nghè	ĐT : 96.251
—	Long An : 36 Thống Nhất Long-An	ĐT : 48
—	Vinh Long, 49 : Phan Thanh Giản V.L.	ĐT : 093

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM ĐỊNH-KỲ VÀ ĐỊNH-KỲ :

— Dưới 3 tháng	17%
— Từ 3 đến dưới 6 tháng	19%
— Từ 6 đến dưới 9 tháng	21%
— Từ 9 đến dưới 12 tháng	22%
— Từ 12 tháng	24%

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM :

- 17% mỗi năm : nếu không dự xỏ-sổ
- 13% mỗi năm : nếu có dự xỏ-sổ
- 4% mỗi năm : để xỏ-sổ
- Tiền lời tính theo kết-số dư hàng ngày
- Muốn rút vốn ra bất cứ lúc nào cũng được.

LÃI-XUẤT TÍN-DỤNG :

- Từ 14% đến 28%.

Sách dịch thuật trong năm qua

ĐÀO TRƯỜNG PHÚC

Cho đến nay thì tất cả những người lưu tâm đến ngành xuất bản và phát hành tại miền Nam Việt-Nam đều nhất loạt đồng ý với nhau ở một điểm căn bản là nếu nói về xuất bản và phát hành mà chỉ đề cập tới sách sáng tác, bỏ quên sách dịch thuật thì quả là một sai lầm và thiếu sót không thể tha thứ. Đi tìm những thời điểm tương đối chính xác, người ta nhận thấy mặc dù từ trước tới nay bộ môn dịch thuật vẫn luôn luôn chiếm giữ một vai trò nhất định trong thị trường chữ nghĩa, nhưng cho đến năm 1972 thì vai trò ấy hãy còn là một vai trò bình thường khiêm tốn. Trước 1972, sách dịch thuật xuất hiện đều đặn, lai rai, song song với sách sáng tác và với số lượng ít ỏi (đôi khi quá ít ỏi) so với sách sáng tác. Trong khoảng 1965-1972 có thể nói sách dịch thuật nghiêng về lãnh vực giáo khoa, nghiên cứu chuyên môn, hơn là lãnh vực văn nghệ giải trí. Thành phần độc giả của sách dịch thuật, do đó, cũng là một thành phần được hạn chế một cách khá rõ rệt.

Thế rồi bỗng nhiên, từ cuối 1971 bước sang 1972, người ta chứng kiến một cuộc thay đổi, một cuộc tấn công đả kích khá bất ngờ. Năm 1972 chính là năm đánh dấu sự xuất hiện của đạo quân dịch thuật đầu tiên xâm chiếm thị trường chữ nghĩa, tạo nên

cả một hiện tượng từng gây nhiều chú ý: hiện tượng Quỳnh Dao. Sự thành công đột ngột của tiểu thuyết Quỳnh Dao đưa đến cuộc cạnh tranh tuy ngắn ngủi nhưng không kém phần ráo riết giữa một vài nhà xuất bản, và có lẽ vì thế, đã gợi ý cho ngành xuất bản nói chung đề bắt đầu lưu tâm đến bộ môn dịch thuật. Trong hạ bán niên 1972, sách dịch thuật bỗng xuất hiện một cách mạnh mẽ và cũng được đón nhận một cách mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Sự xuất hiện ấy không còn có tính cách lai rai, cầm chừng, mà bắt đầu trở nên ồn ào, ồ ạt. Giới in sách rút được một kinh nghiệm: Khi giới thiệu một tác giả ngoại quốc, họ không giới thiệu lẻ loi một hai tác phẩm nữa, họ sẽ tung ra hàng loạt, như từng chiến dịch. Có thể có những chiến dịch thất bại — đó là vấn đề may rủi — nhưng một khi đã thành công thì sự thành công ấy sẽ được nhân lên với một hệ số đáng kể. Cuối năm 1972, ngời kết toán, những nhà phát hành đã ước lượng rằng tỷ lệ sách dịch thuật của 1972 tăng lên khoảng từ 60% đến 65% tổng sản lượng ấn loát phẩm tung ra thị trường chữ nghĩa.

Sang tới năm 1973, tỷ lệ nói trên còn vọt cao hơn nữa, đạt đến mức xấp xỉ 80%. Đạo quân đả kích đã thực sự trở nên một thứ chủ lực quân đáng ngại. Và cuộc khuynh loát

của sách dịch thuật đối với tất cả những bộ môn khác trong ngành xuất bản, như thế, cũng đã thực sự thành hình.

Có nên thử đi vào chi tiết một chút chăng ? Sách dịch thuật trong năm 1973 : nói như thế nghe mơ hồ quá. Sách dịch thuật ấy là những sách nào ? Mức độ tiêu thụ ra sao ?

Trước hết, bước sang 1973, phong trào đọc tiểu thuyết Quỳnh Dao chìm dần và rồi lắng hẳn. Nửa năm trước thấy Quỳnh Dao ăn khách quá, người ta đã không ngần ngại khai thác cái tên người nữ sỹ Trung Hoa đó để gắn lên một loạt tác phẩm giả hiệu khiến cho độc giả đâm ra hoang mang không biết đường nào mà lẫn. Nửa năm sau, dù là Quỳnh Dao thứ thiệt hay thứ giả cũng không còn ai buồn thắc mắc nữa. Người ta thử xoay sang một vài tác giả Trung Hoa khác. Nhưng hình như sự bắt mạch này không thành công : mỗi duyên văn tự bất ngờ giữa Đài Loan và Saigon có lẽ chỉ đạt được tới một mức độ nào đó, không muốn trở thành cuộc hôn nhân vĩnh cửu. Tiểu thuyết của Từ Tắc bán yếu hẳn so với Quỳnh Dao. Rồi đến Y Đạt, La Lan (thứ thiệt chăng ?) xem ra cũng lâm vào hoàn cảnh tương tự, mặc dù đã được quảng cáo một cách rầm rộ trên khắp các mặt báo. Một vài nhà văn khác, tuy sống ở Tây phương nhưng tác phẩm nghiêng nhiều về đời sống Trung Hoa, như Han Suyin, Pearl Buck, cũng được chú ý tới, nhưng rõ ràng là không sao gây nổi một

phong trào trong giới độc giả. Dịch phẩm của Pearl Buck chỉ có hai cuốn *Mẹ và Gió Đông Gió Tây* là tương đối bán chạy ; và của Han Suyin thì chỉ có cuốn *Đường về Trùng Khánh*.

Nhưng không vì thế mà người ta bớt chú ý đến bộ môn dịch thuật. Bộ môn đó, bước từ 1972 sang 1973, đã bắt được một đà tiến thuận lợi. Nó tiếp tục khai thác cái đà tiến ấy. Nó giúp cho những nhà xuất bản có đủ can đảm đề tung ra thị trường hàng loạt dịch phẩm của hàng chục tác giả, từ những tác giả cổ điển đến những tác giả hiện đại, từ những tác giả thuộc loại "phổ thông" nhất đến những tác giả thuộc loại "khó nhai" nhất. Cổ điển có Dostoïevski (*Les Frères Karamazov*, *Crime et Chatiment*, *Les Possédés*, *L'Idiot...*) ; Tolstoï (*Anna Karénine*, *Résurrection...*) ; Balzac (*Le Père Goriot*) ; Gorki (*L'enfance*) ; Nietzsche (*Ainsi parlait Zarathoustra*) v.v.. Hiện đại thì thôi thiếu gì : Sartre (*La Nausée*, *Le Mur...*) ; Malraux (*La Condition humaine*) ; Maurois (*Climats...*) ; Remarque (*Le Temps d'aimer et le temps de mourir*, *Rien de nouveau à l'Ouest*, *Camarades...*) ; Hemingway (*Pour qui sonne le glas*, *Le Soleil se lève aussi...*) ; Faulkner (*Le Bruit et la Fureur*) ; Pasternak (*Le Docteur Jivago*) v.v..., hay gần hơn nữa Philip Roth (*Goodbye Columbus*) ; Erich Segal (*Love Story*) v.v... Đủ mọi quốc tịch, đủ mọi khuynh hướng, và thấy đều được đón nhận một cách, nếu không nồng nhiệt thì cũng vui vẻ như nhau.

In sách dịch thuật, từ bản chất, có thể được coi như một hoạt động nhiều phiêu lưu, mạo hiểm. Đối với những tác phẩm thuộc loại best-seller, như *Love Story* hay *Goodbye Columbus*, thì còn có thể tin tưởng rằng khai thác được tính hiệu kỳ để bảo đảm cho mức tiêu thụ. Nhưng với những tác phẩm tạp loại khác, nói chung, thì nhà xuất bản phải đương đầu với biết bao nhiêu yếu tố rắc rối. Lấy gì để đảm bảo chắc rằng một tác giả vĩ đại cỡ Dostoïevski, Tolstoi, hay cỡ Hemingway, Faulkner, khi tác phẩm được dịch ra sẽ bán chạy ở Việt Nam? Lấy gì để đảm bảo chắc rằng dịch phẩm của một Hermann Hesse chẳng hạn thành công ở cuốn đầu tiên, sẽ tiếp tục thành công ở những cuốn tiếp theo? Có nhiều thí dụ kỳ quặc đã xảy ra cũng là Tolstoi, nhưng trong khi cả một bộ sách khổng lồ như *Chiến tranh và Hòa bình* thì lại rai bán được tới con số 7.000, mà ngược lại những tác phẩm khác như *Miền đất hứa* hay *An na kha lệ* thì lại có vẻ khó tiêu thụ, hay tiêu thụ chậm chạp hẳn đi. Hoặc giả, cũng là E.M. Remarque, nhưng chỉ có hai tác phẩm *Một thời đề yêu và một thời đề chết* và *Mặt trận Miền Tây* vẫn yên tĩnh là được in đi in lại, còn dăm bảy tác phẩm khác tiếp theo thì chỉ được đón nhận một cách lơ mơ, hờ hững...

Thế nhưng nói chung, những nhà xuất bản vẫn không ngừng đầu tư vào lãnh vực dịch thuật. Có thể nói hầu như tất cả các nhà xuất bản đều sẵn sàng bỏ vốn vào đó, và nếu người

ta có mệnh danh chính cái sự kiện này là một phong trào, thì dù cho hơi có vẻ mỉa mai một chút, nhưng chắc cũng chẳng lấy gì làm quá đáng. Một tác phẩm ngoại quốc đôi khi được hai ba dịch giả cùng bắt tay dịch và được hai ba nhà xuất bản cùng bắt tay in, đề tung ra thị trường chỉ cách nhau vài hôm. Đó là trường hợp năm xưa từng xảy ra với tiểu thuyết Quỳnh Dao, và mới đây lại xảy ra với tiểu thuyết Dostoïevski, hay với thơ Tagore, Kahlil Gibran...

Nói đến thơ Tagore và Kahlil Gibran, người dễ tính cũng có thể dùng chữ *hiện tượng*. Từ trước đến nay rất hiếm khi bộ môn thi ca chịu đi đôi với mức tiêu thụ về phương diện thương mại. Thơ dịch mà bán chạy, do đó lại càng là chuyện khó tưởng tượng nổi. Vậy mà cuốn *Tâm tình hiền dân* (The Gardener) của Tagore đã được tái bản đến lần thứ tư, kể từ 1969. Và cũng tương đương với số bán đó (20.000 cuốn), là bản dịch những tác phẩm của Kahlil Gibran, như *Uyên ương gãy cánh*; *Mặt khải* v.v.

Như thế thì sách dịch thuật, nói một cách tổng quát, không nằm trong một định luật nào cả. Thử đặt ra một định luật cho việc xuất bản sách dịch thuật, rồi đem kiểm chứng bằng sự kiện thực tế xem: tha hồ mà trật lất. Thành thử, đi tìm một lời giải thích cho cái phong trào mà chúng ta vừa nhắc ở trên xem ra cũng chẳng phải điều dễ dàng. Nói cách khác, có rất nhiều lối giải thích khác nhau, lối nào cũng có vẻ hợp lý nhưng

không lối nào đúng hoàn toàn. Người thì cho rằng, phong trào sách dịch thuật nói lên sự tiến triển tốt đẹp của khuynh hướng khai phá tầm kiến thức về văn học của độc giả Việt Nam. Người khác lại đi xa hơn cho rằng khung cảnh chính trị hiện đại tạo cơ hội thuận lợi và thích hợp cho việc trao đổi và phổ biến văn hóa giữa các quốc gia, đặc biệt là giữa xã hội Đông phương... Giải thích như trên xem chừng nặng phần đao to búa lớn và không mấy phản ánh sự trạng thực tế. Lối giải thích thứ nhất có thể đúng đối với những tác phẩm « lớn », có giá trị phổ quát và trường cửu, nhưng ngược lại, đâm ra hơi khôi hài nếu áp dụng vào trường hợp những tác phẩm mà nội dung cũng như hình thức rõ ràng chỉ được cấu tạo với mục đích giải trí cho một tầng lớp độc giả dễ tính nào đó. Lối giải thích thứ hai, nếu có thể phù hợp với không khí sinh hoạt văn hóa khi chiến cuộc bắt đầu lắng dịu, thì lại không cắt nghĩa được sự chênh lệch kỳ cục giữa hai mức độ trao đổi: dù chủ quan hay khách quan, người ta cũng thấy rằng cho đến nay chỉ mới có số sách ngoại ngữ dịch ra tiếng Việt Nam là đáng kể, chứ còn sách Việt Nam dịch ra ngoại ngữ thì.....

Cũng có người tìm cách giải thích vấn đề bằng một giả thiết rất gần với thực tế: dạo trước, khi chiến cuộc còn sôi động, quân đội đồng minh sang chiến đấu bên nước ta còn đông và đem theo những ảnh hưởng nặng nề về văn hóa cũng như xã hội, dân

tộc Việt Nam liền vô hình chung có một thứ phản ứng tự vệ (đó là phong trào tẩy chay văn hóa ngoại lai, phong trào « về nguồn », một phong trào không lấy gì làm rõ rệt). Bây giờ chiến cuộc đã lắng dịu, quân đội đồng minh đã triệt thoái, ảnh hưởng (hay áp lực) của văn hóa ngoại lai đương nhiên được giảm thiểu; giới trí thức nói riêng và dân Việt Nam nói chung thoát khỏi một thứ mặc cảm mơ hồ, và do đó, yên trí theo dõi những tư trào văn chương quốc tế, những biến chuyển mới mẻ trong các thị trường chữ nghĩa bên kia bờ đại dương.....

Sau chót, có một cách giải thích rất giản dị: sở dĩ sách dịch thuật đóng một vai trò quan trọng trong ngành xuất bản cũng như phát hành hiện nay, là vì hai lý do chính. Lý do thứ nhất là trình độ ngoại ngữ của độc giả VN nói chung không thích hợp với việc đi vào các tác phẩm quốc tế bằng ngả nguyên tác. Lý do thứ hai là trong mấy năm qua, càng lúc, đà sáng tác của những nhà văn Việt Nam càng có vẻ chậm lại, và hiểu theo một cách nào đó thì dần dà người ta đã có dịp ghi nhận sự chênh lệch giữa mức cung và mức cầu của món ăn tinh thần, hay nói cách khác, sự thiếu thốn sáng tác phẩm so với mức độ đòi hỏi của độc giả. Vì sao các nhà văn Việt Nam viết ít đi và viết chậm lại? Vấn đề ấy được ràng buộc với nhiều yếu tố tế nhị: hoàn cảnh sinh hoạt cá nhân, sự khó khăn trong ngành xuất bản và phát hành, những trở ngại về kiểm

duyet, v.v... Dù sao, đó là một vấn đề khác. Ở đây chúng ta chỉ giới hạn câu chuyện bằng một tỷ-lệ-nghịch được ghi nhận : Kiểm điểm trong hai năm 1972, 1973, quả nhiên có sự sút giảm về số cung các ấn loát phẩm thuộc bộ môn sáng tác, và có sự tăng gia vượt bậc của các ấn loát phẩm số cung thuộc bộ môn dịch thuật; trong khi về số cầu, thì các nhà phát hành đều tiết lộ rằng không xê xích bao nhiêu : Khối lượng độc giả Việt Nam chưa biểu lộ một khuynh hướng gia tăng đều đặn và rõ rệt.

Như vậy thì phải chăng có một sự hoán chuyển, một hiện tượng bù trừ ? Không tìm được sáng tác, người đọc đành phải quay sang tìm sách dịch thuật để thỏa mãn nhu cầu tinh thần của họ. Và nói như thế không có nghĩa là họ bỏ rơi lãnh vực sáng tác. Không kể những nhà văn hữu danh từ lâu nay mà tác phẩm vẫn được tiêu thụ một cách đều đặn, năm 1973 cũng đánh dấu sự xuất hiện của vài khuôn mặt mới được đón tiếp khá nồng nhiệt, điển hình là trường hợp của Lê Hằng, một nhà văn nữ trẻ tuổi. Sự thành công của loạt tiểu thuyết Lê Hằng, ít ra trên bình diện thương mại, hẳn cũng nói lên một khía cạnh đáng chú ý trong khuynh hướng chung của độc giả đối với bộ môn sáng tác.

Quay lại với sách dịch thuật, để đi đến một kết luận tạm thời, có lẽ người ta cũng chẳng nên nhận định một cách quá khắt khe. Bên cạnh những cái đáng phàn nàn, những trường hợp «mạo hóa», hay những công trình có tính chất *thuật* nhiều

hơn *dịch*, người ta cũng có thể ghi nhận nhiều dấu hiệu tốt đẹp. Thứ nhất, về kỹ thuật, sách dịch đã phát lộ những tiến bộ rõ rệt trong năm 1973 so với những năm trước đó. Thứ hai về nội dung ấn loát phẩm, những độc giả tương đối khó tính có thể đã thích thú khi tìm thấy bản dịch đầy đủ và đứng đắn của những tác phẩm mà trước đây vài năm có lẽ không ai dám nghĩ đến chuyện xuất bản, chẳng hạn như *Les Frères Karamazov*, *Doctor Zhivago*, *For Whom The Bell Tolls*, *Anna Karenine* v.v... Người ta cũng chứng kiến sự làm việc đều đặn của những ngòi bút dịch thuật đáng tin cậy như Nguyễn Hiến Lê, Đỗ Khánh Hoan, Nguyễn hữu Đông, Huỳnh Phan Anh, Nguyễn Hữu Hiệu, v.v... sự đều đặn mà trong một hoàn cảnh sinh hoạt văn hóa khó khăn khác có lẽ sẽ phải chịu đựng nhiều thử thách cam go hơn, chật vạt hơn.

Trong những ngày cuối năm 1973, đi lang thang vào một hiệu sách, nếu tò mò lật xem bìa sau một vài cuốn sách phát hành hay nhân nha mở một vài tờ tạp chí để xem quảng cáo những ấn loát phẩm sắp ra đời, người ta vẫn đọc thấy tên rất nhiều sách dịch thuật. Như vậy có nghĩa là trong năm 1974, bộ môn dịch thuật sẽ tiếp tục cuộc khuynh loát của nó đối với bộ môn sáng tác chăng ? Cuộc khuynh loát ấy đã kéo dài từ khoảng gần hai năm nay, nó có còn lý do để kéo dài thêm nữa không ? Chắc là không.

Trước thềm năm mới, người ta nên hy vọng ở một thế quân bình.

ĐÀO-TRƯỜNG-PHÚC

קניין

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

Năm 2.000

Các sách Thánh Mahieu, Thánh Marc, Thánh Luc (Tân Ước) đều báo trước sẽ có lúc tận thế, và ngày phán xét cuối cùng, những người tốt sẽ được sống lại, những kẻ xấu sẽ vĩnh viễn chết. Sách Mặc-thị-lục (Apocalypse) còn báo lúc đó trời đất sẽ thay đổi hẳn. Không còn biển nữa. Nhưng không sách nào nói bao giờ sẽ tận thế. Theo Thánh Marc thì chúa Kitô báo chỉ Thượng đế biết được điều ấy thôi và giữ bí mật, không khai-thị cho ai cả. Vậy mà không biết do đâu, các tín đồ Kitô giáo thời Trung-cổ tin chắc rằng năm 1.000 là tận thế, khiến cho cuối thế-kỷ thứ X, một làn sóng kinh hoàng lan tràn khắp châu Âu : nhiều người phân phát của cải cho kẻ nghèo, dắt vợ con lên núi ở, suốt ngày đêm đọc kinh đợi ngày phán xét cuối cùng, hy vọng được Thượng đế nhủ lòng thương, nhưng cũng có nhiều kẻ khôn hơn, nghĩ còn sống được ngày nào thì cứ tận hưởng thú trần tục đi, còn kiếp sau ra sao, chỉ là chuyện viễn vông, chẳng cần quan tâm tới. Rồi tới năm 1.000, mọi người đều ngạc nhiên, mừng rỡ như được tái sinh : vậy mà chưa tận thế chứ, trời đất có thay đổi gì đâu, biển cũng vẫn còn, mà chẳng ai bị phán xét lần cuối cùng cả. Người ta lại đồn với nhau : không phải năm 1.000 thì sẽ là năm 2000.

Hiện nay chỉ còn 27 năm nữa là tới năm 2.000 mà chẳng còn ai lo lắng về chuyện tận thế nữa. Hồi hai trái bom nguyên-tử nổ ở Hiroshima và Nagasaki, cũng có một số người nghĩ rằng thứ khí giới tàn phá kinh khủng đó xuất hiện thì sắp đến lúc tận thế rồi : vào cuối thế-kỷ chứ không xa, chưa biết chừng mà chính vào năm 2.000 đấy. Nhưng từ mười năm nay, Nga theo chủ trương xét lại, Cộng-Sản và Tư-bản muốn sống chung hòa bình với nhau thì chẳng còn ai chuẩn bị cho lúc tận thế nữa mà chỉ chuẩn bị cho thế kỷ XXI. Người ta tin rằng từ nay tới đó sẽ có những biến chuyển lớn lao và người ta đua nhau dự đoán xem những biến chuyển ấy sẽ ra sao.

Từ bốn chục năm trước đã có một số học giả dự đoán tương lai, như H. G. Wells, Aldous Huxley, G. Orwell... Tác phẩm của mấy nhà ấy có tính cách trào phúng, nếu không thì cũng chứa nhiều thành kiến, chỉ nên đọc để tiêu khiển hoặc suy ngẫm về sự đời thôi. Một số người khác như J. Fourastié căn cứ vào các dữ-kiện xã-hội, kinh-tế mà suy đoán, công trình có tính cách khoa học, đáng tin hơn (*Le grand espoir du 20^e siècle. La civilisation de 1975, Histoire de demain, Les 40.000 heures, Essai de morale prospective...*)

Nhưng mới từ mười năm nay, phong trào dự đoán tương lai ấy dâng lên mãnh liệt, quan trọng hơn nữa là các nước Âu, Mỹ đã thành

lập năm sáu cơ quan để nghiên cứu các vấn đề tương lai. Việc nghiên cứu ấy thành một khoa-học, khoa *Futurologie* (tương-lai-học). Ở Pháp, có nhóm «Prospectives» do Gaston Berger chủ xướng và nhóm «Futuribles» do Bertrand de Jouvenel điều khiển. Ở Anh, Hội-đồng nghiên-cứu khoa-học xã-hội (Social Science Research Council) đã thành lập một Ủy-ban cho ba chục năm sắp tới. Ở Mỹ có tổ chức «Tài nguyên cho tương lai» do Foundation Ford tài trợ, có Hàn-lâm-viện Nghệ-thuật và Khoa-học; có viện Hudson do Herman Kahn điều khiển...

Sở dĩ phong trào dâng lên như vậy nguyên nhân chính là từ sau thế chiến tới nay, bất kỳ ngành nào (công cũng như tư) trong bất kỳ nước nào, người ta cũng lập kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để thực hiện từng bước một; và muốn lập kế hoạch thì phải đoán trước tương lai, ví dụ phải đoán mười năm nữa sẽ có bao nhiêu trẻ em vào lớp mẫu giáo, dân số sẽ tăng lên bao nhiêu, phải sản xuất bao nhiêu lúa gạo, đường, sữa... để khỏi phải nhập cảng mà còn có thể xuất cảng được. Nguyên nhân phụ là người ta bị ám ảnh vì con số 2.000 (năm 2.000) cũng như mười thế kỷ trước người Âu bị ám ảnh vì con số 1.000. Tới năm 2.000, không có tận thế đâu nhưng qua thế kỷ XXI, sẽ có những thay đổi lớn lao, người ta nghĩ thế.

Vì vậy cuối năm 1965 Hàn-lâm-viện Nghệ-thuật và Khoa-học ở Mỹ thành lập một ủy-ban gọi là « Ủy ban năm 2.000 » mới đầu gồm ba chục học giả

hợp tác với viện Hudson (Hudson Institute). Ít năm sau ủy ban thành lập tám nhóm làm việc, mỗi nhóm nghiên cứu một vấn đề: hậu quả xã-hội của các máy tính, chiến-tranh hạch-tâm, chính-trị quốc-tế, hậu quả của các tiến bộ về sinh-vật-học, xã-hội hậu-kỹ-nghệ (post industrial) vân.vân...

Qui tắc làm việc của họ là về mỗi vấn đề phải nghiên cứu kỹ lưỡng những dữ-kiện hiện có để dự đoán xem 10, 20, 30 năm nữa có những biến chuyển nào (cả tốt lẫn xấu) có thể tin rằng gần như chắc chắn; lại có những biến chuyển nào có thể xảy ra được chứ không chắc chắn để kịp đề phòng, chuẩn bị từ bây giờ. Nói cách khác về mỗi vấn đề, họ đưa ra trước hết một dự đoán bình thường không làm cho ta ngạc nhiên (projection sans surprise) và nhiều dự đoán đặc trưng (type) có thể xảy ra trong những hoàn cảnh nào đó.

Những dự đoán của họ gom lại thành một cuốn nhan đề là *The year 2.000* do viện Hudson xuất bản năm 1967, nhà Robert Laffont dịch năm 1968 (L'án 2.000 : Năm 2.000). Bản dịch này gồm 500 trang khổ lớn, rất nhiều biểu và đồ-biểu.

Trong bài này tôi giới thiệu sơ sài ít dự đoán để những bạn nào mới ba mươi tuổi trở xuống có thể tưởng tượng thế-giới mình sẽ được sống trong tuổi già vào năm 1990 — 2000, chưa biết chừng có thể chuẩn bị cho thời đó được nữa, còn những vị trên 60 tuổi không có hy vọng sống

tới lúc ấy thì cũng có thể suy tư về sự «tiến-hóa nguyên-tử» của thế giới mà so sánh với thời mình còn trẻ cách đây nửa thế-kỷ.

Đây là lời giới thiệu của nhà Robert Laffont :

«Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử, nhân loại có thể thăm định được những động lực điều khiển vận mạng mình, liệt kê những động lực ấy để duy trì chúng hoặc đổi hướng của

chúng. Do đó cuốn *Năm 2.000* phải là Thánh-Kinh của tất cả những người muốn có thể suy nghĩ về tương lai, trong 10, 15, 30 năm nữa. Đây là cuốn sách đầu tiên khiến sự dự đoán tương lai bước từ kỷ nguyên của các thầy bói qua kỷ nguyên của các nhà bác học. Nó sẽ là một trong những cuốn kích thích nhất, chưa biết chừng nó chính là cuốn kích thích nhất của trọn thế-kỷ XX nữa».

oOo

I. THẾ GIỚI TỪ NAY TỚI CUỐI THẾ KỶ

Dưới đây là một dự đoán bình thường, tương đối không có tính cách chánh trị (apolitique), «không có gì ngạc nhiên» (sans surprise) trong trường hợp các «quốc gia cũ» không có biến chuyển gì mạnh.

— 1) Thế giới sẽ tiếp tục tiến theo những khuynh hướng căn bản có từ trước về nhiều phương diện : chẳng hạn nhân số tăng, thành thị tăng, đông hơn, sự giáo dục tăng tiến, phương tiện tàn phá mạnh hơn, các hoạt động sơ đẳng (canh nông, mục súc) và nhị đẳng (công nghệ, kỹ nghệ) giảm đi...

— 2) Một nền văn hóa hậu-kỹ-nghệ (post industriel) sẽ xuất hiện, điểm này tôi sẽ giới thiệu riêng trong đoạn sau,

— 3) Kỹ nghệ phát triển ở khắp thế giới.

— 4) Thế giới sẽ hóa ra nhỏ : càng ngày nhân loại càng cần phải tập hợp lại thành từng khu-vực (hoặc tập

hợp lại thành một khối cho khắp địa-cầu) để kiểm soát vũ khí, kỹ nghệ, thương mại, nhân số, cách dùng tài nguyên thiên nhiên, cách chống sự nhiễm-uế của không khí, nước, đất...

— 5) Càng ngày người ta càng coi trọng «ý nghĩa», «mục đích» của hành động.

— 6) Có nhiều xáo động trong các quốc gia mới và có lẽ cả trong các quốc gia đang khởi sự phát triển.

— 7) Có thể có những phong trào quần chúng chủ trương có một đảng cứu thế hạ trần.

— 8) Nhật bản lại nhô lên một lần nữa, có thể thực sự thành cường quốc thứ ba trên thế giới.

— 9) Châu-Âu và Trung-hoa lại phát triển thêm tới một mức nào đó.

— 10) Một số quốc gia thành những cường quốc bậc trung, như Ba-Tây, Mỹ-tây-Cơ, Pakistan, Indonésie, Đông Đức, Ai-cập.

— 11) Mỹ, Nga suy một cách tương đối.

— 12) Có thể không còn những vấn đề «sinh», «tử» về kinh tế, chính trị trong các quốc gia cũ (nghĩa là sẽ tương đối ổn định).

oOo

Bình thường thì như vậy, nhưng ủy ban cũng cho rằng có thể có những thay đổi bất ngờ tại những quốc gia cũ, mà tôi tóm tắt dưới đây vài nguyên nhân chính :

- 1 Chiến tranh và xâm lăng
- 2 Nội loạn và cách mạng
- 3 Độc tài (tàn sát)
- 4 Khủng hoảng kinh tế
- 5 Sản xuất rất nhiều máy gọi là «tận thế» hoặc «gần như tận thế», những máy ấy sẽ rẻ tiền.
- 6 Chế độ Cộng-sản lại mạnh lên, chế độ phát-xít tái hiện.
- 7 Xung đột về chủng tộc, Đông Tây, giàu nghèo.
- 8 Trung hoa tiến rất mạnh về kinh tế (mỗi năm tăng trung bình 10%).
- 9 Liên hiệp Quốc hoặc các tổ chức khác phát triển mạnh.
- 10 Xung đột tâm lý do những kỹ thuật, triết lý mới gây ra.

oOo

Nhân số tính theo tăng suất trung bình :

	Năm 1975	Năm 2000
Phi	298 triệu	779 triệu
Á	2.343 —	3.701 —
Âu	732 —	886 —

Úc	16 triệu	25 triệu
Mỹ	575 —	998 —
Cả thế giới	4.064 —	6.389 —

Sản-lượng quốc-gia tính theo đầu người :

	Năm 1975	Năm 2000
Phi 174 Mỹ kim	277 Mỹ kim	
	1965	1965
Á 214 —	577 —	
	1976	
Âu	5.055 —	
(kể cả Nga)		
Úc	2510 —	4310 —
Bắc Mỹ	3403 —	6255 —
Nam Mỹ	413 —	695 —

Nhưng nhân số không tăng hoài theo mức như trên, vì như vậy thì trong 1.000 năm nữa, nhân số sẽ lên đến 358 tỉ, điều đó không thể xảy ra được. Ủy-ban cho rằng trong vài thế kỷ nữa, nhân số phải đứng lại trong khoảng từ 10 đến 50 tỉ. Tuy nhiên điều ấy không chắc chắn, còn tùy nhiều yếu-tố hiện chúng ta chưa được biết, như cách dinh dưỡng sau này. Ủy-ban cũng ghi thêm rằng có tác giả bảo tăng suất của nhân số trên thế giới lúc này đã bắt đầu giảm, và có thể tới năm 2.000, nhân số sẽ đứng.

Khắp thế-giới, các thị trấn mọc lên như nấm, và những thị trấn lớn hiện nay bành trướng rất mạnh. Vào khoảng 2.000, Mỹ sẽ có ba thị trấn khổng lồ (mégalo-pole) mà Ủy ban gọi là :

— Boswash lan từ Boston tới Washington, gồm khoảng một phần tư dân số Mỹ (có thể tới 80 triệu người)

— *Chippits* ở chung quanh miền hồ lớn, từ *Chicago* tới *Pittsburg* (khoảng 40 triệu người).

— *Sansan* ở bờ biển Thái Bình Dương, từ *San Francisco* tới *Santa Barbara* (khoảng 20 triệu người)

Ở Anh thì trọn miền Đông Nam sẽ thành một thị trấn khổng lồ, ở Nhật thì cả một dải từ *Tokyo* tới *Osaka* cũng sẽ thành một thị trấn vĩ đại. Tới cuối thế kỷ, từ 80 đến 90% số người trên thế giới sẽ sống trong các thị trấn.

Ở Nam Việt, tôi xin phép được bắt chước ủy ban, đưa ra một dự đoán : thành phố Sài gòn — Chợ lớn sẽ nuốt Gia Định, Biên Hòa và Long An, và tôi đề nghị đặt tên cho thị trấn khổng lồ này là Hòa An (có nghĩa là từ Biên Hòa tới Long An) hoặc Long Biên (từ Long An tới Biên Hòa). Những đất cát dọc theo xa lộ Biên Hòa—Sài-gòn, Sài-gòn — Long An vài chục năm nữa sẽ lên giá kinh khủng. Nhưng tôi xin thưa trước : vị nào đầu cơ mua những đất ấy mà không có lời thì trách ủy ban năm 2.000 chứ đừng trách tôi.

Tới năm 2000, thế giới sẽ chia làm 6 nhóm kinh tế :

1. Nhóm hậu kỹ nghệ từ lâu rồi, gồm Mỹ, Nhật, Gia Nã Đại, Pháp,

Tây Đức vân vân...

2. Nhóm mới bắt đầu hậu kỹ nghệ, gồm Anh, Nga, Ý, Áo, Đông Đức, Do Thái, Úc...

3. Nhóm đại chúng tiêu thụ mạnh gồm Ý Pha Nho, Ba Lan, Hy Lạp, Argentine, Đài Loan, Bắc Hàn, Nam Hàn ⁽¹⁾, Mã Lai Á...

4. Nhóm kỹ nghệ hóa rõ rệt gồm Mễ Tây Cơ, Chí Lợi, Cuba, Bắc Việt, Nam Việt, Thái Lan, Phi Luật Tân, Ba Tư...

5. Nhóm mới kỹ nghệ hóa được một phần gồm Ba Tây, Pakistan, Trung Cộng, Ấn Độ, Indonésie, Ai Cập...

6. Nhóm tiền kỹ nghệ, lạc hậu nhất, mới kỹ nghệ hóa được một chút : trọn Phi Châu trừ Nam Phi, các nước nhỏ ở Á và Châu Mỹ La Tinh...

Như vậy nước mình mặc dầu bị một phần tư thế kỷ chiến tranh mà sẽ vượt được Ba Tây, Trung Cộng và Ai Cập, đáng hãnh diện đấy chứ ! Không bị chiến tranh tàn khốc này thì chắc mình đứng lên hàng 3, cùng với Ý Pha Nho, Ba Lan, Hy Lạp, có thể hơn Đại Hàn, Đài Loan được.

oOo

II. XÃ HỘI HẬU KỸ NGHỆ

Bây giờ chúng tôi xin giảng thế nào là xã hội hậu kỹ nghệ. Theo ủy ban xã hội ấy có những đặc điểm như sau :

(1) Ủy ban cho xuất bản cuốn *The year 2.000* từ năm 1967, nên không đoán được Mỹ đã sát cánh với Nga, Hoa mà Đài Loan có thể sau này sáp nhập và Hoa Lục, Nam Bắc Hàn có thể hợp nhất.

1. Sản lượng tính theo đầu người khoảng 50 chục lần lớn hơn trong xã hội tiền kỹ nghệ.

2. Hoạt động kinh tế có tính cách dịch vụ nhiều hơn là sản xuất. Nghĩa là những hoạt động tam đẳng (dịch vụ như thương mại, chuyên chở, văn hóa, giáo dục...) nhiều hơn hoạt động sơ đẳng (sản xuất thực phẩm) và nhị đẳng (sản xuất đồ dùng). (1)

3. Các xí nghiệp tư không còn phát minh được nhiều canh tân bằng các cơ quan của Quốc gia.

4. Sản lượng quốc gia và mức sống lên cao tới tột độ rồi ngưng.

5. Hiệu năng (efficacité) không được coi là quan trọng nhất nữa.

6. Thương mại kém quan trọng so với các công vụ và hoạt động xã hội.

7. Thế giới thu hẹp lại.

8. Người ta học hỏi nhiều hơn mà cách dạy cũng cải tiến rất mau.

9. Ý muốn thành công, thăng cấp giảm đi trong giai cấp trung lưu.

10. Người ta ít nghĩ tới cái lợi của quốc gia, nghĩa là tinh thần quốc gia suy vi (hiện nay ở Pháp đã có hạng thanh niên không biên giới — Jeunesse sans frontière)

11. Người ta chỉ lo hưởng lạc, sống với đầy đủ tiện nghi, tinh thần tôn giáo kém, nhưng tinh thần nhân bản tăng.

12. Máy điện tử (IBM) phổ biến khắp thế giới; chẳng những các cơ quan chính quyền, các xí nghiệp dùng,

mà tư nhân cũng dùng nữa. Không phải là gia đình nào cũng có máy điện tử nhưng ai cũng có thể đóng tiền dùng máy điện tử của thành phố như ngày nay chúng ta dùng máy điện thoại.

13. Số giờ làm việc sẽ giảm đi. Có thể :

— Mỗi tuần chỉ làm việc 4 ngày, mỗi ngày 7 giờ rưỡi,

— Mỗi năm làm việc 39 tuần, nghĩa là mỗi năm chỉ làm có 147 ngày (tổng cộng 1.100 giờ) còn nghỉ 218 ngày, như vậy là có thể bỏ ra

40% số ngày làm nghề nghiệp

40% số ngày làm một việc ngoài nghề nghiệp

20% chẳng làm gì cả, nằm dài nghỉ ngơi.

Hậu quả là những giá trị «bourgeois» — tức găng làm việc để thành công cho mình và gia đình về vang, phong lưu; dè dặt về tài chánh, biết lo xa, cần kiệm — sẽ sụp đổ hết.

Từ trước loài người vẫn phải tranh đấu để có miếng ăn, cho nên vấn đề kinh tế bao giờ cũng quan trọng, khẩn thiết nhất; lúc đó (khi tới giai đoạn hậu kỹ nghệ), vấn đề kinh tế được giải quyết rồi, con người khỏi phải tranh đấu, khỏi phải lo lắng, tính toán, mà lại có nhiều

(1) Cui bài Kỳ nguyên tiêu thụ và nghề cầm bút của chúng tôi — Bách Khoa số Tết và Tân niên Quý Sửu — Ở Mỹ hiện nay chỉ có 5% tổng số người hoạt động là làm nghề nông, 15% làm trong kỹ nghệ, còn 80% làm dịch vụ.

thì giờ rảnh quá, sẽ đâm hư hỏng, đa số chẳng quan tâm gì đến việc nước mà cũng chẳng muốn trau dồi đức hạnh tài năng, loại sách học làm người mới thịnh từ đầu thế kỷ, lúc đó chẳng còn ai đọc, những danh từ «thành công» đặc lực» sẽ thành xấu xa như những danh từ «thất bại» «ỷ lại» ngày nay.

Có thể con người sẽ ích kỷ hơn nhiều mà những hình thức ngây thơ nhất của chủ nghĩa cá nhân sẽ xuất hiện.

Theo Ủy ban, vào khoảng năm 2.000, đời sống ở Mỹ sẽ dễ dàng quá, bất kỳ người nào hơi thông minh một chút, làm khơi khơi, tà tà cũng kiếm được từ 1 đến 2 ngàn Mỹ Kim mỗi tháng ; thành thử một anh chàng đại lãn nào cũng có thể lại xin bà con bạn bè vài ba trăm Mỹ Kim mỗi tháng, như vậy khỏi đói rét rồi, và quanh năm có thể nằm dài ra nghe nhạc, nhìn tivi, hay họp bạn tán gẫu. (Hiện nay có, những híp-pi Mỹ đi xin và có thể sống với 10 Mỹ kim mỗi tuần, tức 600 Mỹ kim một năm).

Cha mẹ lúc đó sẽ không có lý do gì để bắt con cái phải siêng học, vì chẳng siêng học thì lớn lên chúng cũng đủ sống ; hơn nữa, đức siêng năng lúc ấy sẽ bị coi là lạc hậu, một tật xấu nữa. Ganh đua với ai ? và để làm gì đây ?

Ủy ban còn ngại rằng thanh niên sẽ dùng nhiều chất ma túy hơn mà những chất này sẽ tinh vi, tiến bộ phi thường, rẻ tiền nữa. Do đó mà

tội ác, ly dị, bệnh thần kinh, tự tử sẽ tăng lên.

Sẽ có một hạng người thích sống nghèo, thích ăn xin (như bọn híp-bi ngày nay) và được xã hội chọ cấp rộng rãi. Sự «sống nghèo» lúc đó sẽ thành một triết lý hấp dẫn, chưa biết chừng cao thượng nữa.

14- Một đặc điểm nữa của xã hội hậu kỹ nghệ là văn hóa có tính cách «sensate mới. Tiếng Anh *sensate* này do Sorokine tạo ra cách đây khoảng mười năm và thực khó dịch : nó gồm các ý niệm trần tục, thực tế, vật chất, hưởng lạc.

Sorokine phân biệt bốn thời đại trong lịch sử nghệ thuật (coi cuốn *Social and Cultural dynamics* của ông, New York 1962) :

— Nghệ thuật «ideational — cũng lại một danh từ mới nữa — có tính cách siêu nhiên, siêu nghiệm, siêu giác, tôn giáo, tượng trưng, tĩnh, trịnh trọng, vô danh, theo truyền thống, bất biến. Tôi không biết ông muốn trở thứ nghệ thuật nào, chỉ đoán chứ không chắc đúng rằng nó thuộc về thời Trung cổ Châu Âu.

— Nghệ thuật «idéaliste» có lý tưởng, có tính cách anh hùng, cao thượng, ái quốc, đạo đức, tô điểm, hữu ích. Tôi đoán đây là thứ nghệ thuật hiện thực ở thế kỷ XIX.

— Nghệ thuật «sensate» có tính cách bình phàm, tự nhiên, vui, lý thú, gọi tình, mĩa mai, hợp thời, duy vật, thương mại. Tôi cũng đoán đây là thứ nghệ thuật hiện thời thịnh hành

ở Pháp (như Françoise Sagan), ở Đức (như Barbara Noak), ở Đài Loan (như Quỳnh Dao)

— Nghệ thuật « sensate mới » mà tôi đoán là nghệ thuật hí-pi, nó có tính cách ồn ào, tàn bạo, phản kháng, thối nát, cực đoan, kích thích (chỉ tìm cảm giác thôi), suy đồi, kiêu cách, lai căng, xấu xa, khiêu dâm, chủ trương hư vô, phô trương, phóng thích chua cay, tởm...

Về hai văn hóa sensate và sensate mới, Ủy ban đưa ra vài nhận định tôi nghĩ cần ghi lại.

Văn hóa sensate tuy lúc này mới cực thịnh ở phương Tây, nhưng thực ra nó mạnh nha từ bảy tám thế kỷ trước, và tiến hoài không ngừng. Có nhiều thời nhà cầm quyền hoặc giới thượng lưu muốn ngăn chặn nó, như thời Cải cách tôn giáo, thời Thanh giáo ở Anh (thời nữ hoàng Victoria) cả những thời Mussolini, Hitler, Staline cầm quyền nữa (1).

Xét chung thì đại chúng có khuynh hướng thích văn hóa sensate hơn là giới trung lưu và thượng lưu. Ở nước mình cũng vậy, đại chúng thích những chuyện tiểu lâm, giạt gân, còn giới trí thức nghiêm trang hơn.

Hiện nay ở Âu, Mỹ, vẫn có rất ít người thưởng thức nền văn hóa «sensate mới» (sensate récent) : và ý tưởng còn phân vân : người thì chê thứ văn hóa ấy sẽ làm cho xã hội mất trật tự, khó cai trị ; người thì bảo nó là một phản ứng tự nhiên,

chống tình thần duy vật, công thức hiện nay và nó báo hiệu sẽ có một tình thần nhân bản mới, mà con người sẽ lương thiện hơn, được tôn trọng hơn. Ủy ban hy vọng rằng phong trào «sensate mới» ấy trong vài chục năm nữa sẽ ngừng lại hoặc thụt lùi nữa. Nhưng nếu văn hóa «sensate mới» mạnh tới nỗi tạo được một nghệ thuật, một hệ thống giá trị mới thì chẳng những gia đình mà chính quyền cũng sẽ có khuynh hướng mới.

Tôi xin lấy một thí dụ sensate điển hình : hiện nay nam nữ phương Tây cho rằng hễ họ yêu nhau, thỏa thuận với nhau thì có quyền giao hoan với nhau (dù chưa cưới hỏi) miễn là đừng làm hại cho người thứ ba. Người ta cũng cho rằng hễ hai bên đều muốn ly dị thì luật pháp phải cho họ ly dị dễ dàng. Về con cái thì hễ có một người nào (vợ hoặc chồng hoặc một người thứ ba) sẵn sóc cho chúng là được rồi. Ngay tín đồ Kitô giáo cũng có nhiều người chấp nhận ý kiến ấy, cho đó là vấn đề cá nhân giữa hai bên với nhau, Giáo hội xen vào thì bất công, lỗ bịch nữa. Vậy một ý niệm sensate đã làm thay đổi hẳn quan niệm cổ truyền về gia đình đạo đức.

Hiện nay Giáo-hội La Mã còn chống chính sách ngừa thai bằng những phương pháp không tự nhiên (như

(1) Ở Trung Hoa những thời đại tương đương có lẽ là những khi có phong trào «phục cổ», và gần đây, là hồi Tưởng Giới Thạch cầm quyền ở Hoa lục, trước khi qua Đài Loan.

dùng vòng xoắn, uống thuốc ngừa thai) chỉ cho phép dùng phương pháp «nhiệt độ» của Ogino - Knauss thôi, nhất là cực lực mật sát sự phá thai; nhưng chỉ mười năm nữa, Giáo hội tất phải im tiếng, nếu không chỉ làm cho tín đồ mỉm cười một cách thương hại thôi.

Về quan niệm quốc gia cũng vậy. Hiện ở Pháp đã có hạng thanh niên không biên giới. Họ thấy cũng chung một văn hóa mà bị những biên giới giả tạo do các nhà cầm quyền xưa vẽ hay cao hứng vạch trên bản đồ để cách biệt họ với nhau, rồi vài ba chục năm một lần, người ta đẩy họ ra chiến trường làm cây thịt đỡ đạn để bảo vệ những đường chấm chấm ngoằn ngoèo trên bản đồ đó, là chuyện

vô lí, ngu xuẩn. Họ muốn thay chữ «Quốc gia» bằng chữ «Âu châu», muốn xóa bỏ biên giới, những bức tường tường tượng mà họ cho là ô nhục ấy đi. Một ý niệm «sensate» ấy sẽ ảnh hưởng lớn ra sao tới sự tổ chức quốc gia, ai có thể lường trước được? Nhưng ở các nước kém phát triển như nước mình, trong ba chục năm nữa, tinh thần quốc gia sẽ mạnh lên chứ không giảm và tất cả những hoạt động giáo dục, «dân vận» sẽ nhằm vào việc đề cao lòng ái quốc, sùng bái các vị anh hùng vì nước hy sinh.

Kỳ tới: Canh tân kỹ thuật

NGUYỄN HIỂN LÊ

(Trích trong cuốn « Những vấn đề của thời đại » của Nguyễn Hiến Lê sẽ xuất bản)

TIN VUI TAM KỲ

Nhận được hồng thiệp :

PHẠM-VĂN-LIÊM

DƯƠNG-THỊ KIM-CHI

sẽ làm lễ cưới tại Tam-Kỳ ngày 1.1.1974

Thân chúc đôi bạn LIÊM CHI

trăm năm hạnh phúc

PD. TN. HUNG-ĐẠO-ĐOÀN SAIGON

NGUYỄN-HỒNG-VĂN. ĐỔ-KHÔI.

HIẾU-ĐỂ, ĐỔ-PHÚ-CÔNG. LÊ NHƯ-HÙNG.

THÂN HỮU NHÓM HỒN-VIỆT

CAPSTAN điều dài đầu lọc
Hiệu thuốc QUỐC TẾ



CAPSTAN điều dài đầu lọc

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Điện thoại : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gửi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN



• Việt Điều THÁI-VĂN-KIỂM

Năm Dần nói chuyện cạp

Năm Dần nói chuyện Cạp

Một năm mới âm-lịch đang đến với chúng ta : đó là năm Giáp-Dần ; Giáp đứng đầu thập can, và Dần đứng hàng thứ ba trong thập nhị chi.

Nguyên ủy, danh xưng
và điển tích

Nhân dịp này, chúng ta nên tìm hiểu nguyên ủy hai chữ *Giáp* và *Dần*. Chữ *Giáp* có nghĩa là bọc nhất, trên hết, cũng có nghĩa là áo mặc khi ra trận, vảy cá, mu rùa, vỏ hạt mới nứt mộng, vỏ loài trứng, móng tay, móng chân ; một họ. Còn chữ *Dần* có những nguyên ủy như sau :

Theo Cự Tu Trai, cử-nhân Hán-học, cho tôi biết thì chi Dần và chi Mão theo thiên-văn địa-lý ở về phương đông, thuộc hành mộc, sắc xanh.

Chữ *Dần* có nghĩa là cung kính, chăm lo : Kinh Thư có câu « Túc Dạ Duy Dần » (sớm tối chăm lo kính trọng chức vụ). Lại có câu « Đông Dần Hiệp Cung » (chăm lo đồng nhau, kính nể lẫn nhau).

Vì nghĩa chữ Dần như trên đã nói, nên mới sinh ra những chữ : Dần nghị và Đồng dân, là danh từ đề

xưng hô bạn đồng thời làm việc cùng nhau, cũng như chữ đồng liêu vậy.

Dần nguyệt : tháng giêng.

Dần khách, Dần thú : đều gọi là con cạp.

Dần tiền : tiền chân người lên đường.

Đối với âm-lịch, chữ Dần còn có những nguyên ủy như sau :

1. Theo kỷ-nguyên âm-lịch thì đời Hạ lấy Dần, đời Thương lấy Sửu và đời Chu lấy Tý làm năm đầu. Khổng-Tử công nhận việc lấy Dần là hợp lý, nên Ngài theo lịch đời Hạ, mà năm Dần này tức là năm hợp với lịch đời Hạ, có hàm ý khai thủy. Vậy ta có thể cho là năm Dần bắt đầu một giai đoạn trọng đại của lịch-sử Việt-Nam.

2. Theo sách xưa, lúc Trời Đất mới khai tịch : Trời mở vào hội Tý, đất mở vào hội Sửu, người sanh vào hội Dần (Thiên khai ư Tý, Địa tịch ư Sửu, nhân sanh ư Dần — mỗi hội là 10.800 năm), mà năm nay là năm Dần, tức là một năm rất quan thiết đến nhân sinh, đến dân-tộc : Thế thì

dân-tộc Việt-Nam ta lại mở trang sử Độc-Lập và Tự-Do thật sự, có bảo đảm quốc-tế, vào năm nay chăng ?

3. Ông Thiệu-Tử có nói : Kể một đời ở sự siêng năng, kể một năm ở mùa Xuân, kể một ngày ở giờ Dần (nhất sanh chi kể tại ư cần, nhất niên chi kể tại ư Xuân, nhất nhật chi kể tại ư Dần), mà ca dao ta cũng có câu :

Một năm có mấy mùa Xuân.

Một ngày có mấy giờ Dần sớm mai.

Vậy thời trong một ngày, muốn làm việc gì, phải bắt đầu từ giờ Dần (rạng đông) mới khởi trể nải công việc. Năm Dần này có cái ý nghĩa khích lệ chúng ta nỗ lực làm việc để tái thiết xứ sở.

4. Năm Dần là năm Cọp. Cọp là Chúa sơn-lâm, tượng trưng cho sức mạnh không chịu khuất phục, trái lại với năm ngoái là năm Trâu (Sửu), là năm chịu đựng, đầu tắt mặt tối.

Giai thoại về hồ

Theo Cụ Tu Trai trích dẫn sách « Phong tục thuyết », con hồ : họ là Lý, tên là Nhĩ. Đầu tiên do người họ Lý ở Nam Quan hóa ra loại hồ, nên kêu hồ là Lý-Nhĩ thì hồ tỏ vẻ vui mừng, mà kêu là Ban thì hồ giận. Sách « Phương-ngôn » nói : các nước Tần, Ngụy, Tống, Sở gọi hồ là Lý-Phụ ; ở đất Giang Hoài, và Nam-Sở gọi hồ là Lý-Nhĩ, lại chú thích rằng : vì con hồ tên là Nhĩ (chữ nhĩ nghĩa là tai) nên bắt vật gì phạm vào tai thì hồ không ăn (Quảng-sự-loại).

Sách « Hậu-Hán-thư » chép : Đồng-Khôi bồ làm quan huyện Bất-Kỳ, dân huyện ấy thường bị nạn hồ, nên làm hầm bẫy bắt được 2 con. Ông Khôi nghe nói đến tại chỗ tuyên cáo với hồ rằng : « Trời sinh muôn vật, loài người là quý hơn, hồ lang thì ăn lấy súc vật, chứ tàn bạo với người thì pháp luật nhà vua có nói : « sát nhân giả tử » (giết người phải chịu tử tội). Vậy con hồ nào đã giết người thì cúi đầu chịu tội đi, còn con nào tự xét mình không giết người, thì cho kêu lên đề minh oan ». Sau khi ông nói dứt lời, có một con cúi đầu nhắm mắt, hình như là sợ sệt lắm vậy. Ông liền giết chết ; còn một con kia thì chăm ngó ông Khôi mà kêu la đồng-dạ, ông khiến tha cho đi tự do (Quảng-sự-loại).

Sách « Tả-Thừa Hậu-hán thư » chép : Ông Lưu-Lãng người Dự-Chương làm Huyện-trưởng Trường-Sa, An-Thành, trước khi chưa đề ly, thì trong quận có nhiều hồ, bách tánh đều lo sợ tàn cư đến huyện khác. Sau Lãng ông đến tu sửa đức chánh, chỉ hơn một tháng mà các hồ đều dời đi nơi khác, nhân dân lại kéo nhau trở về chỗ cũ.

« Hậu-Hán thư » lại chép : Lưu-Côn làm thái-thú quận Hoảng-Nông, trong 3 năm có chánh tích nhân từ thì hành khắp cả quận, không những nhân dân đều ca tụng, mà những cọp dữ đều công con lợi sông đi tránh đến chỗ khác. Việc ấy đồn đãi, vua nhà Tần nghe lấy làm lạ bèn vời hỏi Côn rằng : Khanh lúc trước cai

trị ở Giang-Lăng, nhà dân bị cháy mà tự nhiên có ngọn gió thổi ngược lại làm cho tắt lửa. Nay làm Thái-thú Hoảng-Nông, thì cọp lội qua sông đi thẳng về phía Bắc. Vậy thì khanh làm đức chánh gì mà được như thế?

Lưu-Côn thưa : « Đó là sự ngẫu nhiên, chứ tôi đây có đức chánh chi đâu ». Sau khi ông tâu, hai bên đình-thần đều cười rộ, cho Côn là người chất-phác. Nhà Vua tán thưởng rằng : « Ấy là lời nói ra kẻ trưởng-già vậy ». Vua quay lại bảo Sử thần ghi chép vào sử.

Sách « Quảng-sư-loại dẫn Hậu Hán thư » cho biết thêm :

Trong quận Cửu-giang có nhiều cọp dữ, thường sát hại dân chúng, nhân dân phải làm hầm bẫy để bắt, mà cọp vẫn còn nhiều. Khi Tổng Quân đến làm Thái-Thú ở đây, Ông hạ lệnh cho các thuộc huyện rằng : Sự đào hầm đặt bẫy là làm phiền khổ cho dân, không phải là việc cội gốc bảo vệ cho dân vậy. Nay nên đuổi những bọn gian tham, tiến cử những người trung lương để làm giúp việc, ấy là điều cần thiết, còn sự làm hầm bẫy nên nhất thiết dẹp bỏ cả. Những lời ấy truyền khắp mọi nơi, tự nhiên cọp dữ đều kéo nhau qua sông đi nơi khác.

Sách « Hiên-tử truyện » chép : Ông Quách-Văn ở nước Tấn đi gặp con cọp bị mắc xương trong cò, đương oẹ mưa mà xương không trôi ra, ông Quách-Văn lấy tay móc xương ra cho cọp, ngày sau cọp mang đến cho Văn một con nai để đền ơn.

Sách « Vương-Phu An-thành » chép : Ông Đỗ-Khu-Bảo, người đời Hậu-Hán khi đương có tang ông cha, vừa có người ở xóm đánh đuổi con cọp, cọp chạy vào núp trong nhà của Bảo, Bảo lấy chiếc áo tơi lá che tủ lại. Người xóm tìm theo dấu chạy đến hỏi Bảo, Bảo nói : không thấy, tôi có giấu cọp làm gì. Người xóm bỏ đi nơi khác, cọp được chạy thoát, sau cọp thường đưa tới Bảo những con cầm thú ở rừng để cho Bảo cúng cha.

Bộ « Đại-Nam nhất-thống-chí của Quốc-sử quán chép : Ở thôn Xuân-sơn, huyện Bình-sơn, tỉnh Quảng-ngãi, trong niên-hiệu Gia-Long có con cọp trắng thường đến ở trong thôn mà không hề giết hại người hay là súc vật chi cả. Khi có bọn Mọi ở núi xuống thôn toan cướp bóc thì cọp chặn đường đuổi bọn cướp chạy đi cả. Người trong thôn ban đêm bắt cá ở sông, thấy cọp nọ đi theo bờ sông thì quăng cá cho ăn, khi nào có cọp nơi khác đến thôn, thì cọp nọ lại chiến đấu, thành thử các cọp khác đều tránh xa không dám đến thôn ấy. Vì có sự bảo vệ trong thôn, nên người trong thôn viết ra bằng khoán bầu cọp làm Ông Cả-làng, mỗi khi cúng tế có trí phần biếu cho cả cái đầu heo hoặc đầu bò, ban đêm Cả Cọp đến ăn. Sau Cả Cọp chết, có ứng vào xác đồng nói cho trong thôn biết là đã qua đời rồi, người thôn lập đền thờ ở bên núi, gọi là đền Kha-hồ.

Sách « Đại-Nam tiền-biên liệt-truyện » của Quốc sử quán chép : Đời vua Hy-Tôn (Nguyễn-phúc-Nguyên)

năm thứ 18 (1601), nội-tán Đào-Duy-Từ đêm nọ mộng thấy con cọp đen từ phía Nam đến, ông hỏi quân vây bắt, thốt nhiên cọp hóa 2 cánh bay múa trên không trung. Sáng dậy, ông đoán biết sẽ có việc lạ đến, bèn chỉnh đốn y phục ngồi đợi, một lát có người ở phía Nam đến, mình mặc áo đen, tay cầm quạt lông, đứng chực dưới thềm. Ông Từ thấy dung mạo phi thường, hỏi :

- Người tên họ là gì ?
- Tôi là Nguyễn-Hữu-Tấn.
- Tuổi gì ?
- Nhâm-Dần.

Ông Từ nghe nói, trong lòng mừng thầm cho là phù hiệp với điềm mộng tối qua, bèn mời vào, ở lại nói chuyện, thấy người có kiến-thức, đem con gái gả cho, rồi tiến cử lên Triều, làm lần đến Đại-tướng, đánh dẹp có công to, vua khen rằng : « Nguyễn-Hữu-Tấn thật là vị hồ-tướng vậy ». Sau được phong tặng « Khai-quốc công-thần Anh-quốc-công ». Ở Bắc-Hà thuở ấy cũng gọi Tấn là Hồ-Oai Đại-Tướng.

Sách « Đại-Nam chính-biên liệt-truyện » chép : Ở tỉnh Quảng-Ngãi, nhân dân ở gần núi thường bị con cọp có vằn đen rất dữ đến sát hại, biên binh ở đây theo dấu săn bắt luôn mà không được, ngày nọ Tả-quân Lê-văn-Duyệt đóng quân gần đền thờ Trần-Bắc (Bùi-Tá-Hán), khiến quân làm một cái cũi lớn đem đến trước đền, gần bên núi, rồi ông khẩn vái với thần đền Trần-Bắc rằng : « Con hồ làm hại nhân dân, thì Thần

ở đây cũng có trách nhiệm. Thần như có linh, thì phải buộc sao cho con hồ nọ vào trong cũi này ». Sáng ngày sau, nom thấy con hồ nọ quả nhiên nằm phục ở bên ngôi đền. Quân lính vây bắt thì hồ chui vào trong cũi, mà không có trạng-thái hùm hét cắn xé chi cả. Người ta cho đó là có Thần ủng hộ vậy.

Sự tích con sâu cọp

Chúa sơn-lâm có một sức mạnh phi thường nhờ gân cốt, nanh vuốt và những bắp thịt rắn chắc, nhất là những bắp thịt đôi vai và đầu cổ, giúp cho hồ làm tê liệt con mồi một cách dễ dàng.

Đặc biệt nơi vai, có hai xương cụt, mà các thú vật khác không có. Các lang y dùng xương cụt này, mài với rượu cho người bị chó dại cắn uống vào thì hóa giải được chất độc; còn cái xương đặt vào chỗ bị chó dại cắn cũng có ma lực thu hút chất độc ra khỏi thân người.

Ngày trước, tại Cố-đô Huế, có Bác-sĩ Gaide, Giám-đốc bệnh-viện Huế, đã có lần cho xe đi rước ông Thầy Xuyên về bệnh viện để chữa cho một người bị chó dại cắn, nhằm lúc tại bệnh viện thiếu thuốc chuyên trị bệnh dại.

Con hồ, cũng như con mèo, có mắt to và sáng, có thể thôi miên con mồi, nhưng không nhìn được xa, lại nửa thính giác và khứu giác không phát triển nhiều như các thú vật khác, biết đánh hơi thật xa như chó, biết nghe ngóng từng làn hơi, gió thoảng, như thỏ, chồn. Đây chẳng qua là luật

bù trừ của Tạo Hóa đã ban cho loài vật được mạnh cái này thì phải yếu cái kia. Cũng theo luật đó thì cạp không có cái trí nhớ bền bỉ của con voi chẳng hạn.

Tại một vài tỉnh miền Trung, như Ngũ Quảng : Bình, Trị, Đức, (Thừa-Thiên), Nam, Ngãi, khi người ta bắt được cạp, việc đầu tiên sau khi hạ sát con cạp, là phải lấy lửa đốt râu và lông mép cạp. Duyên có vì có người rình nhờ lông mép cạp đem về làm một thứ thuốc độc để thuốc người khác cho chết. Hồi nhỏ, cách đây gần nửa thế kỷ, tôi đã có dịp đi xem cạp bị bắt tại miền núi Đức Phổ, gần Ba Tơ (Quảng-Ngãi), do ông Quản Khê chủ trương. Cái bẫy cạp của ông Quản Khê thật là một kỳ công.

Nguyên do con cạp thích ăn thịt sống, ăn vấy cả mồm mép, dính thịt vào chân lông, thịt thối ra, biến thành một chất nhờn (alcoloïde), có chất độc, mà khoa-học gọi là "ptomaine". Tại đây, phát sinh một giống sâu thì nhau rúc rĩa và sinh sản, nhìn kỹ thấy sâu bò lúc nhúc, trông thật là dễ sợ.

Người rình nhờ lông mép cạp đem lông ấy về nhà, xẻ một mọt măng tre vôi, nhét lông mép cạp vào đó; ít ngày sau, nơi đây sinh sản một loài sâu, giống như sâu rộm, có rất nhiều lông. Những con sâu này bài tiết một thứ phân đen, rất độc. Người ta đem giống sâu này nuôi một nơi kín đáo, và hàng ngày người nhà lượm phân, cho vào chai, dấu kỹ. Khi nào

có khách qua đường, ghé vào nhà xin nước uống, thì người nhà lấy ít phân sâu này ra cho vào bát nước chè xanh đưa cho khách uống. Thế là ít lâu sau, người khách lạ đó bị mắc chứng bệnh ho, lần hồi bị hao mòn mà chết.

Theo hủ tục kỳ quặc này, hàng năm gia đình nào có nuôi con sâu đó, phải tìm cách thuốc cho được một người lạ thì làm ăn mới được. Nếu không thì người nhà tự nhiên đau ốm cho đến chết, và như thế đã chết thay cho người khách lạ, trông chờ mà không đến.

Vì lẽ đó, ngày xưa, những khách bộ hành đi ngang qua các tỉnh miền Trung, từ Quảng-Ngãi trở vào, mỗi khi ghé vào nhà nào xin nước uống, họ cần thận mang theo chiếc nón lá, đặt úp dưới mái hiên... Nếu trong nhà có nuôi thứ sâu đó, thì người nhà lật đật chạy ra lật ngửa chiếc nón, vì sợ "ngộ" con sâu... Nếu lữ khách thấy một cử chỉ như vậy, tất nhiên biết nơi nhà đó có nuôi sâu, và phải hết sức thận trọng lúc xin nước uống. Tốt hơn hết là nên bỏ phứt mà đi.

Cũng có cách khác để thử xem trong nước có thuốc độc hay không, là ta lấy trái ớt moi (ớt hiểm) cho vào bát nước; nếu ta thấy trái ớt xoay tròn thì ta có thể đoán chắc rằng trong bát nước có thuốc độc.

Lại cũng có một cách khác để thử, là người khách bộ hành thường bọc theo mình một cái lông đuôi voi, bèn lấy lông ấy mà khuấy vào bát nước,

thấy bột trắng là bát nước có thuốc độc.

Hồi ông thân-sinh tôi còn là quan tại Đức-Phổ (Quảng-Ngãi), ông có thụ lý mấy vụ đầu độc bằng phân sâu cọp, và chính thân sinh tôi đã kể cho tôi nghe những sự việc kể trên.

Ngày nay, những tục lệ xấu xa ấy chắc hẳn đã biến mất với thời gian và sự tiến bộ của xã-hội. Người đi săn, khi hạ được cọp, cố gắng giữ

nguyên bộ da, kể cả lông mép, mà họ đã cho chùi rửa sạch sẽ với rượu cồn 90. Còn bộ xương cọp được người ta gộp nhặt nhiều bộ với nhau, cưa xương ra từng khúc nhỏ, để nấu thành cao hồ cốt, mà công dụng là làm tăng gia sức khỏe, giúp cho người ta thêm sinh-khí, năng-lực, hăng hái, lạc quan và yêu đời.

Gia-Định, Xuân Giáp-Dần 1974

Việt-Điều THÁI-VĂN-KIỂM

**hãy
hút...**



BASTOS *trời*

 **ĐẦU LOC**
truyện hảo

Những phiên chợ đặc biệt *trong dịp Tết*

Chợ là nơi hội họp công cộng để dân chúng mua bán hoặc đổi chác hàng hóa.

Trước đây, tại các xã thôn Việt-Nam, chợ quê một tháng chỉ họp có sáu phiên, nghĩa là cách năm ngày chợ mới họp một lần. Thỉnh thoảng mới có những ngôi chợ họp hàng ngày, thường đây là những ngôi chợ tỉnh, chợ phủ, hoặc ít nhất cũng là chợ huyện, nghĩa là chợ của những nơi đông đúc, của những thị-tứ.

Trong một vùng nhiều làng có chợ, những chợ này hầu như chia nhau những ngày họp. Có những chợ họp vào ngày một và ngày sáu, nghĩa là vào những ngày mồng một, mồng sáu, mười một, mười sáu, hai mươi mốt và hai mươi sáu. Một ngôi chợ của làng bên, cách chợ này độ đôi ba cây số sẽ họp vào ngày hai và bảy, một ngôi chợ thứ ba họp vào ngày ba và ngày tám, lại một ngôi chợ khác họp vào ngày bốn và ngày chín và cuối cùng một ngôi chợ họp vào ngày năm và ngày mười.

Trong một vùng, có thể là một huyện hoặc chỉ là một tổng, không phải chỉ có năm ngôi chợ, do đó có thể trong một ngày có hai ba ngôi chợ có phiên họp trùng nhau.

Sinh hoạt bình thường của chợ búa là như vậy, nhưng sinh hoạt này đã bị đảo lộn trong những ngày

gần Tết. Có thể nói được rằng, gần Tết đến, nhất là từ 25 tháng chạp trở ra, các chợ làng quê họp hàng ngày để dân làng tiện mua bán sắm sửa với nhau. Ngoài ra, chợ nào cũng có một buổi chợ được mệnh danh là *Chợ Trẻ con*, buổi chợ này, ngoài các hàng hóa thông thường, có rất nhiều hàng tranh pháo và hoa giấy ngày Tết, dành riêng cho các trẻ em mua để chơi Tết. Gọi là *Chợ trẻ con*, nhưng chính vẫn là người lớn họp chợ có trẻ em đi theo.

Chợ Trẻ con tuy vậy vẫn chưa là một phiên chợ đặc biệt vì sự kiện đã xảy ra tại hầu hết các chợ quê.

Những phiên chợ đặc biệt chúng tôi muốn trình bày trong bài này là những phiên chợ quanh năm chỉ họp một lần, hoặc ở ngay ngôi chợ của làng, hoặc ở một nơi nào khác, và trong phiên chợ này người ta chỉ bán một loại hàng để dân chúng mua dùng trong một dịp nào mà thôi.

Hôm nay chúng tôi xin nói sơ qua về vài bốn phiên chợ đặc biệt về dịp Tết.

Chợ thịt heo xã Mỹ-Lợi.

Làng Mỹ-Lợi thuộc huyện Vĩnh-Lộc tỉnh Thừa-Thiên. Làng này có một ngôi chợ, nhưng phiên chợ thịt heo cuối năm thì dân làng không họp tại đây mà lại họp tại những chòi cao mới được cất lên, độ khoảng ba chục

chiếc ở nơi đất trống đầu chợ. Chính những chòi cao mới cất này là những quán bán thịt heo. Chợ thịt heo họp vào các ngày 29 và 30 cuối năm.

Trong những ngày này bao nhiêu heo lớn trong làng đều được đem mổ thịt để bán cho dân làng dùng trong dịp Tết, và ở mỗi chòi là nơi bày bán thịt một con heo lớn.

Dân làng sắm Tết đều dành đến ngày phiên chợ thịt heo đặc biệt này mới mua thịt gói bánh, làm cỗ Tết. Phiên chợ rất vui vẻ, rất náo nhiệt. Gia đình nào cũng có người có mặt tại phiên chợ vì nhà nào Tết đến mà không cần tới thịt heo.

Cả dân chúng một số các làng lân cận, biết lệ làng Mỹ Lợi, cũng kéo nhau đến đây sắm thịt heo ăn Tết.

Rồi Tết đến, Xuân sang, những chòi dùng để bán thịt heo phiên chợ Tết, trong buổi đầu Xuân sẽ biến thành những chòi để dân làng đánh bài chòi vui Xuân.

Chợ Tết xã Vinh Mỹ

Xã Vinh-Mỹ cũng thuộc huyện Vinh-Lộc tỉnh Thừa Thiên.

Xã này có tục họp chợ vào các ngày mồng một và mồng hai Tết; đặc biệt chợ không họp ngay ở địa điểm họp chợ, mà lại họp ở một cồn cát trắng, cách đó khoảng 1.500 thước và mang tên là chợ Cồn.

Dân làng đi Chợ Cồn để mua bán thì ít, nhưng để vui xuân thì nhiều. Người buôn mang hàng tới chợ không cần bán mà chỉ vì lệ làng. Chợ

cũng đủ mặt hàng, hàng bánh trái, hàng đồ dùng, đồ ăn, hàng trái cây và cả hàng hoa nữa. Dân làng tin rằng người buôn bán trong làng có đi bán Chợ Cồn thì quanh năm mới buôn may bán đắt.

Gọi là đi chợ để vui xuân vì nhân dịp này trai gái trong làng hò hẹn gặp gỡ nhau và họ đi chợ chỉ để mua bán tượng trưng. Có thể có những cô nàng mang hoa tới chợ không phải để bán mà để tặng cho bạn lòng yêu hoa.

Về điểm tại sao phiên chợ đầu Xuân không họp ở vị trí chợ làng, lại họp ở Cồn Cát trắng, các cụ trong làng giải thích:

Chợ xã Vinh-Mỹ, trong những đêm mồng một mồng hai Tết có người âm về họp chợ, do đó người trần phải trả chợ cho họ và kéo nhau tới họp ở chợ Cồn.

Các cụ giải thích vậy thì hay vậy, nhưng theo tục lệ thì ngày Tết dân làng họp ở chợ Cồn, mà đã gọi là tục lệ thì dân làng cứ theo, còn chợ làng có phải để trả cho người âm không, dân làng cũng chẳng quan tâm.

Chợ Đồng làng Yên-Đồ

Chợ Đồng họp trên cánh đồng làng Yên-Đồ, tỉnh Hà-Nam, quê quán cụ Nguyễn-Khuyến, tức là cụ Tam-Nguyên Yên-Đồ. Chợ họp vào 24 tháng chạp âm lịch.

“Tục truyền rằng ngày 24 tháng 12 nhân dân làng Yên-Đồ muốn kỷ-niệm công-đức tiền nhân có một phiên chợ

Đồng vào cuối năm ngay tại cánh đồng làng Yên-Đồ.

«Hầu hết các dân cư lân cận đều đến dự họp rất đông.

«Mỗi năm trước ngày 24 tháng Chạp, các hàng quán đã được dựng lên san sát trên các cánh đồng khô ráo, rồi đến sáng tờ mờ ngày 24, các vị thân hào, các nhà buôn bán, trẻ con người lớn, thanh niên, phụ nữ trong khắp các vùng lân cận đã tề tựu rất đông.

«Sự gặp-gỡ của mọi người đều phô diễn trong cảnh tung bừng náo nhiệt, trong buổi tất niên cùng nhau trao đổi những lời chúc tụng vào dịp đầu xuân sắp tới».

Với cuộc họp chợ Đồng, làng Yên-Đồ có tục thi thơ và nếm rượu Tết cùng trong ngày đó. Cụ Tam-Nguyên Yên-Đồ có đề lại một bài thơ Vịnh Chợ Đồng như sau :

*Tháng chạp hai mươi bốn Chợ
Đồng,
Năm nay chợ họp có đông không ?
Gió trời mưa bụi còn hơi rét ?
Nếm rượu Tường-Đền được mấy
ông ?
Hàng quán người về nghe xáo xác,
Nợ nần năm hết hỏi lung tung
Dăm ba ngày nữa, tin Xuân tới,
Pháo trúc nhà ai, một tiếng «Đùng».*

Phiên Chợ Cưới

Đây là một phiên chợ hết sức đặc biệt, họp tại làng Tam-Lộng, huyện Bình-Xuyên, tỉnh Vinh-Yên vào ngày 25 tháng Chạp cuối năm. Vinh-Yên là một tỉnh của Trung-du Bắc-Việt

nằm cách Hà-nội hơn 50 cây số về phía Tây-Bắc.

Phiên chợ đặc biệt này của riêng các đồng bào sơn cước suốt mấy tỉnh Vinh-Yên, Phú-Thọ, Tuyên-Quang và Thái-Nguyên. Chợ họp trên một khu đất rộng, thường ngày vẫn là nơi họp chợ của làng Tam-Lộng, ngay lối vào trong làng, giữa cánh đồng, bên một con sông nhỏ.

Đúng ngày họp chợ, nam nữ sơn-cước mấy tỉnh trên kéo nhau tới rất đông đảo, có cả ông già bà cả đi theo để chứng kiến lời giao ước của họ và đồng thời cũng để hỏi tường lại cái thuở đương thì của mình đã qua không trở lại.

Trai gái dắt nhau tới đây phần nhiều là những cặp trai gái có khi đã biết nhau, đã thương yêu nhau từ trước, hôm nay đi chợ để cha mẹ chứng kiến mối nhân duyên và tác thành cho họ. Cũng có những chàng trai tới đây để tìm ý trung-nhân, cũng có những cô nàng tới đây để kén người đôi lứa.

Đề về dự phiên chợ, họ đã sắm sửa từ mấy hôm trước và luôn mấy ngày họ tấp nập bận rộn lo hành lý để đi họp chợ, có khi phải đi bộ tới chợ hàng hai ba ngày đường.

Già trẻ, nhất là thanh niên nam nữ đều đến chợ với quần áo lịch-sự chỉnh tề. Họ mặc bộ quần áo đẹp nhất, đội chiếc khăn mới nhất, đi đôi hài xỏ gọn gàng nhất. Các cô sơn-nữ mặc chiếc yếm sắc-sỡ nhất và có bao nhiêu đồ trang-sức lộng

lấy nhất, hôm nay các cô phải đeo cho hết : vòng cổ, hoa tai, vòng tay và cả vòng chân nữa. Các chàng trai với những bộ quần áo mới đẹp, trông cậu nào cậu nấy đúng vẻ hào hoa phong nhã. Trai gái mặt mày đều hơn hớn hân hoan.

Họ gặp gỡ nhau ở chợ, họ đứng túm tụm trên nền chợ xen lẫn vào các người bán hàng; họ đứng túm tụm bên bờ ruộng, ven bờ sông, dưới một vài gốc cây bên chợ : Đây một cặp trai gái đang tình tứ, kia một chàng trai đang khấn khoản biểu một sơn nữ món quà kỷ niệm.

Gặp nhau đây, họ nhắc lại những lời êm dịu đã nói với nhau từ trước hoặc những cặp mới quen biết họ ngỏ nỗi niềm cùng nhau. Họ sửa soạn đón một mùa Xuân tung bưng ở bên ngoài và êm ấm ở trong lòng.

Phiên chợ họp từ 10 giờ sáng đến

5 giờ chiều mới tàn, tàn theo những người bán hàng về chợ.

Sau những lời giao ước, được cha mẹ hoặc ông già bà cả chứng kiến, họ dắt nhau vào các quán ăn uống trước khi cùng nhau từ giã.

Một năm một lần, trai gái dắt nhau tới phiên chợ để định đoạt cuộc hôn nhân của đời mình. Phiên chợ do đó được mệnh danh là Chợ Cưới.

oOo

Trên đây là một số các phiên chợ đặc biệt diễn ra về dịp Tết mỗi năm trước đây. Cũng còn những phiên chợ đặc biệt khác như chợ Lượn ở vùng Lạng Sơn, rất tiếc chúng tôi chưa đủ tài liệu để trình bày cùng quý vị. Ước ao, trong dịp khác chúng tôi sẽ được trở lại với những phiên chợ đặc biệt khác.

TOAN-ÁNH

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

Năm Dần và thuốc Cọp: Cao Hồ cốt

Về nguyên-tắc, phép dùng thuốc của Đông-Y có vẻ gần gũi với Hippocrate, qua luật đồng khí tương cầu, *similia similibus curantur*, trong khi Tây Y có phần thiên về y-thuyết của Galien, trên căn-bản dị khí tương khắc, *contraria contrariis curantur*.

Chính vì áp-dụng nguyên-tắc đồng khí tương cầu và đồng thời, cũng vì đặt nặng vấn-đề đề phòng bệnh-tật cho nên Đông-Y đã sử-dụng rất sớm các dược-liệu thuộc động-vật, đi tiên-phong trong khoa nội-tiết-học hiện-đại. Một trong những ứng-dụng cụ-thể nhất của quan-niệm ấy là sự-kiện đề cao các thứ nhung, cao.

Nhìn chung, cao và nhung là những dược-liệu Đông-Y rất phức-tạp. Nhiều thứ như xương hổ, xương báo rất quý, hiếm và đắt. Cao hồ cốt là một trong những thứ cao được quần-chúng Đông-phương ái mộ.

Bộ xương Cọp

Con hồ *Panthera tigris* L. là một súc vật hoang dã, thuộc họ Mèo (*Felidae*) mà người ta có thể bắt được quanh năm.

Dược-diễn Trung-Hoa 1963 ghi: đề làm thuốc, bắt hồ đem giết rồi bỏ da thịt, chỉ giữ lấy phần da lông kèm ở bốn móng, bàn chân, lọc bỏ sạch gân thịt, đem hệ xương phơi khô trong râm là được.

Người ta dùng toàn bộ xương hồ để làm thuốc nhưng xương tứ chi và xương đầu là tốt hơn cả. Nhất là xương bốn chân rất được quý trọng, mà xương chân trước lại càng được ái-mộ, vì giới Đông y-sĩ cho rằng khí-lực toàn thân con cọp qui tụ vào hai chân trước, nhất là khi xương hai chân trước ấy có một lỗ hồng

đặc biệt chỗ gần đầu gối gọi là *phượng nhãn* hay *thông thiên*, lại thuộc một con hồ to lớn và già dặn, với xương cứng rắn như sắt nguội, thì lại càng được đánh giá rất cao.

Hồ càng lớn xương càng nặng thì càng tốt, càng có giá-trị. Giới thu mua dược-liệu cổ-truyền ở các đường Trần-Tương-Công, Triệu-Quang-Phục, Không-Tử (Chợ lớn) chuyên «tổng biện» thuốc Nam kể cả xương gấu, xương khỉ, sừng nai, qui bản v.v., thường ấn-định giá cả mỗi kilô xương cọp tùy theo bộ xương nặng nhẹ. Họ cân toàn thể bộ xương và chia ra nhiều loại, có loại chỉ cân nặng từ 3 đến 5 kilô, từ 5 đến 7 kilô, có loại từ 7 đến 9 kilô, có loại trên 10 kilô. Cọp tuy to lớn đồ sộ nhưng bộ xương hồ róc lọc sạch thịt, lược, sấy, phơi

khô chỉ còn cân nặng khoảng một phần mười thể-lượng lúc sinh tiền. Loại hệ xương lý-tưởng là loại mà mỗi bộ nặng từ 10 đến 15 kilô, kể cả xương đầu. Vì phân-loại như vậy, nên tuy cũng đều là xương cọp mà giá thu mua xê xích nhau có khi đến cả nghìn đồng một kilô và hằng vạn đồng một bộ xương.

Có những trường-hợp bộ xương bị thiếu nhiều xương quan-trọng, hoặc có người bán gộp hai ba bộ xương làm một nhưng dấu bớt xương đầu, xương chi trước, tăng xương sống, xương sườn, xương chi sau v.v.. Nhưng các «đồng-bào» Việt gốc Hoa cũng có những kinh nghiệm sâu sắc và những mảnh lời thân sâu để giám-định, kiểm-điểm, nhận diện xương và, hỏi chuyện họ, ta thấy vốn liếng tri-thức của họ về khoa cơ-thể-học tỷ-giảo không hề nghèo nàn chút nào !

Trong ba mươi cái răng hồ — hồ có 16 răng ở hàm trên, 14 răng ở hàm dưới — thì bốn răng nanh rất phát-triển, dài, cong vào trong, rất được ưa chuộng. Răng hàm hình chữ sơn vì có ba đỉnh nhô lên, nhưng ít quý hơn.

Hiếm khi chúng ta còn thấy móng chân dính vào tứ chi cọp ở các tiệm thuốc Nam, vì đồng-bào ta thường bẻ móng để trẻ con đeo làm «bùa» ở trước ngực, với niềm tin rằng được mang bùa ấy, trẻ không hay bị «giật mình».

Dược-diễn Trung-quốc 1963 ghi nhận : «thứ xương hồ to, nặng, chắc

màu trắng vàng, không còn sót thịt dính vào là tốt. Thứ xương hồ nhỏ, nhẹ, màu trắng tro là kém. Hồ bị giết bằng thuốc độc thì xương ngả màu đen, không thể dùng làm thuốc được».

Đồng-bào ta còn tin-tưởng rằng hồ bị trúng tên độc mà chết thì xương thành màu xanh lam, độc-chất có thể ngấm vào tận tủy xương, tuyệt đối không nên dùng chế thuốc.

Người Tàu thì đánh giá, theo tài-liệu kinh-diễn của họ, rằng loại hồ-cốt sản-xuất ở Tây-giang, Bắc-giang (Trung Hoa) là tốt nhất, nhưng hiếm lắm, ít khi mua được. Thứ của Việt-Nam thuộc loại vừa. Thứ của Thái-Lan thường lẫn với xương gấu, xương heo rừng, xương chó và xương khỉ đột. Nhật-Bản thì không hề có hồ cốt (?). Họ cho biết rằng hiệu Vĩnh Đồng Phúc ở Hương-cảng năm nào cũng nấu cao hồ cốt tung bán rất nhiều, ít nhất là những năm trước chiến-tranh.

Xử trí Hồ cốt

Muốn nấu cao hồ cốt, người ta luôn luôn dùng toàn bộ xương con cọp, không chịu để thiếu một mảnh xương nào và không được lẫn với các xương khác. Đặc biệt không thể thiếu hính cốt (xương chi trước), xương chi sau, xương đầu, xương sống liền với xương đuôi.

Nếu có đủ cùng một lúc năm bộ xương để cùng nấu thì thật tuyệt, nếu không, cố mua cho được một bộ trên mười kilô cũng quý. Mỗi kilô xương

đã chế nấu được khoảng 250 gram cao mềm. Cũng có khi người ta nấu lẫn hồ cốt với xương sơn dương, theo tỷ-lệ 1/5. Nếu được « ngũ dương nhĩ hồ » thì càng có lực mạnh.

Trước khi cho vào nấu, xương hồ phải qua hai giai-đoạn tẩy sạch và tẩm sao hết sức phức-tạp, vì giới Đông y-sĩ cho rằng nếu không bỏ cho thực hết thịt gân và tủy, sau này không những cao sẽ bị hỏng mà còn di độc. Hơn thế nữa, công việc tẩy độc này phải làm xa nhà, để giữ vệ sinh và phòng-ngừa nhiễm-độc.

Thường người ta ngâm xương vào nước vôi loãng, đun sôi, để nguyên trong nồi ngâm một đêm, đem ra cạo sạch hết thịt, gân, thực kỹ lưỡng. Dùng trấu, cát để đánh, chà, xát, xương cho thực kỹ, thực bóng. Rửa sạch, phơi khô. Cưa từng khúc ngắn như miếng mía, cỡ làm hai, ba mảnh, xương nhỏ thì đập dập. Luộc sôi trong mười phút với nước giấm để cho tủy mềm rồi gọt cho sạch tủy. Có người còn cần-thận lấy trấu giã với xương hoặc lấy đá cuội to nhỏ sóc với xương để xương sạch tủy và trơn bóng. Phơi sấy khô.

Xương khô sẽ được tẩm sao theo rất nhiều phương-pháp, thay-đổi tùy lương-y, tùy địa-phương. Có người tẩy với nước rau cải, với nước trầu không, sao bằng mỡ dê, ngâm với Khương-hoàng và Hùng-hoàng, ngâm với giấm và sao cát, cuối cùng sao lại bằng mỡ dê. Có vị tẩm gừng đã giã nhỏ, tẩm rượu 40° rồi sao với cát v.v... Mục-đích chủ-yếu là

trừ cho hết độc-chất và vi-trùng (?). Có thuyết chủ-xương vì hồ thích ăn dê cho nên phải sao mỡ dê để như vi-trùng trông tùy xương ra (1), và mỡ dê ngấm vào xương sẽ trừ tiết được các chất độc, nhất là trong những xương cứng (?).

Sau khi đã tẩy sạch và tẩm sao, xương hồ đã láng bóng, chẻ vụn thì đem phơi khô trong râm (phơi âm can) ; khi dùng nấu cao thì có khi giã dập vụn.

Dược-điền Trung-quốc 1963 ghi nhận hai cách dùng khác :

— Xương hồ tẩm dầu (dầu hồ cốt). Lấy xương hồ sạch nói trên cho vào chảo đun đảo với dầu mè cho thực ngấm, hoặc lấy dầu mè bôi phết lên xương rồi hơ, nướng cho ngấm là được.

— Xương hồ tẩm giấm (thổ hồ cốt). Lấy cát cho vào chảo rang cho tới khi cát xộp, nhẹ. Cho xương hồ sạch vào, sao tới khi ngả màu vàng. Rây bỏ cát. Đang lúc xương còn nóng đem nhúng vào giấm. Vớt ra, phơi khô trong râm. Cứ 50 kilô xương hồ thì dùng từ 10 đến 15 kilô giấm.

Nấu cao Hồ cốt

Nấu cao hồ cốt nhìn chung cũng gần giống như nấu cao ba long. Vả lại, những gia-đình chuyên nấu cao hươu nai cũng thường kiêm luôn nghề nấu cao xương cọp.

Người ta cho rằng nấu cao hồ phải dùng toàn dụng-cụ bằng đất, vì xương hồ kỵ đồ sắt và đồ đồng. Nước dùng nấu là nước ngọt, tốt

nhất là nước mưa. Củi thì dùng củi tạp, không được dùng củi lim. Nếu có củi cây duối (Hoàng anh mộc) thì rất quý.

Thường người ta dùng thùng men hoặc thạp để nấu cao. Cho xương vụn vào rồi đổ nước: một phần xương, ba phần nước. Đun lửa suốt một ngày một đêm cho thực đồ. Nếu lửa không được đỏ thì xương chóng mục. Khi nước cạn hai phần còn lại một phần thì mức sang nồi khác để cô. Trong thạp đựng xương bây giờ lại phải chuyên nước vào, nhưng luôn luôn phải chuyên nước sôi. Vì vậy, bên cạnh thạp đựng xương là một nồi nấu nước sôi liên-tục, để bất kỳ lúc nào cần chuyên thêm nước là có ngay nước đang sôi. Tiếp tục như vậy trong bốn ngày bốn đêm thì ra hết cao. Trộn tất cả các nước (thường thì được ba nước) để cô cao.

Cao thường được cê cách thủy, cô đến khi nào lấy baw (cây gỗ hoặc cây tre bề ngang cỡ 3,4cm) vớt lên, mà cao chỉ thông xuống độ một tấc (tấc ta) là đã gần được. Phải đem ra nhào, đánh mạnh, liễn tay, đều tay rồi lại cô nữa, bao giờ cầm baw vớt lên độ nửa phân mà không rơi xuống nữa là cao được. Có khi phải cho thêm cao ban long vào thì cao mới đông, nhưng phải luôn luôn canh chừng vì sợ cao quá đặc.

Cao đã nấu thành rồi thì phơi âm can độ 4, 5 hôm rồi dùng vật dụng bằng sứ để đựng. Nếu để tung bán trên thị-trường thì người nấu đồ cao lên khay có khuôn đã bôi mỡ, dầu, cho khỏi dính. Lấy vải ẩm đặt lên, để một đêm, hôm sau lấy ra từng miếng 100g hay 50g tùy theo khuôn, treo lên phơi âm can chỗ thoáng gió cho đến thực khô rồi gói vào giấy bong kính.

Cao luôn luôn phải cất giữ nơi thoáng gió, và về mùa hè nên lót vải sống dưới đáy thùng, đặt kín.

Dược-tính và sử dụng

Theo Đông-y, cao hồ cốt vị tân hàn (cay mặn), tính ôn (ấm), chủ yếu vào hai kinh thận và can, có tác dụng bổ dưỡng gân cốt, trừ phong hàn, giảm đau nhức, trừ phong thấp, chủ-trị các chứng chân tay co quắp, khớp xương đau nhức, phong thấp tê bại.

Mỗi ngày dùng từ ba đến năm chỉ, xắt miếng nhỏ ngâm cho tan trước khi đi ngủ hoặc ngâm rượu (một phần cao, bốn phần rượu) để uống.

Người huyết hư hỏa vượng không nên dùng.

Về phương-diện hóa-học, cao hồ cốt rất giàu phot-phat calci, là một hóa-chất rất cần thiết cho hệ xương. Chất keratin hiện-diện trong cao khi vào cơ-thể sẽ bị thủy-phân để cung cấp các prôtêin và các acid amin cần thiết cho sự tăng-trưởng. Điều này cắt nghĩa phần nào công-dụng của cao xương hồ theo y-lý cổ-truyền.

Ngoài ra, các thành-phần khác trong cơ-thể của con hồ cũng đặc dụng đối với Đông-Y: thịt hồ (hồ nhục) chữa chứng buồn nôn, baw nhỏ nước miếng; mỡ hồ (hồ chi) dầm với rượu nóng uống chữa được thương-tích thâm tím; tròng mắt hồ (hồ tinh) chữa đau mắt có màng và giúp mắt thêm tinh tường; râu hồ (hồ tu) chữa răng sâu, dùng râu hồ xia răng là khỏi (?) v.v...

oOo

Cũng may năm mới lại là năm Dần nên mới viết được bài này. Nhưng năm tới nữa chắc hẳn sẽ kết. Vì chúng ta đâu có dùng cao miêu cốt!

TRẦN-VĂN-TÍCH

12. 1973

Tết Hànội 90 năm trước dưới mắt một người Pháp

Bản dịch và chú giải của BÌNH-NGUYỄN-LỘC

Nếu tính đến mừng một tháng Giêng của Tết năm nay thì văn-kiến dưới đây cũ đúng 90 năm, không thiếu ngày nào hết. Đây là hai bức thư riêng của một công chức người Pháp gửi về cho gia đình còn ở bên Tây. Một ông Tây đời nay đã xin phép gia đình người quá cố để công bố hai bức thư này trong tạp chí B.S.E.I. Chúng tôi không có xin phép ai hết vì khi một tài liệu cũ quá năm mươi năm mà lại được gia đình có tài liệu cho phép công bố thì tài liệu đã rơi vào địa hạt công cộng.

Vào ngày bức thư này được viết ra thì miền Trung chưa bị chiếm, miền Nam thì đã bị chiếm rồi, còn Bắc Việt thì chỉ mới bị chiếm có vài tỉnh thôi, và quân Pháp sắp sửa chiếm Bắc Ninh...

Hà nội, ngày 28 Tháng Giêng 1884 (1)

Chúng tôi đang ở vào mùa lễ đầu năm của người Annam, gọi là lễ Tết.

Hôm nay đúng vào ngày đầu năm (của họ) nên nhà nhà đều đóng cửa kín mít và đường phố gần như là vắng tanh. Thỉnh thoảng người ta thấy vài người Tàu mặc đồ lớn (thường là áo dài màu, nhất là màu xanh) đi thăm nhau, có đầy tớ mang thiệp của họ đi trước họ.

Suốt tám hay mười hôm, hoặc nhiều hơn nữa, người Annam chẳng làm gì hết và tuyệt đối chẳng tìm được một người làm công nào cả. Hôm qua, khi tôi định đưa y phục tới hiệu giặt thì người bồi của tôi (hắn cũng nghĩ để ăn Tết, nhưng tôi gặp hắn tình cờ) thì hắn bảo rằng là vô ích vì thợ giặt sẽ không làm việc trước tám ngày tới đâu (2).

Người Annam đặt bàn thờ ở buồng thứ nhất mà nơi đó họ tiếp khách. Trên bàn thờ họ đặt một tấm hình Phật nhỏ. Hương đăng được thắp lên (3). Phần diện tích bàn thờ còn lại được một thứ hộp chia ra thành nhiều ô choán chỗ (4). Trong hộp họ để các thứ của

(1) Tính theo ngày ta thì nhằm mùng một tháng Giêng âm lịch năm Giáp Thân.

(2) Chi tiết này hơi khó hiểu. Tây chưa chiếm Bắc Ninh, tức họ chiếm Hà Nội chưa lâu, mà sao ta dân ta đã biết giặt y phục người Âu? Kỹ thuật ủi Âu phục, học tất phải lâu mới làm được.

(3) Chúng tôi không dám dịch khác đi, nhưng tác giả dùng chữ hơi khó hiểu. Tác giả nói là hình Phật chứ không có nói là tượng Phật. Như thế thì làm sao đặt hình lên bàn thờ được? Họa là treo sau bàn thờ thì có. Và lại vào ngày đó thì ta trọng tổ tiên hơn, và chính là cúng tổ tiên tại bàn thờ chứ không phải cúng Phật.

(4) Tác giả ám chỉ đến một loại quả sơn mài có ngăn mà vài gia đình miền Nam còn giữ được.

ngọt mà họ rất ưa thích (1)

Bắt đầu giữa khuya của ngày thứ nhì, thì pháo nổ không dứt giây phút nào cả (2). Người Annam làm ra những hộp pháo mỗi hộp đựng độ một trăm cây pháo, và họ sắp xếp cách nào mà pháo kể tiếp nhau mà nổ (chớ không phải là cả một trăm cây đều nổ cùng lúc với nhau).

Phần lớn pháo được đốt trong nhà, mỗi lần có khách đến. Hễ pháo nổ lâu dài chừng nào là người ta xem trọng người khách chừng ấy.

Số pháo còn lại, được đốt để đuổi tà. Những chữ viết treo ở mái nhà cũng có mục đích đó (3). Trước thềm, người ta thấy những vòng tròn hoặc vòng bán nguyệt mỗi vòng có cây tên đề bắn đuổi quỷ (4). Nhiều biểu chương khác viết trên giấy Tàu (màu hồng đơn) lấm tấm những vết bạc hay vàng, được dùng để quuyến rũ tiền bạc vào nhà (5).

Tóm lại, ít lắm là trong một tuần lễ, tất cả đời sống thương mại và chính trị của người Annam đều hoàn toàn dừng lại. Thế nên khi quan Đề Đốc từ Hải Dương trở về đây thì vấn đề thừa dịp này để thử tấn công một nơi nào đó, vì có thể người Annam sẽ bối rối lắm, thì vấn đề này được đặt ra và bàn tán đến rất nhiều. (6)

Bức thư chấm dứt tại đây. Nhưng trong bức thư thứ nhì lại không nghe nói đến sự thừa dịp dân ta ăn Tết Giáp Thân, Pháo có tấn công nơi nào cả. Chắc là ta có đề phòng, nên họ không dám đánh. Dưới đây là bức thư thứ ba, nhưng cũng chỉ nói đến thói ăn nếp ở của người mình mà không hề ám chỉ đến trận đánh lên nào cả.

(1) Tác giả dùng danh từ «Bonbon», nhưng chúng tôi tự ý dịch ra là «Của ngọt» và dân ta xưa không có chế tạo «bonbon». Có lẽ tác giả ám chỉ đến các thứ mứt của ta và ở miền Nam người ta để các thứ mứt trong các ngăn của loại quả có ngăn. Chắc ở đất Bắc cũng thế.

(2) Có lẽ tác giả đã lầm chăng? Ta đốt pháo Giao thừa vào giữa đêm ba mươi tức vào giữa khuya của ngày thứ nhất, chớ sao giữa khuya của ngày thứ nhì?

(3) Không biết tác giả ám chỉ đến cái gì. Miền Nam chẳng có treo gì trên mái nhà cả, cũng chẳng có sách ta nói đến việc này ở miền Bắc.

(4) Đây là cây cung bằng vôi bột vẽ dưới chơn cây nêu tre, và cung thì luôn luôn hình bán nguyệt chớ không nghe nói đến cung hình tròn.

(5) Tác giả ám chỉ đến câu đối Tết, nhưng vì trong buổi đầu, nên tác giả chưa biết nhất định ta đã viết gì lên đó. Ta không phải luôn luôn cầu tài cầu lộc mà thường viết những chuyện khác hơn cầu tài.

(6) Ám chỉ đến Đề Đốc Courbet, người cầm đầu đạo quân đánh chiếm miền Bắc, và cầm đầu cuộc binh định nếu chiếm được. Nhưng thật ra thì chính bộ binh mới hành quân. Sự mạng của Đề Đốc Courbet mang tính cách chính trị nhiều hơn.

Vài tục của người Annam cũng đáng được nói đến. Nhà chánh hiệu (1) của người Annam được xây bằng đất với lại tre, lợp bằng tranh, và lợp rất dày. Tranh này được sắp xếp thế nào mà nước mưa không lọt vào nhà được. Vậy là tuyệt, nhưng hễ bão tới (mà bão thì tới hơi thường) thì chẳng còn nóc nhà, mái nhà gì nữa cả. Được cái là những hư hại được sửa chữa rất mau lẹ và hôm sau là đâu đó xong.

Nhà thì thường được ngăn ra làm hai buồng, nếu một chiếc chiếu được treo ở trần, thông xuống, có thể gọi là ngăn chia. Buồng thứ nhứt dùng làm xưởng thợ, buồng thứ nhì dùng làm buồng tiếp khách, buồng ăn, buồng ngủ. Cả nhà, nam, nữ, lớn, bé đều ngủ ở đó, trong một sự gần gũi không được an tâm lắm đối với đạo đức.

Giường của họ rất là giản dị. Đó là giường trại lính của nhà binh (Pháp) và người Annam ngủ trên đó một cách sung sướng như là ngủ trên giường rất êm. (2) Về phương diện này thì người Annam rất kỳ diệu, họ ngủ trên ván, trên đá, hay trên đất gì thì giấc ngủ của họ cũng mê man, và đôi khi phải đánh họ, mới gọi họ dậy được.

Dĩ nhiên đây là nhà của hạng người khá giả, còn bọn nghèo khó thì chỉ có chòi tranh mà ta không thể đứng ngay thẳng trong đó được. Loại chòi này thì khiêng đi được từ nơi này đến nơi khác. Người Annam giàu có thì ở nhà xây bằng đá, theo lối kiến trúc Trung Hoa (3)

Đàn ông và đàn bà mặc quần rất rộng và một thứ áo dài cài nút ở bên hông, bằng vải mỏng. Vạt áo đàn ông thì dài xuống tới gối, còn vạt áo đàn bà thì dài hơn tí xíu. Vào mùa đông các bà, các cô mặc chồng chất lên người đến bốn hoặc năm chiếc áo, mỗi áo mang mỗi màu khác nhau.

Nón của xứ này che mưa che nắng rất hữu hiệu, chỉ phiền là nón choán chỗ nhiều quá. Chỉ có người giàu có mới mang giày săng đan, còn nhà nghèo thì luôn luôn đi đất (4).

(1) Nhà chánh hiệu là như thế, còn nhà phó hiệu thì như sao? Có lẽ tác giả muốn nói: «Đa số nhà của người Annam...» Nguyên văn: « La maison proprement dite des Amamites... »

(2) Âm chỉ đến sập gỗ của ta.

(3) Thật ra thì nhà giàu ở nhà gạch. Dân ta không có tục ở nhà bằng đá bao giờ. Tác giả tả nhà của giới trung lưu ta sai bét. Trong quyển L'Art Vietnamien, ông L. Bezacier nói rằng giới khá giả Việt Nam ở Bắc Việt cất nhà bằng gỗ rất khéo, rất kỹ và rất kiên cố. Dĩ nhiên là ông Tây viết thư tả chuyện cũ 90 năm, nhưng 90 mươi năm trước, ta cũng chẳng tệ đến thế bao giờ. Vậy, những nhơn chứng không phải luôn luôn là những người mà ta tin cậy được.

(4) Ngày nay thì đã khác hẳn. Ở Bắc thì sao không rõ chớ ở Nam thì nhà nghèo vẫn mang guốc gỗ hay mang dép cao su. Nhưng về chi tiết này thì người viết thư đã nói đúng về chuyện xưa.

Y phục của trẻ con chắc không làm cho cha mẹ chúng sạt nghiệp. Thường thì chúng trần truồng, đôi khi người ta mặc cho chúng những chiếc áo mỏng không xuống khỏi rốn. (1)

Các nhà lập pháp Annam rộng rãi hơn các nhà lập pháp của ta, họ cho phép ly dị khi nào có sự ưng thuận của cả đôi bên. Nhưng vì họ kết hôn dưới sự làm phép của nhà sư, nên chỉ phải được nhà sư cho họ ly thân (2). Sau khi thắp hương, nhà sư tuyên bố rằng là họ được tự do. Đoạn mỗi người hôn phối đi riêng vào một buồng. Ngoài này nhà sư khấn Phật. Nếu nhà sư cảm thấy có nghi ngờ, hoặc nhà sư nghe trong người khó chịu thì nhà sư gọi đương sự ra và cho biết rằng là Phật không chứng cho họ xa nhau, vào giai đoạn này, và họ phải trở lại ngày nào đó, nếu họ có xung đột nhau đáng kể. Đương sự mà không được toại nguyện phải nộp cho nhà sư ba chục bạc (3) vì đã làm rộn nhà sư một cách vô ích.

Thư của ông R.VASSELLE

Tham-sự Biên-tập-viên hạng nhất

(Việc xin phép công bố, do ông R. Despierres)

Tạp chí B. S. E, I. Tam cá nguyệt thứ 2 năm 1949

(1) Chi tiết này cũng sai. Đây là con nhà nghèo ở nông thôn, chứ con nhà nghèo ở chợ cũng không tệ như vậy. Con nhà giàu thì dĩ nhiên là ăn mặc kín đáo hẳn hoi. Như chứng này có lẽ chỉ kém về quan sát chứ không phải là muốn xuyên tạc cái gì đâu.

(2) Tục kết hôn dưới sự làm phép của nhà sư thì chúng tôi không hề nghe thấy bao giờ. Tục ly dị do nhà sư quyết định, chúng tôi cũng không hề nghe thấy.

Mặc khác, cũng khó lòng mà cho rằng người viết bức thư này đã bịa chuyện.

Vậy là phong tục ta đã thay đổi nhiều trong vòng 90 năm nay. Lại lắm là sách vở Việt Nam không có ghi gì hết về tục này.

(3) Ba chục bạc thưở đó to bằng một trăm ngàn bạc ngày nay. Không rõ tác giả có lầm hay chẳng, chứ dân ta nghèo thì nhà sư mà có bóc lột cũng không đòi hỏi nhiều đến thế, bởi trừ vài chục gia đình giàu có ở Hà Nội, chắc không ai có đủ số tiền lớn như vậy để nộp cho nhà sư, và nếu quả tục này mà có, thì hẳn luôn luôn nhà sư đã bắt ập vợ chồng xin ly dị nào cũng phải trở đi trở lại nhiều lần, vì vụ này có vẻ kinh tài quý trốn. Chắc tác giả đã lầm về số tiền, thay vì viết ba đồng, ông ấy đã viết ba chục đồng chẳng?

Cùng quý bạn mua Bách Khoa đóng tập

Xin trân trọng trả lời chung đề quý bạn rõ :

— Bách Khoa đóng tập có bán rời từng tập từ năm 1966 trở đi, mỗi tập 6 số giá 650đ và mỗi tập 12 số giá 1.100đ (bìa carton, giấy simili curi, in chữ kim-nhũ)

— Bách Khoa toàn bộ từ 1957 đến hết năm 1973 (thiếu khoảng 15 số) 45 tập, giá 37.000đ, giao tại 160 Phan đình Phùng Saigon.

MƯỜI BÀI ĐỐI CẢNH

Voi-không-đất với ngựa-không-trời
Vào cửa vô - cùng dự cuộc chơi.
Bóng nhựa ai ca màn nhựa mùa
Thơ sâu như rụng trái sầu rơi.
Vàng đâu Tôn - nữ gieo quanh gác
Thu đã Cầm-tâm giải khắp nơi.
Gió lộng, chợt ngáy nhìn cánh thiệp
Quỳnh-viên Đài-đảo mấy trùng khơi ?

Ngày đêm ai lại nở lòng chia
Mà biết rằng khuya với chẳng khuya !
Tiếng ngọc thơ vàng đang chuyển đó
Ngựa trời voi đất vẫn chầu kia.
Quỳnh - Dao tiệc vẫn nhưng còn họp
Đài - Bắc người đi cũng sắp về.
Màn nhựa vừa loan tin có bão
Tin hoa đã trắng một bờ đê

Gác chuyển năm màu nét vẽ mây,
Ngoài kia gió nổi hay trong này ?
Súng chưa vừa miệng đang tìm đích
Bão chẳng đành tâm đã mở vây.
Trứng ngựa để xong trời lại đẹp
Xác voi lột dỡ đất còn say.
Vẳng nghe ai hát « bầu thương bi »
Trước mắt lênh đênh nước ngập đầy.

Tin bão truyền đi, ngựa ủa màu
Nghe trời rung tự đáy lòng sâu.
Mưa roi gió búa tràn qua thát
Vách ván nhà tôn chịu nổi đau.
Cột lừng lơ sóng mà bão quét
Bướm rơi bởi cánh hân thơ đau.
May thay, bão thẳng đường ra biển
Thơ vẫn còn nguyên vẹn nhịp cầu !

Lệnh xuống từ mây, bão rút êm
Cho thư hải ngoại tới bên thềm.
Cảng-Thơ chùng ướp say cơn gió
Vườn - Úc vừa nghe rộn tiếng chim.
Hội ấy Đài-loan thơ Bạch-tuyết
Mộng nào Nhân-loại thuở Hoàng-kim ?
Ngó quanh, ngựa ruỗi gươm nằm ngủ
Voi cũng thay rồi lột áo xiêm.

Hoa lụa từng xuân Gác/Khói đầm
Bóng nga còn xẻ Gác-Mây thắm.
Trao cây lụa tiếp màu hoa kết
Giục cánh hoa sang áo lụa năm.
Hoàng nhớ lại màu xanh giữa mộng
Oanh mừng thêm áo mới đầu năm.
Châu quanh, voi ngựa cùng mong mỗi
Lột xác đêm nay sẽ hóa tằm.

Nửa kiếp lang thang bước đã chồn
Mà chưa nở đại, chẳng đành khôn.
Dấn thân Tử - địa tìm sinh lộ
Nhờ ánh Hoa - đăng giới mộng hồn.
Thì đạo đằm lên thêm chị Nguyệt
Rồi pha trà với nước sông Tương!
Ngựa trời giữa Gác-Mây còn ngóng
Một « dấu-huyền » bay về cổ hương.

Quả chưa thành rượu đã lên men
Thăng vút đường bay tới trước đèn.
Ngày muôn đang ngờ thu đất Bắc
Chùm xanh chợt gọi sóng sông Sen.
Bao năm thầy tướng đi là mất
Ngàn dặm trò thừa nhớ chẳng quên.
Rung cánh, đàn voi như hưởng ứng :
Hồn xưa, trong xác mới, còn nguyên.

Một hướng chia tay, một hướng chờ
Lòng mây gác quanh rối như tơ.
Trung - Đông kẻ dẫn thân lò lửa
Đài - Bắc người lui gót hội thơ.
Mọc cánh, chợt voi cười địa võng
Treo gương, chừng ngựa biết thiên cơ.
Ai đi muôn dặm, ai về đó
Đừng ngại gì tin bão phát phơ!

Bồng - Lai thân trước vẫn đỉnh ninh
Đảo vắng đêm nay kể chuyện mình.
Ngậm biếc, ý gương hồ Nhật - Nguyệt
Đừng quên, lời đá núi Dương - Minh.
Cành trâm ngọc đọng mùa hoa - vũ
Làn khói trà mờ nẻo sứ - tình.
Nửa gác nghe loang sâu biển cả
Ngựa trời voi đất cánh rung rinh

VŨ - HOÀNG - CHƯƠNG

Gác Mây Quý Sửu Tháng Mười Tây lịch 1973

Ghi chú : Mười bài Đối-cảnh trên đây khởi từ lúc Ngựa-trời (cũng gọi là Bộ ngựa) và Voi-đất (tức là Châu-chấu-voi) được tác giả nuôi trên Gác Mây. Do đó thơ Đối-cảnh chỉ ghi tình trạng và sự-kiện xảy ra trong không gian của Gác. V.H.C.

CÔNG - TY GIẤY VÀ HÓA - PHẨM ĐỒNG - NAI

(Société de Papeterie et de Produits Chimiques du DONNAI)

COGIDO

CÔNG-TY NẶC DANH VỐN 976.080.000\$00

Văn-phòng : 7-19, Võ-di Nguy (lầu 1 và 2) Saigon 1

Điện thoại : 25 659 — 92.466 — 99.292

Nhà máy : An-Hảo — Biên Hòa

Điện thoại : Khu Kỹ Nghệ Biên Hòa Số 41

CHUYÊN SẢN-XUẤT CÁC LOẠI

Giấy viết

Bìa mềm

Giấy in

Bìa xám

Giấy RONEO

Bìa rơm

Giấy gói

Bìa Duplex

Giấy Bristol

Bìa Triplex

VÀ CÁC LOẠI TẬP HỌC SINH

NGANG HÀNG VỚI
SẢN PHẨM NGOẠI QUỐC

Từ chiến tranh Trung Đông đến chiến tranh tái phát ở Việt Nam

Một sự-kiện khác nữa, một sự-kiện mà Ai-Cập đã giữ hết sức bí-mật khiến cho ngay chính Nga-sô cũng không hay biết gì hết, cũng đã là một yếu-tố, và là một yếu-tố quan-trọng, thúc đẩy Ai-Cập/Si-Ri tấn-công Do-Thái trong một niềm tin chiến-thắng tuyệt-đối. Sự-kiện ấy là cuộc điều-đinh mật giữa Mỹ và Ai-Cập đề khai đào một con kênh Suez thứ hai.

Bởi biết rằng Nga-sô đã cố xúi Ai-Cập gây chiến với Do-Thái nhằm mục-đích :

— nắm lại Ai-Cập và các quốc-gia Ả-Rập khác đã bắt đầu xông ra khỏi tầm tay của mình ;

— lấy lại chân đứng tại Trung-Đông (và nếu đứng được tại Trung-Đông, thì sẽ thúc-đẩy Bắc Việt xâm-chiếm Nam Việt Nam để trở lại Đông-Nam-Á, và, như thế, sẽ khóa tay được Mỹ mà lại còn bao vây và làm suy yếu được cả Trung-Cộng trên toàn-diện Á-Châu) ;

— và mở lại kênh đào Suez nhằm những mục-tiêu đã kể trên và giành ảnh-hưởng trên kênh-đào đó, cho nên Nixon đã ngầm cho phép các thương-thuyết-gia Mỹ thỏa-hiệp bí-mật với Ai-Cập bằng cách cho phép một nhóm nghiên-cứu Mỹ mới gọi là *Suez Canal Development Corporation* do ông Dettwiller cầm đầu, hiệp-đồng cùng 17

công-ty dầu hỏa quốc-tế, thương-lượng với Ai-Cập đề đào một con kênh Suez mới song song con kênh cũ. Con kênh mới sẽ khởi đầu từ Vịnh Suez đến Vịnh Gaza băng qua sa-mạc Sinai ; một giải rộng 10 km sẽ được nhượng với con kênh mới này trong một thời-gian là 99 năm. Ông Dettwiller nguyên là cựu cố-vấn Tòa Bạch-Ốc dưới triều Tổng-thống Eisenhower (nghĩa là dưới triều của Nixon lúc ấy làm Phó Tổng-thống). Lấy cớ là con kênh cũ nhỏ quá, cần phải khai thông một con kênh lớn hơn, có đủ kích-thước về chiều sâu và chiều rộng đáp ứng được với nhu-cầu doanh-thương thế-giới và nhu cầu của các tàu chở dầu mới, công-ty Dettwiller đã thuyết-phục được Tổng-thống Sadat rằng đào một con kênh mới có lợi hơn là khơi rộng con kênh cũ. Huống nữa, Nixon đã hứa rằng nếu Ai-Cập và Si-Ri tấn-công Do-Thái thành-công để đoạt lại những đất đai đã mất, thì Nixon sẽ làm áp-lực bắt buộc Do-Thái phải nhìn nhận những ranh-giới mới. Con kênh Suez cũ bị phong tỏa từ năm 1967, gây tổn-thất nặng-nề cho nền kinh-tế Ai-Cập, nay với ba viễn-ảnh : mở lại kênh, khơi thêm một kênh mới và lấy lại được một ít đất đai đã bị mất năm 1967, Ai-Cập đã bị thuyết-phục. Bị thuyết-phục bởi sự hứa hẹn ủng-hộ của Mỹ và bởi sự viện-trợ công-khai của Nga với trên

4000 phi-cơ, trên 5000 xe tăng, cùng sự tham-chiến của phi-công Bắc-Cao, xạ-thủ hỏa-tiên Bắc-Việt, cho nên Ai-Cập và Si-Ri hết sức tin-tưởng rằng mình đã nắm được phần thắng 100% trong tay, và đã quyết-liệt tấn-công Do-Thái.

Công-ty Mỹ Dettwiller đã hứa với Sadate rằng công-tác đào kênh Suez mới sẽ tốn khoảng 3,3 tỉ Mỹ-kim và sẽ được thực hiện trong vòng 18 tháng; khi làm xong sẽ chia lợi 50% / 50% nửa cho Công ty và nửa cho chính-phủ Ai-Cập. Nghĩa là Nga sẽ không có quyền-hành gì vào đó, trái hẳn với trường-hợp khai-thông con kênh cũ với sự ủng-hộ của Nga thì Nga sẽ chia quyền-lợi Ai-Cập và Mỹ không được gì.

Cuộc vận-động này của Dettwiller đã cho phép Sadate tin-tưởng rằng mình sẽ thắng 100% trong trận đánh Do-Thái vào ngày Kippour nói trên: bằng cơ là để được lòng Mỹ, chính-phủ Ai-Cập đáng lẽ phải ký một hợp-đồng với công-ty Pháp Spie-Batignolles cho phép công-ty này thiết-lập một đường dẫn dầu mới từ Suez đến hải-cảng Alexandrie, đã trở mặt và ký hợp-đồng với công-ty Mỹ Bechtel. Vị Bộ-trưởng dầu-hòa của chính-phủ Ai-Cập là ông Ahmed Hillac viện cớ rằng hãng Mỹ đã đề-nghị bỏ ra một chi-phí là 345 triệu Mỹ-kim trong khi hãng Pháp chỉ bỏ ra có 35 triệu!

Trong những vụ trả giá ngầm nói trên giữa Mỹ và Ai-Cập, người ta có thể tự hỏi:

— 1) Hoa-Kỳ có thật tình muốn

giúp cho Ai-Cập thiết-lập một kênh đào mới sau khi Ai-Cập chiến thắng chớp nhoáng Do-Thái hay không? và

- 2) Ai-Cập có thật hoàn-toàn tin-tưởng vào sự hậu-thuần của Mỹ sau khi đã nhận được sự viện-trợ vô-điều-kiện của Nga-sô hay không?

Chúng ta có thể tạm trả lời:

— 1) Có lẽ Mỹ có hy-vọng đào một con kênh Suez mới thật dễ có thực quyền vào đó, song, không phải là sau một cuộc chiến-thắng chớp nhoáng của Ai-Cập mà là một cuộc chiến-thắng chớp nhoáng của Do-Thái; cuộc chiến-thắng chớp nhoáng này của Do-Thái sẽ củng-cố «ranh-giới» của Do-Thái và sẽ bắt buộc những quốc-gia Ả-Rập khác ngoài Ai-Cập, như Ả-Rập Sa-u-Đi, Gióc-da-Ni, hợp-tác với Do-Thái để cùng với nhau mở một con kênh đào Suez mới nối liền Vịnh Ba-Tur với Địa-Trung-Hải như cuốn sách chiến-lược hòa-bình nổi danh «Ả-Châu và nền Hòa-bình Thế-giới» của Tiến-sĩ danh dự hàn-lâm-viện người VN, là ông Trần-Minh-Tiết, người đã được một Ủy-ban Quốc-gia VN Vận-động Giải Hòa-bình Nobel 1972, và ứng-cử-viên Tổng-thống Ba-Tây 1973, ông Freitas Nobre, đề cử tranh giải Nobel Hòa-bình trong hai năm 1972 và 1973, trong chương sách đề cập tới đề-nghị thành-lập một Liên-bang các Quốc-gia Tây-Nam-Á chung cho các quốc-gia Ả-Rập và Do-Thái, song song với việc thành lập một Liên-bang các quốc-gia ĐNÁ để đối-phó với chiến-lược gây-chiến tại các nước nhược-tiểu của các siêu-cường và

cũng là để đem lại một thể quân-bình thực sự cho Á-châu và cho thế-giới, nguyên-lý căn-bản để văn-hội hòa-bình một cách khoa-học.

Cái lý luận này có vẻ hợp lý hơn vì Mỹ khó-lòng mà đề cho Ai-Cập và Si-Ri chiến-thắng Do-Thái dù là một cuộc chiến-thắng ngăn ngui bởi vì Do-Thái là đồng-miêu của Mỹ; cũng bởi vì Gióc-đa-Ni không hề muốn sinh sự với Do-Thái; và bởi vì Ả-Rập Sa-u-Đi thì vẫn ủng-hộ Mỹ bấy lâu nay! Một con kênh đào mới đi xuyên qua ba quốc-gia đó chỉ là một việc thuận lý, vì cả ba quốc-gia đều chịu ảnh-hưởng của Mỹ, trực-tiếp hay gián-tiếp, do đó quyền của Mỹ đối với con kênh mới này sẽ là một sự dĩ-nhiên không ai chối cãi.

— 2) Về phía Ai-Cập, Tổng-Thống Sadate có-thể có 2 thái-độ không mấy rõ rệt song lại rất phù-hợp với nhau, nghĩa là: nếu ngộ ra không chiến-thắng được Do-Thái, và không khai-thông lại được kênh Suez cũ hoặc không đào được con kênh mới, thì, ít nhất, Ai-Cập cũng sẽ có được một hệ-thống dẫn dầu (oléoduc) Suez-Alexandrie, để duy-trì và bảo đảm sự tiếp-vận của mình về hydro-carbures.

Những sự-kIỆN trên đã khai sinh ra trận chiến tranh ngày 6-10-1973 giữa những quốc-gia Ả-Rập và Do-Thái. Mặc dù binh-sĩ và khí-giới nhiều hơn, nhưng quốc-gia Ả-Rập đã thua trận. Mặc dù, hòa tiền và phi-cơ của Nga sô viện-trợ cho Ai Cập và Si Ri rất tối-tân, và phi cơ Mỹ viện trợ cho Do-Thái không có hệ-thống khám phá

hữu-hiệu, song Do-Thái, hoạt-động một cách tối mật, đã sáng-tạo ra được một hệ-thống khám-phá (système de détection) rất hoàn-hảo tinh-vi để trang-bị cho các phi cơ họ nhận được của Mỹ, và họ đã hóa giải được mau chóng không-lực và hệ thống phòng không của đối-phương để lập tức, ngay sau đó, phản-công lại và, thêm một lần nữa, lại chiến thắng vẻ vang.

Đây là một sự bất-ngờ và cũng là một sự sai lầm đầu tiên của phe Nga - Ai-Cập - Si Ri, như mới chỉ là một sai lầm về mặt quân-sự mà thôi.

Một khi sự tiến quân của Ai-Cập Si-Ri bị chặn đứng lại rồi họ bị đánh đuổi trở lui, và Do-Thái bắt đầu thắng-thế, Nga-sô vẫn còn tiếp-tục khuyến-kích Ai-Cập và Si-Ri chiến-đấu, một cuộc chiến-đấu được mệnh-danh rất ngộ-nghĩnh là chiến-tranh tiêu-hao đối với một nước nhỏ-xiu là Do-Thái: ấy là giai-đoạn 2.

— II) Giai đoạn 2: giai đoạn chiến tranh tiêu hao, trong đó lợi khí của phe Ả-Rập là dầu hỏa và con bài bịp «Nga-sô trực-tiếp tham chiến».

Sau khi Ai-Cập và Si-Ri bắt đầu thua liềng-xiềng, những quốc-gia Ả-Rập và Nga-sô đã cùng với nhau và đồng-thời tung ra hai lá bài «tây» lớn của họ là: dầu hỏa và cầu hàng-không xô-viết để tiếp-vận súng-đạn cho Ai-Cập và Si-Ri. Brejnev gửi thông-diệp cho An-giê-ri và một vài quốc-gia Ả-Rập khác khuyến-cáo họ không nên thoái lui trong trận chiến này vì sự «tồn-vong» của thế-giới Ả-Rập.

Về cầu hàng-không để tiếp-vận cho Ai-Cập và Si-Ri, chỉ trong 3 ngày, cầu hàng-không Nga đã trút xuống Ai-Cập và Si-Ri trên 5 ngàn tấn dụng-cụ chiến-tranh, phi-cơ và hỏa tiễn. Nhưng, đồng-thời, Nixon cũng đã cho phép thiết-lập một cầu hàng-không Mỹ để tiếp-viện cho Do-Thái. Nixon đã công-khai, với một thái-độ khá «không-cần-đòi», bắt-chấp đối-lập trong nước, bắt-chấp cuộc khủng-hoảng Watergate, đã lập-tức tháo-khoán một số tiền khổng-lồ 2 tỉ Mỹ-kim để viện-trợ ngay cho Do-Thái. Trong 2 ngày đầu của cuộc «chiến-tranh tiêu-hao» của họ, Ai-Cập, Si-Ri mặc-dù được các nước nước Irak, Maroc, Soudan, v.v. hỗ-trợ, vẫn tiếp-tục bị đánh bại, và họ liền bắt-đầu thi-hành chính-sách chiến-tranh dầu hỏa của họ.

Một vài công-ty Mỹ và ngoại-quốc tại những quốc-gia Ả-Rập bị quốc-hữu-hóa. Ngay đến cả Quốc-gia Bahrein mà cũng đe Hoa-Kỳ sẽ không dành những ưu-đãi cũ đối với những đơn-vị hải-quân Mỹ qua lại xứ họ, mặc dù thỏa-ước tháng 12-1973 đã được ký kết giữa họ với Hoa-Kỳ. Nhưng xét về phương-diện kinh-tế và chính-trị của trận «chiến-tranh dầu hỏa» này để biện-luận cho thuyết «chiến-tranh tiêu hao» nói trên, (bây giờ chiến-tranh đã chấm dứt) chúng ta cũng có thể nhận-xét rằng, ở đây, thêm một lần nữa, cả Nga-sô lẫn phe Ả-Rập đều đã làm một bài toán sai. Việc sai lầm của họ quá sức tưởng-tượng, cho nên vì đã sai lầm mà vẫn

cứ dẫn-thân vào thì cái hậu-quả chiến-hại của họ cũng là một việc có thể đoán đề biết trước được.

Sai lầm về phương-diện kinh-tế

Nga-sô và Ai-Cập muốn lấy dầu hỏa để làm áp-lực đối với các cường-quốc Tây-phương và Hoa-Kỳ, và, từ đó, bắt-buộc họ làm áp-lực đối với Do-Thái một cách có lợi cho Ai-Cập và Si-Ri. Lấy dầu hỏa để làm áp-lực chỉ có thể thành-công với 2 điều kiện :

— 1) Một là sự lệ-thuộc về dầu hỏa của Hoa-Kỳ đối với Ả-Rập phải rất quan-trọng; và

— 2) Hai là những quốc-gia lệ-thuộc vào dầu Ả-Rập thật sự có trọng-lượng để làm áp-lực đối với Do-Thái.

Trong 2 điều-kiện này, Nga-sô, Ai-Cập và Si-Ri đã lầm đường :

— 1) Thứ-nhất, Mỹ chỉ mua của Trung-Đông có 50/0 tổng số tiêu-thụ quốc-gia của họ mà thôi. Phần lớn họ mua ở Caraibes và Nam-Mỹ Gia-nã-Đại. Ngày 17-10-1973, sở Công-khố Mỹ công-bố một thông-cáo cho biết hiện-giờ Mỹ rất có thể sẽ không cần mua dầu hỏa Trung-Đông trong một thời-gian rất lâu. Như vậy, làm áp-lực đối với Hoa-Kỳ bằng dầu hỏa thật là vô hiệu-quả và chỉ thiệt cho Trung - Đông mà thôi ; và

— 2) những quốc-gia Âu-Châu là những nước tiêu-thụ vào khoảng 70% tổng số tiêu-thụ quốc-gia của họ về dầu hỏa Trung-Đông, thì những quốc-gia này lại hoàn-toàn bất-lực để gây áp-lực

đối với Do-Thái. Người ta biết rằng những quốc-gia Âu-Châu như Pháp, Anh và Đức, về chính-sách đối-ngoại có vẻ thiên Ả-Rập vì cần dầu hỏa của Ả-Rập, cho nên đều bị Do-Thái chống đối, do đó, trông chờ ở họ để làm áp-lực đối với Do-Thái cũng là một sai lầm khác.

Hiện giờ chỉ có 2 quốc-gia trên thế giới có thể làm áp-lực đối với Do-Thái là Mỹ và Nga. Nhưng vì Nga đã giúp Ả-Rập, cho nên Do-Thái, được Mỹ viện-trợ tích cực, đã đồng dục tuyên bố rằng: « Chúng tôi đang lâm chiến chống lại Ả-Rập và Nga-xô », thì trên thực-tế chỉ còn lại có Hoa Kỳ là có thể khiến cho chiến-tranh nghiêng về một phía này hay một phía khác mà thôi. (Có một điều ngoài sức tưởng tượng là Do-Thái là một quốc gia nhỏ bé như thế, đánh giặc như thế, mà về dầu hỏa họ lại độc-lập được, không lệ thuộc vào ai, mà còn dư dưng là khác nữa, phần lớn nhờ dầu ở sa-mạc Sinai !..).

Một khi đã thua trận đánh « chớp nhoáng » như đã nói, và đã đưa ra mặt trận dầu-hỏa để cứu vãn tình thế, phe Ả-Rập liền ý-thức được ngay sự vụng-tính của mình. Nhưng họ vẫn tiếp tục chính sách chiến tranh dầu hỏa dưới một hình thức khác bằng cách tung ra tại thị-trường Âu Châu đồng tiền đô-la-dầu-hỏa (tức là đồng đô-la Ả-Rập), (pétrole-dollars, arabo-dollars), để mua những ngoại-tệ mạnh trên thế giới như đồng tiền Đức, Pháp, Nhật v.v... để làm hạ giá đồng Mỹ-kim xuống. Khốn thay, chuyện đó kéo dài không đầy một ngày, vì

tổng số-Mỹ kim mặt hiện do các quốc-gia Ả-Rập nắm được không quá 5 tỷ, không thấm tháp gì để gây nên một cuộc xáo trộn tiền-tệ. Họ bèn bắt buộc phải chấp-nhận ngưng chiến nghĩa là chấp nhận bại trận, sau khi đã chủ-trương chiến-tranh chớp-nhoáng rồi chiến-tranh... tiêu-hao. Họ phải thúc-thủ và chấp nhận sự hòa-giải của LHQ, còn do một nguyên nhân thứ ba nữa, ngoài hai lỗi lầm tây trời của họ về phương-diện quân sự và kinh-tế ; nguyên do thứ ba đó là một nguyên do — một lỗi lầm-chính trị.

*Sai lầm cuối cùng và sai lầm trọng đại nhất của phe Ả-Rập :
sự sai lầm chính trị*

Trong trận chiến-tranh mới giữa Ả-Rập và Do-Thái, về tất cả mọi mặt quân-sự, kinh-tế và tài-chính, sau khi đã phân-tích tình-hình như thế, bắt buộc chúng ta phải nhận rằng Nga-xô và Ai-Cập/Si-Ri đã nhẩy vào vòng chiến trong một tư thế yếu-kém trước Do-Thái, nghĩa là trước Hoa-Kỳ. Yếu kém về quân-sự và kinh-tế là chuyện dĩ-nhiên, nhưng sự yếu-kém đó còn hết sức rõ rệt về phương-diện chính-trị.

Chiến-tranh Trung-Đông hiện đã chấm dứt, và phe Ả-Rập đã, thêm một lần nữa, thất trận, chúng ta hãy xét về mặt chính-trị xem thử xem Nga-xô và những quốc-gia Ả-Rập đã hội được những yếu-tố gì để gây chiến, và đồng-thời, cũng xem thử xem Hoa-Kỳ và Do-Thái đã nắm vững được những yếu-tố trọng-yếu,

nào để chiến-thắng. Xét như vậy không ngoài mục-dịch tìm-hiếu, với hy-vọng soi sáng cho vấn đề VN, bởi vì trong trận chiến-tranh Ả-Rập Do-Thái này, chính-quyền CS Hà-nội đã gửi đại-diện quân-đội BV (18 xạ thủ hỏa-tiền Sam) qua tham-chiến tại Si-Ri, chứng tỏ rõ ràng rằng mặt trận Ả-Rập đã nối liền với mặt trận VN, và ngược lại, dưới quyền chỉ-đạo không-thề-chối-cãi của Nga-sô.

Về khía cạnh chính-trị, chiến-tranh Ả Rập Do-Thái xảy ra chỉ có thể đưa đến một trong hai giải-pháp sau đây : một là Ả-Rập thắng và Do-Thái thất-bại, và hai là Ả-Rập thất-bại và Do-Thái thắng. Nó không thể lưng-chừng, không có kẻ thắng người thua bất phân thắng phụ. Không thể có giải-pháp lưng chừng, vì bà Golda Meir đã công-bố cho biết rằng trận chiến thứ tư này giữa Ả-Rập và Do-Thái trong vòng ba tuần-lễ, đã làm cho Do-Thái phí-tồn 2 tỉ Mỹ kim về số dụng-cụ chiến-tranh bị tiêu hủy trong chiến-trận; bà Meir còn nói thêm rằng hiện nay, nếu muốn có một số dụng-cụ chiến-tranh tương đương như thế, thì sẽ phải chi-tiêu ít ra là 3 tỉ Mỹ-kim nữa...

Nếu Ả-Rập thắng thì chiến-tranh VN sẽ tái diễn mạnh-mẽ để gây khó khăn cho Mỹ tại Đông-Nam-Á; nếu không thế thì sự hiện-diện của 18 xạ-thủ hỏa-tiền BV tại Si-Ri là một điều thậm vô-lý.

Trong trường-hợp Ả-Rập thắng, thì tất cả những yếu-diểm chiến-quốc tại Ai-Cập và Trung-Đông, kinh

tế và quân-sự, đều sẽ lọt vào tay của Nga-sô hết. Tất cả dầu-hỏa của Trung Đông cũng sẽ lọt vào tay Nga-sô ; (Trung-Đông sản-xuất 35% tổng-số dầu sản-xuất trên thế-giới và 70% tổng-số dầu tiêu-thụ trong các quốc-gia Âu-Châu ; năm 1972, Trung-Đông đã sản-xuất được 900 triệu tấn dầu ; các quốc-gia Ả-Rập chính sản-xuất dầu là Ả-Rập Sa-u-Đi : 285 triệu tấn ; I-Răng : 254 triệu tấn ; Kô-uét : 183 triệu tấn ; I-Rắc : 67 triệu tấn ; A-bu Đa-bi (Abu Dhabi) : 50 triệu tấn ; ở Bắc-Phi : Li-Bi : 105 triệu tấn ; An-giê-Ri : 52 triệu tấn ; trong khi đó sự sản-xuất của các quốc-gia lâm-chiến lại kém : Ai-Cập : 11 triệu tấn ; Si-Ri : 5, 6 triệu tấn ; và Do-Thái 50.000 tấn thôi !). Một khi đã kiểm-soát được dầu hỏa Trung-Đông, Nga-sô sẽ chế-ngự được tất cả các quốc-gia Âu-Châu không trừ một nước nào : Anh Pháp, Bỉ, Đức v.v., và lúc đó, cuộc diện thế-giới sẽ diễn-biến ra như sau : Hoa-kỳ càng ngày càng yếu, và Nga-sô được tăng-cường thêm cả Trung-Đông lẫn Âu-Châu chư-hầu, và sự thân thiện bắt buộc của Ấn-Độ tại Á-Châu đối-diện với Trung-Cộng, và tất cả Đông-Nam-Á châu sẽ dần dần tan-rã

Nga-sô sẽ càng ngày càng mạnh, sẽ trở thành vô-địch và sẽ bao vây thật chặt chẽ Trung-Cộng.

Cơ-sự sẽ như thế, thử hỏi làm

sao mà Hoa-kỳ có thể chấp-nhận được một cuộc chiến-thắng của Nga-sô qua trung-gian của một chiến-thắng Ả-Rập? Và cũng thử hỏi Trung Cộng có sẽ khoanh tay chứng-kiến bất lực cảnh phong-tỏa của Nga-sô đề rồi lại rơi vào nanh vuốt của Nga-sô? Nhất-định là không. Hoa-kỳ phải phản-ứng, và phản ứng kịch-liệt (động-viên toàn-thề quân-lực Hoa-kỳ khắp trên thế-giới), và phải triệt-đề tích-cực giúp cho Do-Thái chiến thắng để tránh sự chiến thắng của Nga-sô. Và cùng ra, nếu một mình Hoa-kỳ không giúp nổi Do-Thái chiến-thắng thì, dù muốn dù không, Trung-Cộng cũng sẽ nhảy vào trợ-chiến Do-Thái nghĩa là đóng vai đồng-minh của Hoa-kỳ, để chiến thắng Ả-Rập, và qua Ả-Rập, chiến-thắng ngay chính Nga-sô, để tránh hiểm-họa bị Nga-sô bao vây và chư-hầu-hóa (một hình-thức mới của nô-lệ.)

Bàn cờ chính-trị trước ngày Si-Ri và Ai-Cập khởi-sự tấn-công vào Do-Thái đã rõ ràng như thế, thì chúng ta quả-quyết rằng cả Nga-sô lẫn Ả-Rập đã lâm-chiến với sự cầm bằng thua trận 100%. Nếu Ai-Cập và Si-Ri vì tầm mắt hẹp hòi không nhìn thấy tình-hình như thế thì, ít nhất, là Nga-sô đã phải thấy rồi. Cho nên chúng ta phải kết luận rằng Nga-sô đã đặt đề vào sự thiên càn của những nhà lãnh-đạo Ai-Cập và Ả-Rập, thúc đẩy họ vào chiến-tranh để nắm lại các quốc gia Ả-Rập trong tầm tay của họ, vì những quốc gia này đã bắt đầu xồng thoát ra khỏi ảnh-hưởng của họ, Lẽ vì, nếu thắng-

thì họ phải lệ-thuộc thêm vào Nga-sô đã đánh, mà bại thì họ lại càng phải lệ-thuộc thêm đề cho có súng đạn mà tự-vệ và rửa hận với Do-Thái một ngày nào đó trong tương-lai. Cái dụng tâm chính-trị của Nga-sô thuận lý ra chỉ có thể mà thôi, bởi vì, một khi đã bị loại khỏi vùng Đông-Nam-Á như hiện giờ, lẽ nào họ lại không mưu toan vùng vẫy gây thế-lực trở-lại? Nhất là trong một lúc mà tình hình tại Tây-Nam-Á (Trung-Đông) lại hoàn toàn thuận-lợi cho họ thao-túng như chúng ta đã thấy?...

Bây giờ luận sang tình-hình Đông Nam-Á và VN, sau khi Nga-sô đã chính-thức bị thất trận và mất mặt tại Tây-Nam-Á rồi, dù cho họ có lấy lại được chân đứng ở đấy, thì đối với thế-giới và đặc biệt, đối với Đông-Nam-Á, uy tín của Nga-sô không còn bao nhiêu nữa. Dân chúng trong vùng Đông-Nam-Á sẽ không còn thấy hấp dẫn một sự liên kết trực-tiếp với CS, nghĩa là với Nga-sô, để tránh cho mình một sự lăm lẫn về chiến lược như Ai-Cập, Si-Ri và các nước Ả-Rập khác đã lăm lẫn trong trận chiến Trung-Đông vừa qua. Chính-quyền Nam VN hiện đương nằm trong cái thế chính trị mạnh đó, cần phải biết triệt đề khai thác đề tiêu hủy lực lượng CS tại VN và ĐNÁ, mới mong có hòa-bình tại VN và tại ĐNÁ được.

Trong trường hợp thứ hai là Do Thái thắng, như trên thực tế đã hiển nhiên, cuộc diện thế giới ngày nay cho phép chúng ta nhận định một cách rõ ràng như thế này :

Xét về phương diện luân lý và chính trị, ngay trước khi xảy ra cuộc chiến tranh Á-Rập Do-Thái lần thứ tư này, các quân bài chính-trị giữa hai bên tham-chiến đã được phân-phát một cách rõ-ràng: một bên thì là các quốc-gia Á-Rập và Nga-sô, chỉ có những khí-giới quân-sự và dầu-hỏa không mấy hữu-hiệu, và không có được những hậu-thuần chính trị có trọng-lượng, bởi vì, các quốc-gia Âu-Châu, đồng-minh khả-dĩ của họ chỉ đáng xếp hạng vào hạng lông (poids plumes) đối với Do-Thái và Hoa-kỳ; và một bên, là Do-Thái và Hoa-kỳ, tuy ít khí-giới hơn song lại tận dụng được hữu-hiệu hơn; Do-Thái lại có 2 hậu-thuần rất đáng kể vì có tính-cách quyết định là Hoa-kỳ và Trung-Cộng. Mỹ thì đã rõ-ràng, còn sự hỗ-trợ của Trung-Cộng thì tự-nhiên đã có sẵn từ ngày vụ tranh-chấp giữa Nga và Tàu đã trở nên công-khai nhân vụ Tây-bá-lợi-Á, mà gần đây Trung-Cộng đã làm cho gay cấn thêm bằng cách thừa-nhận chính-quyền quân-nhân ở Chí-Lợi, nghịch hẳn lại với đường lối chính-thức của Nga-sô và các quốc-gia CS khác. Trong suốt thời-gian của cuộc chiến thứ tư giữa Á-Rập và Do-Thái vừa qua, Trung-Cộng chỉ ủng-hộ phe Á-Rập bằng miệng mà thôi, tuyệt-nhiên không giúp-đỡ gì một cách cụ thể khiến cho Nga-sô đã phải lên tiếng tố cáo là Trung-Cộng về hùa với Do-Thái và Hoa-kỳ chống lại chính phe "Xã-hội chủ-nghĩa"!

Như vậy, chúng ta nhận-thấy rằng, ngay ở một vùng xa xôi như Trung-

Đông mà sự đối-ngịch của Nga, Tàu đã quyết liệt và đã dứt khoát như thế, thì sự đối-ngịch giữa họ với nhau ở một vùng kề cận Trung-Hoa như vùng Đông-Nam-Á, trực-tiếp liên-quan đến quyền-lợi gần gụi của Tàu, thì sự đối-ngịch đó sẽ phải quyết-liệt đến đâu.

Nay lại bàn qua về ảnh-hưởng đối với tình-hình Nam-VN. Thái-độ của Trung-Cộng đã như thế trong trận chiến Á-Rập Do-Thái vừa qua, có lợi gì cho Nam-VN hay không, dù ít dù nhiều? Ta có thể nói được rằng, cho đến hồi kết-thúc cuộc chiến thứ tư Á-Rập Do-Thái, thái-độ của Trung-Cộng đã trì-hoãn được một cuộc tấn-công quy-mô mới của CSBV mà chúng đương ngấm-ngâm chuẩn-bị một cách ráo-riết nhưng chưa dám thực-hiện, và từ khi cuộc chiến-tranh đó kết-thúc, thái-độ của Trung-Cộng làm tê-liệt (tạm-thời) BV và có lợi cho Nam-VN: *Nga-sô và Bắc-Việt đã đứng trước một ần-số*, không thể biết trước được thái-độ của Trung-Cộng sẽ ra sao trong trường-hợp Nga-sô và BV phát-động chiến-tranh quy mô nhằm thôn tính Nam V.N., rút kinh nghiệm từ chiến tranh Trung-Đông vừa rồi, trong đó, xin nhắc lại, Trung-Cộng chỉ ủng-hộ bằng miệng và liền bị Nga-sô kết tội là toa-rập với Mỹ và Do-Thái. Cái ần-số về phía Trung-Cộng trong một trận chiến mới ở VN là nếu Bắc Việt tấn-công vào Nam-VN mà bị Nam-VN đẩy lui thì liệu Trung-Cộng có giúp cho BV và Nga-sô hay không; hoặc nếu Bắc Việt tấn công Nam-VN,

ngay cả trong trường-hợp Nam-VN không phản-công vào lãnh-thờ BV, thì liệu Trung-Cộng có làm khó dễ cho cả Nga lẫn Bắc Việt hay không, đề gây ra một cuộc thất trận như Trung-Cộng đã gián-tiếp gây ra cuộc thất trận của các quốc-gia Ả-Rập và Nga-sô vừa rồi ?

Tất cả những sự đứng ngoài của Trung-Cộng về những giải-pháp của Hội-đồng Bảo-an LHQ, từ sự quyết định ngưng chiến thứ-nhất cho đến những quyết-định bỏ khuyết gần đây đều chứng tỏ rằng Trung-Cộng đã ngấm-ngấm đề cho mọi người hiểu là trong bất-cứ mọi vấn-đề gì về sau, kể cả vấn-đề VN, Trung-Cộng rất có thể ngả theo Hoa-kỳ và chống lại quyết-định của Nga-sô (và từ chỗ đó, chống lại và bỏ rơi BV).

Sự-kiện Trung-Cộng đã nhìn nhận chính-quyền quân-nhân đảo chính ở Chí-Lợi, chống lại chính-phủ Cộng-sản của Tổng-thống Allende là một sự-kiện lịch-sử đầy ý-nghĩa cần được suy-ngẫm và làm yên-tâm Nam-VN. Mong rằng chính-quyền Nam-VN lãnh-hội được tất cả ý-nghĩa của những diễn-tiến quốc-tế này để hành động cho có lợi cho quốc-gia và cho có hiệu-lực...

Sau cuộc thất-trận của phe Ả-Rập, uy-tín của Nga-sô đã bị hạ xuống rất nhiều, làm lung lay tận cội-rễ sự tin-tưởng mù-quáng của những quốc gia kém mở mang vào phe Cộng sản Quốc-tế, Nga-sô hay Trung-Cộng. Do đó cả Trung-Cộng lẫn Ấn-Độ cùng tất-cả các quốc-gia Đông-Nam

Ả sẽ không mấy kỳ-vọng vào chủ-nghĩa Cộng-sản nữa.

— III Giai-đoạn 3 : giai-đoạn ngưng-bắn một cách hết sức bất-lợi cho Ai-Cập Si-Ri và cũng bất-lợi cho chiến-thắng của Do-Thái :

Câu hỏi được đặt ra là tại sao Ả-Rập phải chấp nhận ngưng bắn và tại sao Hoa-kỳ đã làm áp lực bắt buộc Do-Thái cũng phải chấp nhận ngưng bắn ? Câu trả lời nằm trong một câu nói của Brejnev trong khi điện đàm (điện-thoại đỏ) với Nixon : « Chúng ta mỗi bên phải góp phần vào. Hoa kỳ không thể làm nhục Nga-sô trên bình diện quốc tế một cách quá rõ rệt bằng cách đề cho Do Thái tiêu diệt hẳn Ai Cập và Si Ri. Hoa kỳ phải làm cho cuộc chiến chấm dứt, về phần Nga-sô thì sẽ cam đoan ngưng tái vũ trang các quốc gia Ả-Rập ».

Sau khi Do-Thái và Ai-Cập Si-Ri đã bắt buộc phải cùng chấp nhận ngưng bắn dưới áp lực của Hoa kỳ và Nga-sô, Nga-sô đã gỡ thế diện, muốn đưa quân sang Trung Đông để đứng giữa hai phe tham chiến cũng đã liền bị Nixon phản ứng quyết liệt : ông ta đã ra lệnh đặt toàn thế quân đội Mỹ trên thế giới vào tình trạng báo động. Rút cuộc, Nga-sô đã phải co lại không dám đưa quân sang Trung Đông nữa.

4.

KẾT LUẬN

Từ những sự kiện ghi lại ở trên, bàng quan mà xét ta phải nhìn nhận rằng : a) *Đứng về đại cuộc thế giới :*

— Nga-sô và Ả-Rập đã đặt vấn đề sai ngay từ đầu cho nên đã thua trận.

— Hiện giờ Nga-sô đang nằm trong một thế yếu trên toàn diện lãnh thổ Á-Châu và thế giới :

— Hoa kỳ đang nằm trong thế mạnh.

— Còn Trung Cộng thì đang rình rập đề nhập vào thế mạnh, nghĩa là về hòa với Mỹ.

b) — *Đứng về tiểu-cuộc Nam VN :*

— Cuộc Tổng phản-công mà Bắc

Việt đang âm mưu đối với Nam VN hiện nay chưa thật sự bắt đầu, song nhất quyết nó sẽ xảy ra nay mai, vì đây là chính sách cố hữu của Bắc Việt. Cho nên đề phòng ngừa Nam VN cần phải biết chủ động đề thuận buồm xuôi gió giải quyết vấn đề CSVN, không thể thụ động chịu trận như trước.

Chủ động như thế nào, chúng tôi đã nhiều lần lên tiếng đề nghị ; phần quyết định là do nơi chính quyền của Tổng-thống Nam VN.

HOÀNG-VĂN-ĐỨC



Ngày Xuân tới

hãy tìm cho được cuốn sách đem lại vui thích và xúc động cho tất cả mọi người trong gia đình :

**TÊN TÀI XẾ
SUZUKI
LÝ TƯỞNG**

Của MINH QUÂN

MINH ĐĂNG xuất bản

Những giọt lệ không là Giọt lệ Thu của nữ sĩ Tương-Phổ

(Bài nói chuyện của tác giả trong cuộc Hội-thoại tại Trung tâm Văn Bút Việt Nam Saigon, sáng Chủ nhật 16-12-73, tưởng niệm Nữ-sĩ Tương-Phổ)

Nói đến *Tương Phổ* là nói đến *Giọt Lệ Thu*. Vì « *Giọt lệ Thu* » với *Tương Phổ* đã gắn liền làm một rồi ! Nhắc đến *Tương Phổ* là nhắc đến *Giọt lệ Thu* — Mà nói đến *Giọt lệ Thu* tự nhiên ai cũng nghĩ đến *Tương Phổ*.

Hôm nay tôi xin đề cập đến « *Những Giọt lệ không là Giọt lệ Thu Của Nữ sĩ Tương Phổ* », của một người chị trên Văn đàn, mà cũng là một người chị tinh thần của *Mộng Tuyết* nữa.

Đọc *Giọt lệ Thu* từ trong *Nam Phong* Tạp chí số 131 đề tháng 7 năm 1928 Thuở đó với bọn học trò bọn gái chúng tôi ai mà chẳng thuộc : « Anh ơi ! Thu về như gọi mỗi thương tâm, cứ mỗi độ thu sang em lại vô lòng than khóc... »

Nếu không cùng với *Giọt lệ Thu* là *chã* thì cũng sủi sụt với *Mưa gió sông Tương*, ít ai nhớ đến một khía cạnh khác của vị Nữ sĩ cao niên khả kính này.

Sau khi đăng *Giọt lệ Thu* mấy tháng thì Tạp chí *Nam Phong* số 133 đề tháng 9 năm 1928 thấy xuất hiện một bài văn xuôi dài với Nhan đề : « *Một giấc mộng* » rồi đến số 135 đề tháng 11 và 12 cũng năm 1928 có

một bài : « *Mỗi thương tâm của người bạn gái* ».

Bảng đi nửa năm đến số 139 đề tháng 6 năm 1929 lại có bài : « *Bức thư rơi* ».

Những bài trên đều là tác phẩm của nữ sĩ *Tương Phổ*, đều là ba dòng nước mắt mới lã trong dòng sông *Tương*.

Nói là văn thì không đúng, phải gọi là *Thơ Tản văn* thì đúng hơn. Tưởng ai cũng công nhận là giọng văn *Tương Phổ* lúc nào cũng được một nhịp thơ. Và nếu ai là người từng giao thiệp với *Phu nhân* bằng thư giấy thì những bức thư viết nhất thời, thi vị văn bằng bạc phảng phất trong những lời thăm hỏi chuyện thường tình gió mưa.

Thoạt đầu khi được đọc bài *Một giấc mộng* : Lồng trong một bức thư gởi cho bạn gái kể lại một giấc chiêm bao của người nằm bệnh lâu ngày, có những ưu tư suy nghĩ triền miên về *Văn minh vật chất* và *Tinh thần Đông phương*. Giấc mơ kể chuyện gặp một tiểu thơ khuê các, học rộng biết nhiều, nhưng không theo thể sự thường tình mà lại lui về miền thôn dã, dựng mái nhà tranh

trong cánh rừng dâu xanh ngắt để mà học nghề tầm tang canh củi với mọi Sư mẫu là một vị lão phu nhân chuyên dạy công dung ngôn hạnh, đào tạo những bậc dâu thảo vợ hiền, cho thế hệ.

Gặp Giấc mộng lý thú, lại đứng với nếp mơ của tuổi trẻ lúc bấy giờ, chúng tôi đã bỏ quên Giọt lệ thu, mà cùng với Tương Phổ phu nhân chung mộng mới.

Tác phẩm *Mỗi thương tâm của người bạn gái* cùng với bài *Bức thư rơi* đều là những "tư tưởng về Đời" những cảm khái về nhân tâm thế đạo. Đọc những câu :

"Than ôi ! Nín đi không đành dạ, nói ra những ngại lời..."

"Cứ như ý ngu si của bạn gái này, tưởng không gì bằng ta nuôi một tấm lòng "yêu nước" đã. Dân có nước mà không yêu nước, khác gì con có mẹ mà không nhìn mẹ, dân không yêu nước ấy có hay gì ? Chim quạ nó mĩa mai, con ong con kiến nó cũng chê cười, còn kẻ là hạng người có gan có ruột thế nào được ?"

"Thật thế đấy không có nước non xứ sở, thời ta đâu có thân ở đời, cũng lênh đênh trôi nổi; đi, biết là đi đâu ? về, biết là về đâu ? Vui cùng ai ? Ở với ai ? Sống làm gì ? Trời cao thăm thăm, bề rộng bao la, lòng ta man mác biết là gởi đâu ? Dẫu không chìm đắm trong khoảng không gian thì cũng đến tan theo gió bụi, nát cùng cỏ cây. Nào ai biết ta mất, nào ai hay ta còn. Nghĩ đến

thế mà buồn (...)"

..."Thiệt tưởng nước nhà đương buổi bây giờ lại phải cần đến tấm lòng yêu nước của tất cả hạng người trong xã hội... Miến là trong xã hội Việt Nam ta, ai ở địa vị nào cứ nên hết lòng với phận sự mình là đủ. Đàn bà hết bụng thờ chồng, nuôi con, làm thế nào cho trọn cái phận sự mình là người nội trợ. Đàn ông lo liệu thế nào cho hết cái trách vụ làm trai ở đời..."

..."Dẫu sao nói đến chuyện nước non không khỏi buồn rầu..."

"Bạn em ơi ! Lòng này khát bạn, bấy lâu nay, muốn dậm tìm nhau tìm chẳng gặp. Cõi mộng mơ màng biết có không ?"

Trích "Bức Thư rơi"
N.P. số 139 trang 328-329

"— Hỡi ta khóc vì đời ? Hay đau vì mình ư ? Ta cũng không biết được rằng vì đâu mà ta khóc. Nhưng có một điều ta biết hơn cả là : là hầu như bao nhiêu tình sâu cảnh thảm, nỗi buồn nỗi khổ ở thế gian này, dồn lại là một mối thương tâm của ta cả !"

..."Than ôi ! Biết bao những điều trông thấy mà đau đớn lòng !... Kia ! cái thảm trạng những cuộc chiến tranh lưu huyết, máu chảy thành sông thây chồng thành núi kia, cũng là suối lệ bên lòng ta đó ! Họ vác gươm vác giáo, cưỡi tàu bay, tàu lặn ngầm, xe súng tải đạn ra chỗ chiến trường ; họ đâm họ chém, họ bắn giết lẫn nhau. Quân thù chết cả. Nỗi khúc khái hoàn ca, họ trở về hơn hớn,

thành công. Tiếc yển khao quân muôn phần hủ dạ. Mà lòng riêng ta đau đớn xót xa như vò. Mũi tên hòn đạn nào có tiếp đến thân ta. Vậy có can gì mà ta đau đớn? Những kẻ thương tích đầy mình, vết gươm dẫu đạn, nằm chết phơi thây ở chốn sa trường kia; há có phải người yêu, anh em thân thích họ hàng gì ta. Họ người nước nào ta cũng không biết. Hoặc người Xiêm, người Nhật, người Tàu, người Anh, người Đức, người Pháp, người Ấn độ, Hòa lan hay đâu đâu nữa, cũng đến đánh nhau rồi chết ở đây. Song cũng không dây dượng gì đến ta. Thế thì việc gì mà ta phải xót phải thương?"

«Vậy thời ta đau đớn xót xa về có gì?»

«Ôi! Ta chỉ giận cái bụng tàn nhẫn của giống người mà lòng riêng ta phải đau đớn xót xa đó thôi...»

«Suy rộng ra, thì năm châu cũng là một gia đình lớn, thế giới là một nước chung, nhân loại là anh em, chị em họ hàng thân thích, người một nước cả. Sao không đem cái bụng yêu lo một dân, một nước nhỏ hẹp kia, mà yêu cả nhân loại, lo cả thế giới thì có phải năm châu chung được vẻ vang; mà giống người cũng được chung vui sung sướng cả không? Thuận vợ thuận chồng tát biển đông kia còn phải cạn, nữa chi là cả nhân loại hòa thuận cùng nhau, lo gì không gây được mối đại hạnh phúc cho loài người...»

«Ôi thôi!

Giấc mộng phù sinh ma quái cả!

Trăm năm tâm sự nát can tràng!

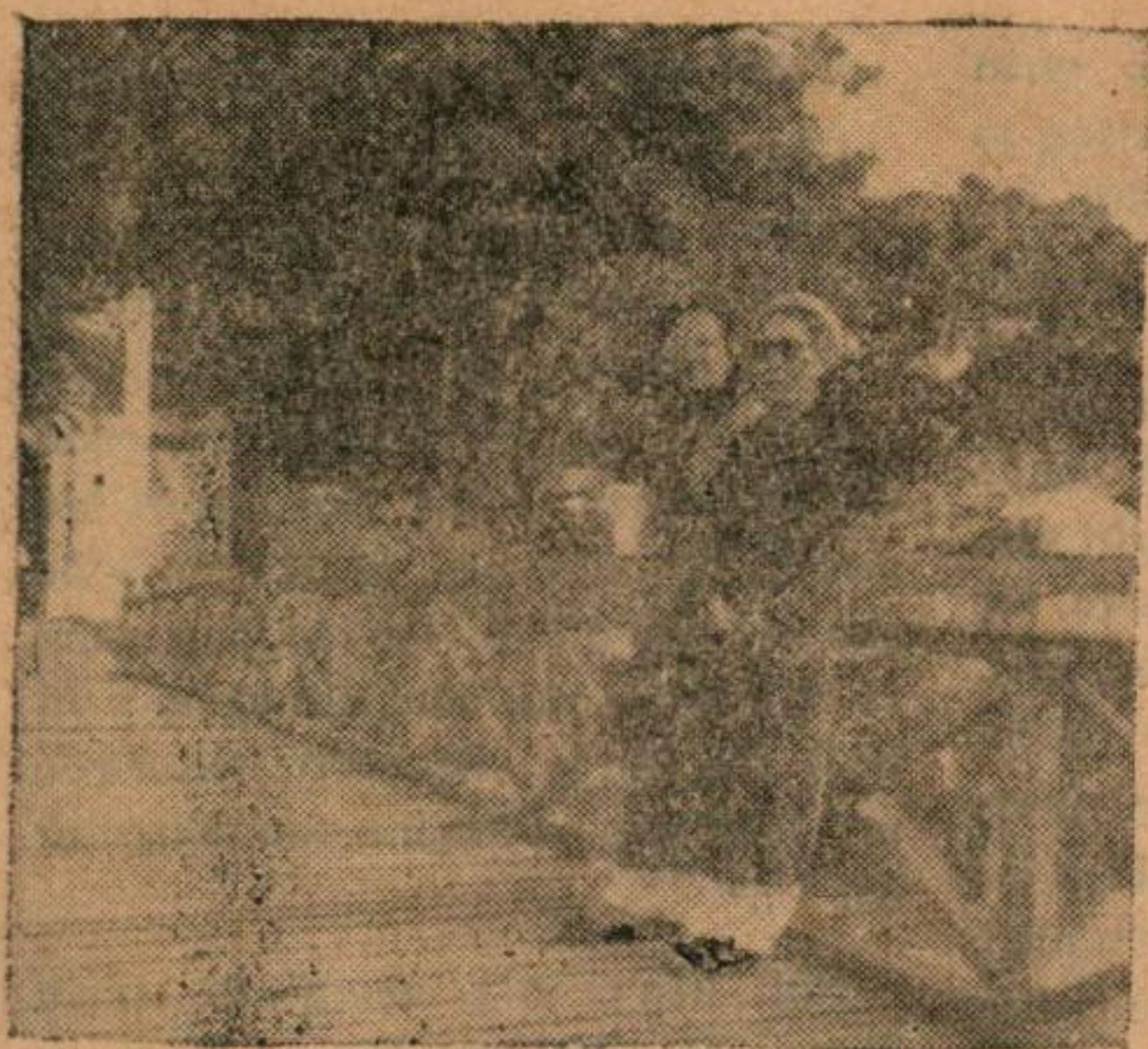
«Đã thế thời than làm chi? khóc nữa làm chi! Ta chẳng may người khách qua chơi thời loạn, lệ tang thương lai láng có hơn gì? Ôi! Trời còn lâu đất còn dài, bề dâu, dâu bề, cuộc đời còn thay. Riêng đời người kia nước chảy mây bay, lệ đâu mà khóc cho cay nỗi đời? Nên chi lòng riêng ta có ngậm ngùi, cũng chỉ ngậm ngùi; khối sầu muôn kiếp không tan được mà đành góp với nghìn thu tiếng thở dài!...»

Rồi bằng một giọng bi phẫn Tương Phố kết luận:

«...Ta thà chịu ngậm đắng nuốt cay, nghèo hèn suốt đời, khổ sở cho đến lúc chết chớ quyết không đời nào chịu giết lương tâm đi, mà làm những việc xấu xa tàn nhẫn để cầu lấy vinh hoa phú quý một đời đâu. Ta tuy nhiều lệ, chỉ khóc mướn thương vay thật. Nhưng còn hơn những kẻ suốt đời không có một tiếng thở dài, chỉ cười trăn một mạch từ lúc ra đời cho đến lúc ném mình vào xăng...»

(Nam Phong số 135)

Qua những đoạn văn trích dẫn. Bạn trẻ ngày nay có người chỉ biết Tương Phố qua «Giọt lệ thu», qua «Mưa gió sông Tương» khóc nhớ người bạn trăm năm tử biệt, có biết đâu Tương Phố nữ sĩ, vị Phu nhân khuê các lão thành tài hoa kia hãy còn có những giọt lệ khóc cho nước non, cho thời thế, cho nhân tâm, cho đạo lý... Trên đây là những mối thương tâm viết ra cách đây đã hơn nửa thế kỷ rồi! Thuở đó, chiến



Nữ sĩ Trương Phổ và Mộng Tuyết bên cầu Thê-Húc, mùa Thu 1952.

tranh còn ở tận đâu đâu mà đã làm cho Nữ sĩ đa cảm đa sầu đồ bao nhiêu là nước mắt rồi. Thử hỏi ngày nay chiến tranh đã tràn lan trên đất nước nhà, tàn phá giết chóc ở ngay trong lòng đất Mẹ, trong quê hương mình thì mỗi thương tâm của Trương Phổ còn dạt dào đến đâu!

Biết Trương Phổ từ dạo đó, mà mãi cho đến năm 1953, có dịp ra thăm cố đô Thăng long, tôi mới có dịp được diện kiến người Nữ sĩ đã có giọng văn làm cho tôi say mê suốt thời kỳ tuổi trẻ.

Một buổi chiều thu mưa gió, vì bão rớt, anh chị Vũ Minh Thiều đưa tôi đến một ngôi biệt thự ở bờ hồ Thiền Công. Thoạt vào tôi tưởng vị phu nhân phong nhã đang ngồi êm ả trong ngôi nhà kín cổng cao tường kia. Nhưng vào đến hỏi thăm thì được người ta chỉ cho một lối thẳng lên căn gác xép. Nữ sĩ Trương

Phổ hiện ra bên cầu thang với chiếc khăn trắng vấn đầu, đón khách vào một căn phòng nhỏ hẹp của phần sau tòa nhà.

Căn phòng, nếu tôi nhớ không lầm thì không quá hai thước bề ngang và bốn thước bề dài. Trước Nữ sĩ vẫn cùng với gia đình ở trong ngôi nhà đó. Nhưng khi tản cư về thì chủ nhà đã tự tiện dọn đồ đạc của người thuê nhà vắng mặt ném cả vào căn gác xép kia!

Gian phòng tuy nhỏ hẹp nhưng bày biện rất trang nhã. Trên tường một bức họa của một họa sĩ Trung Hoa Tường Thừa-Tán đã vẽ tặng nữ sĩ trong một cuộc triển lãm tại Hà nội trước đó. Bên kia là một phiến ngà khắc một bài thơ gắn trên một phiến gỗ quý, của nhà điêu khắc nổi danh từ trước đến nay vẫn chưa có người thứ hai, đó là Điêu-khảo

kiêm thư-họa-gia Đới Ngoạn Quân tặng.

Sau khi chào mừng niềm nở khách phương Nam rồi, khi biết Ông Vũ Minh Thiệu là em của Ông Vũ Ngọc Phan, tác giả bộ sách Nhà Văn Hiện Đại, Bà Trương Phổ liền quay sang phân nản :

— Ông Vũ Ngọc Phan xin ảnh Trương Phổ để in vào tập Nhà Văn Hiện Đại. Tôi gửi tấm ảnh có hai chị em Trương Phổ và Song Khê. Chị em tôi lâu nay chưa từng xa lìa nhau, thế mà Ông Vũ Ngọc Phan lại chia rẽ chị em chúng tôi !

Lời trách thì nhẹ nhàng nửa đùa nửa thật, nhìn nét mặt thấy nghiêm nghị, tôi biết chắc là Bà giận lắm. Ông Vũ Minh Thiệu có cho biết thêm là khi đó nữ sĩ Trương Phổ đã có 2 câu thơ gửi cho tác giả « Nhà Văn Hiện-Đại » :

«Chàng Phan chia rẽ đôi ta

«Chị vào Văn sử em ra cõi ngoài»

Tôi nhớ đến bức ảnh «Hai chị em» mà trong quyển Phê bình và Cáo luận của nhà Phê bình Thiệu Sơn trước đó đã có in. Bức ảnh điện hình hai chị em thực đẹp và thực khăng khít. Nhìn bức ảnh cũng đủ thấy tình cốt nhục giữa đôi chị em gái thực là êm đềm. Thế mà bức ảnh Trương Phổ trong bộ Nhà Văn Hiện Đại thì bị cắt đi, còn lại một nữ sĩ Trương Phổ và một nét dư của người bên cạnh.

Tôi nghĩ thầm nếu Ông Vũ Ngọc Phan không muốn in cả hai người

thì xin Trương Phổ đòi cho bức ảnh khác, chứ sao lại tự tiện cắt đi như vậy. Vị Nữ sĩ cao niên này phân nản cũng có lý một phần nào. Huống Song Khê nữ sĩ vốn chẳng xa lạ với làng thơ lúc bấy giờ, vì chính là người gởi rau sắng chùa Hương biếu Tản Đà, khi nghe thi sĩ than một câu : « Muốn ăn rau sắng chùa Hương ! »

Và người tặng rau sắng vẫn được Tản Đà nhắc đến luôn đó sao ! thì người em đó vẫn có quyền góp mặt với người chị trong lãnh vực văn học lắm chứ !

Kể chuyện trên để chứng tỏ rằng Chị Trương Phổ rất nặng tình thương em út, chẳng riêng với chị Song Khê, mà với tất cả các người em khác, chị đều yêu thương săn sóc chu đáo.

Riêng bản thân Mộng Tuyết, đối với chị là đứa em tinh thần mới biết mặt, thế mà chị đã đem tình thân thuộc đãi nhau. Những hôm chơi Hà nội, mà về sau chị đã chăm lo săn sóc như người chị ruột không bằng.

Vui mừng sung sướng được có một người chị để cho mình gởi gắm tâm sự, bầu bạn tinh thần, Mộng Tuyết đã nép mình như một đứa em nhỏ bé dưới lượng bao dung an ủi của một người chị hiền.

oOo

Đi vắng Sài Gòn nửa tháng vừa về đến nghe được hai hung tin. Chị Trương Phổ qua đời và một người con trai của nhà văn Bình Nguyên Lộc cũng vừa mới đột ngột từ trần.

Hai ra đi, một già một trẻ đến với

tôi đều sửng sốt như nhau.

Tôi lật đật chạy qua nhà anh Bình Nguyên Lộc để chia buồn, rồi qua nhà chị Song Khê thăm hỏi.

Chị Song Khê vừa bước sang nhà một người con gái ở gần đó, đứng ngoài cổng nhìn vào, tôi thấy trước nhất mái tóc bạc phơ của anh Nguyễn Công Kiêm. Kề lẽ một lúc thì chị Song Khê về. Nhìn chị với vành khăn trắng trên mái tóc điểm sương mà cùng ngùi ngậm, không nói được nên lời.

Đêm đó tôi soạn thư giấy của chị Trương Phổ ra đọc lại, lời lời thân mến ý ý hữu tình, cái hương thơ trong thư giản hỷ còn nguyên vẹn. Tình chị em còn thấm thiết triền miên... lưu luyến. Tôi không nhận thức được nổi cách chia u hiên giữa hai tâm hồn tôi và chị.

Thưa quý vị,

Nói về chị Trương Phổ thì ngày giờ cả buổi hôm nay e cũng chưa đủ để cho mà kể. Nhưng còn bao nhiêu người đều có cảm tình cần biểu lộ và nhắc nhở đến sự nghiệp Văn cũng như Thơ của chị. Được ban tổ chức dành cho mấy phút tưởng đã quá vinh hạnh rồi. Chỉ e không cầm được lòng xúc động tự làm hoen lệ diễn đàn trong buổi tưởng niệm thiêng liêng này mà thôi !

Tôi đã có ý định viết một loạt bài về các vị đã từng là bạn bè quen biết, có thư giấy giao thiệp, có kỷ niệm sâu đậm với anh Đông Hồ, ví dụ Đông Hồ với Nguyễn Hiến Lê,

Đông Hồ với Quách Tấn với Vũ Hoàng Chương với Trương Phổ v.v.

Tôi đã bắt đầu một cách tình cờ với bài Đông Hồ với Nguyễn Hiến Lê, được Nguyễn tiên sinh khuyến khích. Tôi định sẽ viết về vị nào cao niên nhất, với Chị Trương Phổ chẳng hạn, để chị còn đọc được những gì người khác nói về mình.

Nhưng vì lần lữa, biếng cầm bút, ngồi lại bàn viết mà nay đành ân hận. Viết bao nhiêu nữa chị có còn đọc đâu ! Chị ơi !...

Đã quá xa đầu bài, và để nhường lời cho vị kế tiếp, chúng tôi xin kết thúc bằng hai bài thơ Đường luật, một của Phan Sào Nam tặng Nữ sĩ Trương Phổ và một bài của Trương Phổ họa lại. Hai bài thơ này đã xướng họa từ năm 1933, khi chị vào Huế ; mà hình như chưa công bố, nên chỉ có một số bằng hữu được nghe mà thôi.

Trong bài họa của Trương Phổ có câu :

« Dạ hồn quên nghỉ cùng năm tháng
« Máu nóng còn sôi với núi sông
« Giọt lệ năm canh ngậm khóc nước »

Tôi xin quý vị đề ý câu « Giọt lệ năm canh ngậm khóc nước », đã đành là thơ họa là nói về tâm sự của cụ Sào Nam, mà cũng là tự bộc lộ tâm sự của tác giả nữa.

Nhắc đến Giọt lệ này đề cùng với những giọt lệ trong những áng văn đã nhắc trên kia, chúng tôi tỏ rằng ngoài Giọt lệ Thu, Trương Phổ nữ sĩ hẳn còn nhiều giọt lệ đáng cho chúng ta ngưỡng mộ.

MỘNG TUYẾT thất tiểu muội

**Cụ Phan Bội Châu
tặng Nữ sĩ Tương Phố**

Cái nợ eầm thì mới trả xong
Khi vui bút mực cũng mây rồng
Tưởng là rồi kiếp cùng trời đất
Đâu nghĩ còn duyên với núi sông
Mở cửa gió lùa thông họa vận
Cuốn rèm trăng dọi bạn soi lòng
Đàn Nha may gặp Chung Kỳ gái
Muôn thuở Hồng Lam với Tản Hồng

PHAN SÀO NAM 1933

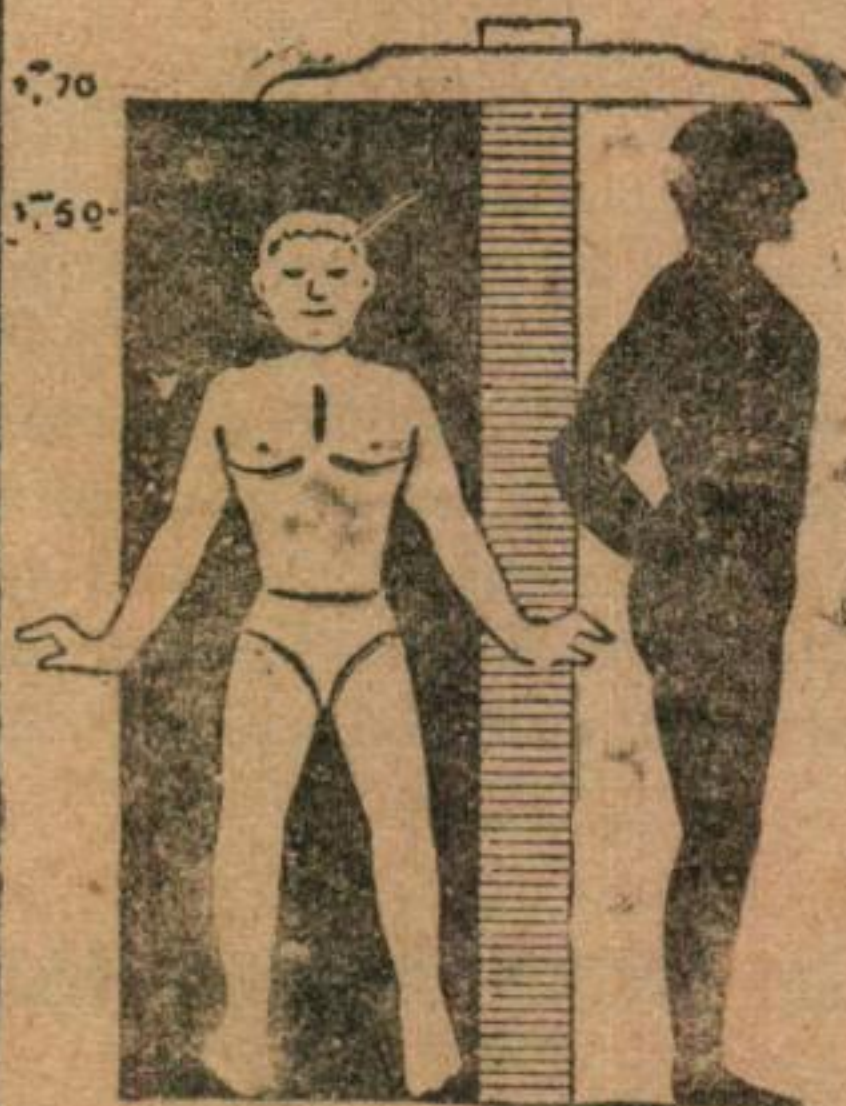
Bài họa của Tương Phố

Ngày tối đường dài việc chữa xong
Biên Đông rồng đã cuốn vây rồng
Dạ hồn quên nghĩ cùng năm tháng
Máu nóng còn sôi với núi sông
Giọt lệ năm canh ngấm khóc nước
Tắm thân bốn bề nguyện theo lòng
Anh hùng sá kể chi thành bại
Vẫn nhớ ngành Nam tử Lạc Hồng

TƯƠNG PHỐ 1933

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



CON NIT MAU
BIẾT ĐI
CỨNG XƯƠNG
MẠNH KHOẺ
NGƯỜI LỚN
CỨNG RĂNG
ÍT ĐAU RĂNG
YẾU PHÔI
MỆT MỎI

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ

*Nhà SÙNG CHÍNH, HUẾ vừa phát hành
1000 ấn bản đặc biệt*

NGHIÊN CỨU VIỆT NAM

Niên san 1973. tập I

Niên san nghiên cứu Văn minh Việt nam

*một tập hợp rộng rãi các nhà nghiên cứu,
một nội dung phong phú, một hình thức trang trọng*

với

— **Nguyễn văn Hai**, Giáo dục thường xuyên tại Việt nam — **Nguyễn Toại**, Nhớ lại hội hè đình đám — **Tôn thất Hanh**, Vấn đề nước — **Tạ Chí Đại Trường**, tiền kềm và cuộc khủng hoảng tiền tệ ở Nam hà vào hậu bán thế kỷ 18 — **Sơn hồng Đức**, Thủy học miền Trị Thiên — **Vũ Khánh**, các thể loại dân ca Thanh hóa — **Nguyễn hữu Châu Phan**, chính sách cai trị của Tây Hán và Đông Hán tại Việt nam — **Nguyễn Phương**, Đại cổ Việt — **Phan Thuận An**, công cuộc kiến trúc phòng thành Huế — **P.J. Honey**, Trương Ngọc Phú, Bối cảnh lịch sử Việt nam. Phần I: Việt nam vào thế kỷ 17 — **Nguyễn Hữu Đình Lâm** phần miền Nam Việt nam và vai trò trước mắt của rừng rú chúng ta một khi hòa bình được thật sự văn hồi — **Phạm Cao Dương**, **Nguyễn Thế Anh**, Hội nghị quốc tế các nhà Đông phương học lần thứ 29 tại Paris — **Nguyễn Thế Anh**, Bản qui chế giáo dục năm 1906 — **Trần Anh Tuấn**, giới thiệu một tác phẩm về Việt nam vào thế kỷ XVII của giáo sư Philippe Langlet — **Trần Đức Tường**, về tác phẩm «Lịch sử chính trị và bang giao quốc tế thế giới hiện đại» của giáo sư Hoàng Ngọc Thành.

Chủ biên : NGUYỄN HỮU CHÂU PHAN

Nhà xuất bản Sùng Chính

8 bis Nguyễn Huệ — Huế
hay 68/12 Trần quang Khải (Đakao) — Saigon 1

(tiếp theo trang 16)

thì lại trở lại các hành động khủng bố và phá hoại.

Bên này bị khủng bố thì lập tức tìm cách trả đũa lại bên kia ngay. Tháng 2/73 bốn phóng pháo cơ Phantom F-4 của Do-Thái đã đàn áp một chiếc phi cơ của hàng không dân sự Lybie, bắt hạ xuống sa mạc Sinai do Do-Thái chiếm đóng. Phi cơ Lybie không chịu và đã bị phóng pháo cơ Do-Thái bắn rơi khiến 106 hành khách bị thiệt mạng : Dân Ả-Rập hết sức phẫn nộ và Tổ chức khủng bố Palestine «tháng 9 đen» nhất định phục thù. Sự phục thù này đã xảy ra ngay tại Khartoum, thủ đô của một xứ Ả-Rập khác : tại nơi đây quân khủng bố «tháng 9 đen» đã đột nhập Tòa Đại-sứ của một nước Ả-Rập khác — Tòa Đại-sứ Arabie Saoudite — để bắt giữ và hạ sát Đại-sứ Mỹ George Moore, Xứ-lý thường-vụ Mỹ Cléo Noel và Xứ-lý thường-vụ Bỉ Guy Eid.

Đến tháng 4-73 Do-Thái đã đột kích Beyrouth, thủ đô Liban, một cách hết sức táo bạo. 200 cảm-tử-quân Do-thái nửa đêm đã đổ bộ vào thành phố này và đã tự do hoành hành trong suốt 4 giờ đồng hồ để tàn sát các lãnh tụ của phe khủng-bố Palestine.

Vụ đột kích của cảm-tử-quân Do-thái ở Beyrouth đã gây ra cho Liban một cuộc khủng hoảng chính-thề. Dân Ả-Rập thuộc các tổ chức giải phóng Palestine đã lớn tiếng tố cáo

chính phủ Liban không bảo-vệ an-ninh cho họ và họ đã bắt giữ 2 sĩ quan Liban. Quân đội Liban phản công lại khiến giữa người Ả-Rập với nhau nhiều cuộc chạm súng đã liên tiếp bùng nổ. Thủ-tướng Liban là Sarb Salam, theo Hồi giáo, từ chức để phản đối Tổng-Thống Franjeh. Nhưng khi ông Hafez, một nhân vật Hồi giáo khác được cử lên làm Thủ-tướng, lại từ chức sau 13 ngày cầm quyền thì Tổng Thống Franjeh quyết định đặt quốc gia vào tình trạng khẩn cấp tức là trao quyền cho quân đội mà phần lớn là Công giáo.

Cuộc tranh chấp giữa Ả-Rập và Do-thái lại còn chia rẽ các quốc-gia Ả-Rập. Trong khi nước Lybie của Đại-tá Kaddafi hung hăng đòi tấn công Do-thái thì Ai cập lại ôn-hòa hơn cố tình tránh né một cuộc chiến tranh chỉ bất lợi cho Ai-cập. Nhưng ông Gaddafi đã làm tới, đòi kết hợp 3 nước Ai-cập, Syrie và Lybie thành một quốc-gia thống-nhất. Vào tháng 9, một hiệp-ước kết hợp đã được 3 quốc gia ký kết tại Le Caire. Nhưng Tổng-Thống Ai-Cập Sadat chỉ ký hiệp-ước này để được hưởng viện trợ của Lybie mà thôi còn trong bụng thì không muốn xúc tiến việc thành lập một Liên-bang vì sợ ông Gaddafi sẽ tranh mất chức Chủ-tịch trong tương lai.

Cũng vào tháng 9, ông Gaddafi muốn dùng dầu hỏa bắt bí các quốc-gia Âu-Mỹ để họ buộc Do-Thái

phải nhượng bộ. Ông đã quyết định quốc-hữu-hóa hết các công-ty dầu hỏa ở Lybie. Cùng một lúc, quốc-vương Fayçal xứ Arabie Saoudite dọa sẽ rút hết tiền ký thác tại ngân-hàng Hoa-Kỳ về đề chuyển sang Âu-châu nếu Hoa-Kỳ còn tiếp tục ủng hộ Do-thái.

Tới tháng 10 thì cuộc chiến tranh Trung Đông đột nhiên bùng nổ. Trong khi Do thái đang nghỉ thánh lễ Yom Kippur, thì quân Ai cập và Syrie bất ngờ tấn công Do-thái. Do-thái sau đó đã phản công lại mãnh liệt và tiến quân một mặt gần tới thủ-đô Damas của Syrie và một mặt chỉ cách thủ-đô Le Caire của Ai-cập có khoảng 100 cây số.

Cuộc chiến tranh đã làm cho cả Nga và Mỹ lại một phen vận động vất vả mới chấm dứt được. Hiện thời tân Ngoại-trưởng Hoa-kỳ Kissinger đang hoạt động quyết liệt đề mở một cuộc hòa-dàm giữa Do-thái và Ả-Rập tại Genève.

Cả hai phe Do-thái và Ả-Rập hầu như đều đã mệt mỏi vì chiến tranh. Trong cuộc chiến tháng 10 vừa qua Do-thái không còn ở vào thế bách chiến bách thắng nữa và cũng thiệt hại rất nặng nề. Trong khi đó phe Ả-Rập tuy khả năng chiến đấu đã được cải thiện nhiều, nhưng vẫn còn chưa đủ để có thể toàn thắng Do-thái. Vì vậy mà cả hai bên đều đã bớt cứng rắn. Các quốc-gia Ả-Rập

không còn đòi tiêu diệt Do-thái nữa và đã bắt đầu coi. Do-thái là một quốc-gia, trong khi Do-thái cũng bắt đầu tính chuyện trả lại những lãnh thổ đã chiếm được của Ả-Rập trong các cuộc chiến-tranh 1967 và 1973.

Một hậu quả của cuộc chiến tranh Trung-Đông mà cả thế-giới phải gánh chịu là nạn khan hiếm dầu hỏa. Các quốc gia sản xuất dầu hỏa ở Trung Đông đã trừng phạt tất cả các quốc gia nào có chính sách thân-hữu với Do-thái bằng cách không bán dầu hỏa cho họ. Biện pháp trừng phạt này đã và đang xáo trộn nền kinh-tế thế-giới một cách hết sức trầm trọng.

oOo

Năm 1973 đã là một năm đầy chính biến. Các lãnh-tụ các nước trên thế giới không lúc nào được rảnh rang đầu óc. Chiến tranh ở Trung Đông, tàn sát ở Beyrouth và Khartoum, đảo chính tại Chili, tại Hy Lạp tại Thái Lan, biểu tình ở Ba-lê, khủng bố ở Luân-đôn, Phó Tổng-Thống bị ra tòa Tổng Thống bị điều tra ở Hoa-thịnh-đốn khan hiếm nhiên-liệu trên toàn thế-giới, năm 1973 đã hơn bao giờ hết, chứng minh rằng các định-chế của con người đều hết sức mong manh. Chỉ một cuộc khủng hoảng tại một vùng cũng có thể ảnh hưởng dây chuyền đến đời sống của toàn thể các quốc gia trên thế giới.

TỪ MINH

Nobel Khoa-học 1973

Giải vật lý học

: Brian Josephson (*Cambridge*)
Leo Esaki (*I. B. M., Yorktown*)
Ivar Giaever (*General Electric Company, Schenectady*)

Giải vật hóa học

: Geoffrey Wilkinson (*London*)
Ernst Otto Fischer (*München*)

Giải sinh lý y khoa

: Karl Ritter von Frisch (*München*)
Konrad Lorenz (*München*)
Nicolaas Tinbergen (*Oxford*)

Hằng năm, đến mùa phát giải Nobel, người ta lại có dịp nhắc đến cuộc khảo cứu khoa học bên Hoa-kỳ. Năm nay đặc biệt không phải các nhà bác học Mỹ châu được chú ý đến mà là những khảo cứu viên ở Âu-châu từ Anh : Josephson, Wilkinson, Tinbergen (người Hòa-lan) qua Đức : Fischer, von Frisch (người Áo), Lorenz (người Áo). Còn lại hai nhà vật lý học thì Giaever là người Na-uy và Esaki sinh trưởng bên xứ Phù tang.

Nhưng đặc biệt hơn nữa là giải Nobel sinh lý y khoa đã thường không phải cho các nhà sinh vật học, sinh lý học, dược vật học hay các bác sĩ y khoa như mọi năm mà là cho ba chuyên gia có tên tuổi về khoa phong tục học (éthologie). Khoa này không phải là môn khảo cứu mới lạ mà ra đời hằng chục năm nay. Lorenz với đàn ngỗng, von Frisch qua bầy ong, Tinbergen quanh các chim hải âu, đã lấy thiên nhiên làm phòng thí nghiệm để theo dõi, học hỏi liên quan giữa các sinh vật dưới ảnh hưởng của các điều kiện bất định bên ngoài. Quyết định của Viện Karolinska phát giải đã nâng cao phần đóng góp của các nhà phong tục học, tâm lý học, thần kinh học trong công cuộc tìm hiểu đời sống tâm lý của con người.

Vật lý học : hiệu ứng đường hầm

Tài năng không đợi tuổi tác là trường hợp ba nhà vật lý học được giải năm nay. Thật vậy, Josephson đã tìm ra lý thuyết hiệu ứng mang tên ông khi còn là một sinh viên 23 tuổi. Giaever lúc sáng tạo được hệ thống để chứng nghiệm hiệu ứng

Josephson chỉ mới 28 tuổi. Còn Esaki thì cũng chỉ lớn hơn một chút, 32 tuổi, khi ông chứng minh hiệu ứng này trong các chất bán dẫn (semi conducteur) và thực hiện những đèn lưỡng cực-đường hầm (diode-tunnel).

Ánh sáng trong đường hầm có thể tượng trưng khám phá của ba khảo cứu viên được giải. Thử tưởng tượng

một hòn bi đặt ở một chân tường, bỗng chốc vượt được bức tường sang bên kia. Lẽ tất nhiên là không thể được. Nhưng chỉ không thể ở vật giới thô đại. Qua vật giới tế vi, sự kiện có thể diễn ra. Nếu hòn bi là một điện tử, bức tường là một hàng rào điện thế thì điện tử có thể vượt qua hàng rào kia, tưởng như điện tử đã tìm ra được một đường hầm kín để xuyên qua : đây là nguyên tắc hiệu ứng đường hầm.

Để giải thích hiệu ứng này người ta phải nhờ đến những khái niệm lượng tử và ba động của môn vật lý tế vi. Những đặc tính này cũng hiển những xác suất có thể, thay vì sự cấm chỉ tuyệt đối ở các vật thể thô đại. Esaki đã từng khảo cứu về những chất bán dẫn thường lệ không dẫn điện nhưng khi cho vào một số "chất bẩn" thì chúng lại trở nên dẫn điện. Tùy theo cho vào những điện tử âm hay những "lỗ hổng dương", người ta có thể chế ra một chất dẫn điện kiểu này hay kiểu nọ. Nếu cho hai chất dẫn điện âm và dương hợp lại với nhau, sắp đặt làm sao cho điện tử không rời được hệ thống thì lẽ tất nhiên nó không dẫn điện được vì điện tử không thể di chuyển. Nhưng đây là lý luận ngoài môn cơ học lượng tử. Các định luật này có thể giúp các điện tử vượt qua hàng rào điện thế đã thấy ở trên. Như vậy người ta có thể gây ra một cách nhanh chóng một dòng điện qua chỗ dính nhau của hai chất bán dẫn âm và dương. Và đây là nguyên tắc của các chiếc đèn lưỡng cực-đường hầm vô cùng nhanh chóng đã rất được dùng hiện nay.

Các hiệu ứng đường hầm tìm thấy ở các chất bán dẫn cũng còn được khám phá ra ở các chất siêu dẫn (supraconducteur). Đây là những kim loại khi nhiệt độ xuống gần đến số không tuyệt đối thì mất hết mọi điện trở : những điện tử cặp nhau thành đôi và di chuyển như một luồng sóng điện kết hợp. Chính Giaever đã đạt được những hiệu ứng đường hầm khi cho hợp các chất siêu dẫn với nhau. Và lý thuyết hiện tượng lại là thành tích của Josephson.

Khi thường vừa nhà lý thuyết vừa nhà thực nghiệm, các vị ở Viện Hàn lâm Thụy-điển đã đánh giá ngang nhau hai môn khảo cứu thuần túy và ứng dụng. Đáng khác, nếu ta nhớ năm ngoái giải Nobel vật lý học đã thưởng cho công tác khảo cứu về các chất bán dẫn (J. Bardeen, L. N. Cooper và J. R. Schrieffer) thì thấy ngay con đường nhất trí của Hội đồng phát giải.

Vật hóa học : phân tử « Sandwich »

Giải vật hóa học năm nay cũng có một đặc sắc : giải đã thưởng cho hai nhà vật hóa học khảo cứu về tổng hợp hóa học chứ không đề cao các công tác về sinh vật học như thường thấy. Thật vậy, toàn thể công nghiệp của Fischer và Wilkinson đều hướng về phương pháp chế tạo các phân tử mới lạ, kết quả của bộ óc tưởng tượng dồi dào thêm vào phương cách tinh vi của nhà thực nghiệm. Mỗi khi phân tử đã được chế tạo ra, họ còn tìm hiểu tính chất của nó để kiểm cách giải thích, hợp lý hóa. Như

vậy là họ đã khơi thảo được những ý niệm, kiểu mẫu có thể trần tình sự hiện hữu cũng như kiến trúc và tính chất những sáng tạo đã đưa ra, đặc biệt trên bình diện hóa học, những cơ chế đã chỉ định con đường tổng hợp cũng như các khả năng tác dụng sau này.

Theo chính ngay lời của Viện Hàn lâm Thụy-điển, Fischer và Wilkinson đã đảo lộn ngành hóa học các chất hữu cơ kim loại. Ta có thể đi xa hơn và báo công tác của hai ông đã xáo trộn và thay đổi sâu rộng toàn thể diện mạo môn hóa học phân tử; hai nhà vật hóa học này đã thành công xóa bỏ biên thùy cổ điển giữa hai môn hóa học hữu cơ (hóa học chất carbone) và hóa học vô cơ (hóa học các chất khác). Khi cấu tạo được những phân tử gồm có vừa carbone vừa kim loại, họ đã vượt qua hẳn những ý niệm và phương pháp riêng biệt của mỗi môn.

Trong số các kim loại đã dùng, có một loại đặc biệt thiếu điện tử ở một vài lớp bao quanh nhân: đây là những giao kim (métaux de transition). Những kim loại này rất dễ kết hợp với những phân tử hữu cơ giàu điện tử (như benzène, diphényle) làm thành những chất hữu cơ-kim loại. Phần lớn những chất này hòa tan trong các dung dịch hữu cơ, do đó chúng được dùng làm chất xúc tác trong các phản ứng ở kỹ nghệ. Ví dụ trong kỹ nghệ dầu hỏa, người ta đã dùng chúng để xúc tác cách trùng hợp isoprène thành cao su nhân tạo. Đáng khác người ta lại đề ý thấy

trong thiên nhiên, những chất như lục diệp tố, huyết cầu tố, sinh tố B₁₂, đều có mang trong phân tử một kim loại như magnésium, sắt, cobalt. Vậy thì tìm hiểu sâu rộng các chất hữu cơ kim loại cũng là một cách tìm hiểu các chất trong thiên nhiên cần yếu cho đời sống chúng ta.

Trước năm 1950, vì thiếu phương tiện, các chất hữu cơ-kim loại rất ít được biết. Qua năm 1951, chất ferrocène gồm có một nguyên tố sắt nằm giữa hai vòng phân tử hữu cơ nằm cạnh được chế tạo ra. Một năm sau, Wilkinson thành công chứng minh cấu tạo phân tử hữu cơ-kim loại ấy. Năm 1955 đến lượt Fischer tổng hợp một phân tử « Sandwich » khác gồm có một nguyên tố chrome nằm giữa hai phân tử benzène. Cấu tạo lạ thường cho nên cho tới lúc bấy giờ mấy ai tưởng tượng đến. Những phân tử « Sandwich » đầu tiên đã đưa đường cho một trục khai thác mới vô cùng dồi dào trong môn hóa học phân tử.

Hai nhà vật hóa học được giải không những đã có công khám phá các phân tử hữu cơ-kim loại đầu tiên mà còn có công tiếp tục mở rộng con đường đã vạch. Nhờ dùng những giao kim như kền, chrome, wolfram, Fischer đã đưa ra được ánh sáng những hóa chất loại carbène là một phân tử vô cùng bất ổn nhưng lại đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong các phản ứng hóa học. Hiện nay Fischer đang khảo cứu về carbyne là một phân tử còn phù vân hơn nhưng phản ứng lại càng mạnh hơn.

Bên phía Wilkinson thì ông chú trọng nhiều về các chất xúc tác. Chất chlorotris triphénylphosphine rhodium chẳng hạn là một chất xúc tác màu nhiệm trong phản ứng kết khinh khí ở môi trường đồng nhất. Cao vọng của ông là làm sao kích động được cả những hydrocarbure nó thường là những hóa chất không có tác dụng. Kết cấu của những khám phá tương lai sẽ vô cùng sâu rộng trong kỹ nghệ.

Sinh lý y khoa : khoa phong tục học

Trái lại với các nhà vật lý học được giải đều còn trẻ, ba nhà vật học von Frish, Lorenz và Tinbergen đều là những nhà lão thành được công chúng biết đến từ lâu nhờ những sách phổ thông họ đã chịu khó viết. Điềm chung trong công tác ba nhà bác học này là đã dùng khảo sát và thực nghiệm thúc tiến cuộc học hỏi thái độ các súc vật, đồng thời thử đem những khám phá mới đạt được áp dụng vào cuộc học hỏi thái độ con người.

Vị lớn tuổi hơn hết là von Frish, năm nay đã 87 tuổi, từ lâu được xem như là cha đẻ môn sinh lý học đối chiếu cận đại. Tuy là người Áo, ông đã điều khiển hơn hai mươi năm một phòng thí nghiệm ở München, lãnh đạo biết bao môn đệ khảo cứu trong mọi lãnh vực của môn sinh lý học các động vật không xương sống và các động vật hạ cấp có xương sống. Tuy có nhiều thành tích trong công cuộc nghiên cứu các loại cá, von Frish được biết nhiều nhờ những công tác về loài

ong. Từ năm 1912, ông đã bắt đầu thí nghiệm về màu sắc qua mắt ong, nhưng mãi đến 7 năm sau ông mới có ý nhận xét điệu nhảy của nàng ong. Biết bao công phu xem xét, biết bao thí nghiệm tinh vi, sau nhiều năm cặm cụi với các nhà cộng sự, ông đã lột trần được ý nghĩa của điệu nhảy này : nhờ cách uốn bụng, nhờ hướng chỗ nhảy, nàng ong đã tin cho các bạn đồng loại biết nơi có hương hoa nhụy phấn. Năm 1965, cuốn *Die Tanzsprache und Orientung der Bienen* ra đời, đánh dấu cho một bước lớn trong ngành phong tục học. Sau này, ông còn cho xuất bản nhiều cuốn sách khác trong số ấy có một cuốn miêu tả toàn thể đời sống loài ong (*Aus dem Leben der Bienen*) rất được phổ biến.

Lorenz, trẻ hơn, vì năm nay chỉ có 70 tuổi nhưng tương đối được công chúng biết nhiều hơn. Ông cũng có khảo cứu trên các loại cá nhưng lại sở trường về các loài chim, đặc biệt là vịt và ngỗng. Lúc đầu chỉ khảo cứu một cách tài tử, nhưng dần dần những nhận xét thấu lượm được trong lúc chung đụng với thú vật đã giúp ông xây dựng lên nhiều lý thuyết mới. Vào khoảng 1951, ông được Max Planck Gesellschaft giúp về mặt tài chánh và trong luôn hai mươi năm ông và môn đệ đã đạt được vô số thành tích.

Ông đã làm việc chung rất lâu với Tinbergen, trẻ hơn một chút (66 tuổi). Trái với Lorenz, Tinbergen là một nhà động vật học cổ điển chuyên môn về sâu bọ và chim chóc.

Ở Oxford, ông đã cùng Baerends chủ trương tờ Behaviour là nơi các nhà động vật học thích đăng các bài khảo cứu từ cuối đệ nhị thế chiến.

Chính quanh Lorenz và Tinbergen đã qui tụ cả một thế hệ các nhà động vật học trẻ tuổi, hăng hái đặt lại nguyên tắc khoa phong tục học. Từ lâu các môn đệ của Pavlov, Watson chỉ khảo sát, thực nghiệm về chó, chuột ở phòng thí nghiệm. Bây giờ đây, các nhà khảo cứu quay mình ra thiên nhiên, nhìn xét, ghi nhận, đo lường ngay nơi thú vật sinh sống. Nhờ vậy trong khoảng hai mươi lăm năm sau này, kiến thức của ta về phong tục, tập quán của súc vật nhiều hơn cả những khám phá dồn dập từ hai thế kỷ trước. Nhờ khoa phong tục học, người ta đã vạch rõ những phương cách truyền đạt giữa động vật (bằng thanh âm, thị giác hay hóa chất), giải nghĩa được nhiều cử chỉ, thái độ, những cách nhảy, bộ điệu của

chúng mà từ trước người ta chỉ hiểu kỳ xem xét. Cũng nhờ khoa phong tục học mà nhiều điểm trong môn cá thể biến hóa thái độ (ontogenèse des comportements) đã được đề cập sâu xa, chẳng hạn những thời kỳ kích động hay nguy kịch của sự phát dục.

Riêng phần Lorenz, ông và các môn đệ đã khêu ra lại cuộc cãi vã về tính thiên bẩm và tính sở đắc vì họ tin động vật có khả năng học tập là nhờ những năng lực di truyền. Năm 1953, cuốn Das sogenannte Böse của ông đã làm sôi động giới thần kinh sinh vật học vì ông đã cho thái độ là một bản năng căn bản như đói, khát,... Những người chống ông thì chối hẳn vai trò di truyền trong thuyết quyết định thái độ. Đến nay, chưa một giải thích nào được hoàn toàn thỏa mãn nhưng các nhà phong tục học dù sao đã có công lay chuyển môn tâm lý học động vật.

VO QUANG YẾN

VĂN HỌC THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI

... Một tổng hợp đầy đủ nhất về nền Văn học Thế giới hiện đại của Anh, Nga, Pháp, Đức, Mỹ, Mễ-Tây-Cơ, Ba-Tây, Nhật-Bản, Trung Hoa...

Tác phẩm quy tụ tất cả các nhà phê bình văn học nổi danh.

Bản dịch của Bửu-Ý

An Tiêm Xuất bản

ĐỒNG-NAI PHÁT HÀNH

Công dụng mới!
Thuốc mới!

hemocalcium B12

ỢI, SUY YẾU - CHẬM LỚN
KÉM ĂN - THIẾU MÁU



hemocalcium B12



SAPP SAIGON

Có chất Sorbitol để giúp cho
sự thẩm thấu sinh tố B12
qua màng ruột mà không bị
tiêu hao.

Bán tại các nhà thuốc tây.

Công thức môn
thuốc mới :

HÊMOCALCIUM B 12

trị : SUY YẾU — CHẬM LỚN
KÉM ĂN — THIẾU MÁU

Có chất Sorbitol để giúp cho sự thẩm
thấu sinh tố B 12 qua màng ruột mà
không bị tiêu hao.

Bán tại các nhà thuốc tây.

thuốc ho viên

Pectal FORT



trị các chứng **HO**



ho gà, ho khan
ho từng cơn
ho ra đàm
cảm, sưng
sưng cuống phổi

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

thuốc ho viên

PECTAL FORT

trị các chứng **HO**

ho gà ho khan
ho từng cơn
ho ra đàm
cảm sưng
sưng cuống phổi

Bán tại các nhà thuốc tây.

Sao Chổi Kohoutek

Năm Trâu đang đi vào giai đoạn kết thúc hết sức là trâu bò — từ Thiên tử tới thứ dân và cho tới cả nhà báo đều ngập chìm trong thuế má, băng nhựa, gạo, giấy, đường, xăng nhớt, vân vân và vân vân — hầu như ở suốt cả cái hành tinh nhỏ bé này đụng vào đâu là thấy đại họa ở đó. Một lối thoát dễ nhất, duy nhất và rẻ nhất để khỏi trông thấy những trần ai, tục ụy ở cõi đời này là nhìn lên trời để tìm một điểm sáng, một tia hy vọng một điểm lành cho thế giới.

Có lẽ, chính vì cái tâm lý chạy trốn đó mà báo chí thế giới đã đua nhau, thay vì nói về chuyện giấy thiết thực lại nói về một điểm sáng mờ hồ, khi mờ khi tỏ, nay dài mai ngắn, lúc to lúc, nhỏ đang bình thản đi trong cuộc hành trình dài vô tận trong cả tinh vân của vũ trụ. Cái điểm mờ tỏ đó là sao chổi Kohoutek.

Điều đáng cho các nhà khoa học cũng như đa số dân chúng phải sôn sao bàn tán và chăm chú theo dõi là các dấu hiệu đầu tiên hứa hẹn sao chổi Kohoutek sẽ sáng hơn và lớn hơn bất cứ một ngôi sao chổi nào từ trước đến nay và có lẽ sẽ tranh giải vô địch về huy hoàng và ngoạn mục của sao chổi Halley xuất hiện lần cuối vào năm 1910, và vẫn được coi là ngôi sao lớn nhất trong lịch sử sao chổi từ trước đến nay.

Sao chổi Kohoutek đã được nhà thiên - văn - học Tiệp - khắc Loubos Kohoutek tình cờ khám phá tại đài thiên văn Hamburg ngay từ tháng hai 1973 khi ông đang tìm những mảnh vụn còn lại của sao chổi Biela, sau khi sao này vỡ ra làm hai từ năm 1846.

Vì Kohoutek được nhìn thấy sớm như vậy nên các nhà khoa-học cho rằng sao này có lẽ là một ngôi sao chổi khá lớn. Chỉ nguyên cái nhân sao chổi cũng có đường kính rộng tới 40km. Có nhà thiên văn, không biết tính toán làm sao, còn ước đoán trọng lượng của cả ngôi sao có thể lên tới hàng tỷ tỷ tấn. Nhưng có điều đáng chú ý là quỹ đạo của sao chổi Kohoutek đến gần mặt trời nhất, hơn cả các sao chổi từ trước tới nay — chỉ cách mặt trời có 20 triệu cây số. Chính vì những đặc điểm này mà các nhà khoa học tiên đoán cái đuôi sao chổi có lẽ sẽ dài cả triệu cây số, và chạy dài đến $1/6$ của bầu trời. Tuy nhiên, đối với người trần mắt thịt, thì khi tới cận điểm mặt trời, sao chổi Kohoutek đã không thỏa mãn ước vọng của các nhà khoa-học. Vì tính chất mỏng manh của sao chổi, một phần của sao chổi Kohoutek đã tan biến khi đến gần mặt trời và đuôi sao chổi đã không sáng và dài như người ta mong đợi. Những người vỡ mộng nhất có lẽ là một số các nhà thiên-văn tài tử lắm tiền nhiều bạc

đã lấy vé đi một chuyến bay Boeing 747 đặc biệt chạy theo sao chổi từ California sang Arizona, suốt trong 6 ngày liền, ghé vô tất cả mọi thiên văn đài, vừa du hí, vừa yến tiệc, vừa xem sao. Giá mỗi vé sơ sơ có 1.750 đô la [tức là một triệu đồng Việt-nam thôi]. Dân Việt-nam ta, kẻ cuồng tín nhất về sao chổi chỉ dám đi ra tới Vũng Tàu, với hy vọng mong manh nhìn được sao chổi. Những người ở lại thành phố, tiết trời cuối năm lạnh bất thường, có lẽ ít ai dám trèo lên gác thượng vào 4,5 giờ sáng để biểu dương tinh thần khoa học.

Chung quy, chỉ có các nhà chế và bán ống nhòm cùng kính viễn vọng là mặt mũi hớn hờ, mặt sáng như sao. Chỉ nội trong tuần đầu của tháng 12, số thương vụ của ngành này đã tăng gấp đôi. Một nhà khoa học huyền bí có óc thương mại cũng được sao chổi mang cho món quà Giáng-sinh rất hậu hĩnh. Tiên đoán khi sao chổi xuất hiện là sẽ tới ngày tận thế, ông ta đã bán 10 đô-la một vé lên phi-thuyền liên tinh-vân cho những người muốn thoát hiểm. Phi thuyền này, theo ông ta, sẽ tự động bay lên vào ngày 24 tháng 12, khi hơi sao chổi làm các mỏ dầu hỏa của trái đất bốc cháy tiêu diệt cả nhân loại. [Nghe nói, nhận được tin này, các nhà lãnh-tụ Trung Đông đã cầu nguyện Allah cung cấp thêm nhiên liệu cho sao chổi để sao chổi có đủ sức đi xa trái đất hơn chút nữa, nếu không thì chiến lược cúp dầu của họ sẽ bị thất bại tại hội nghị Genève]. Ngày 24 qua đi, sao không sáng, dầu không cháy, ngày tận thế không đến, nhà

khoa học huyền bí cũng biến dạng cùng với phi thuyền. Các hành khách của cuộc du hành cuối, như những người bảo hiểm nhân mạng, thì mừng rỡ vì đã được mất tiền một cách vô ích!

Nhưng về phương diện chuyên môn thì sao chổi Kohoutek lại không vô ích một chút nào cả. Trái lại, Kohoutek là ngôi sao chổi được quan sát kỹ nhất, lâu nhất và nhiều nhất từ trước đến nay. Ngay khi cách trái đất 750 triệu cây số, Kohoutek đã được thường xuyên theo dõi (Sao chổi Halley chỉ được phát giác khi cách trái đất 300 triệu cây số). Và suốt từ tháng 2/1973 đến tháng 2/1974, tất cả mọi dụng cụ, kỹ thuật tân tiến nhất về không-gian-học đã được đem ra để quan sát Kohoutek. Ngoài việc quan sát bằng các kính quang học, các nhà khoa học còn dùng hình viễn vọng vô tuyến phóng các luồng sóng vô tuyến lên để nghiên cứu nhân của sao chổi. Các sóng vô tuyến phát xuất từ các tinh-tú ngoài không-gian cũng được phân-tích sau khi đi qua đuôi sao chổi để đoán biết cấu tạo hóa học của sao chổi. Các hỏa-tiên và các khinh khí cầu mang dụng cụ quan sát cũng được phóng ra ngoài vùng khí quyển để quan sát sao chổi. Phi thuyền Mariner 10 trên đường bay lên Kim-tinh, đang chụp hình sao chổi Kohoutek gửi về trái đất. Phi thuyền Pioneer 6 và 8 đang bay trong quỹ đạo mặt trời cũng phóng các tín hiệu vô tuyến vào sao chổi để nghiên cứu đuôi sao chổi.

Một dịp may ngàn năm một thuở



Sao chổi Kohoutek

sao chổi Kohoutek đã xuất hiện vào đúng lúc phi vụ Skylab đang ở trên quỹ đạo. Suốt trong bốn ngày liền từ 25 đến 28 tháng 12/1973, các phi-hành gia Skylab đã khuôn đồ nghề ra ngoài phi thuyền, để chụp hình, quan sát và đo đạc sao chổi. Các cuộc quan sát này sẽ đem về trái đất những hình ảnh đẹp nhất và dữ-kiện khoa-học chính xác nhất về sao chổi từ trước đến nay.

Các dữ-kiện này sẽ giúp tìm hiểu rõ hơn về bản chất của sao chổi cũng như về nguồn gốc của Thái-dương-hệ. Tuy sao chổi là một hiện-tượng đã làm nhân loại thắc mắc từ hai, ba ngàn năm về trước, nhưng mãi đến thế-kỷ thứ 17, Edmund Halley mới dùng công-thức của Newton chứng-minh được sao chổi là một thiên-thể trong thái-dương-hệ, đi theo một quỹ đạo nhất định trong thái-dương-hệ. Quỹ-đạo này có thể lâu từ 3 năm cho tới hàng triệu năm. Sao chổi do Halley khám phá có chu-kỳ quỹ đạo là 76 năm. Từ đó đến nay, người ta đã nhận ra các phần chính của sao chổi gồm có cái nhân ở giữa, chung quanh cái nhân là đầu sao chổi gần phần lớn là hơi nước, các khí như

mê-tan, oxyt-cacbon, am-mô-niac v.v... ngoài cùng là một lớp kh. hít-rô. Sau hết là cái đuôi gồm những chất khí rất nhẹ. Vì ảnh hưởng của gió thái dương, nên khi sao chổi tiến tới mặt trời thì đuôi ở phía sau sao chổi. Sau khi đi qua mặt trời, áp lực của ánh sáng và vi thể của mặt trời sẽ đẩy cái đuôi ra phía trước. Vì vậy nếu Việt-nam nhìn thấy sao chổi vào dịp Tết thì đuôi sao chổi sẽ ở phía trước.

Theo quan niệm dị đoan thông thường, nếu cái đuôi chỉ về hướng nào thì nơi đó sẽ xảy ra đại họa. Các báo Saigon đã không ngớt bàn về hướng đuôi sao chổi. Người nói hướng Đông, kẻ nói hướng Tây, kẻ chỉ về Nam, người đưa về Bắc. Có lẽ cũng cảm thấy cái đuôi của mình có một sự quyết đoán định mệnh như vậy, nên sao chổi Kohoutek, lúng túng không biết để cái đuôi vào đâu, đã bị đề cao cảnh giác, lần lần chước giảm cái đuôi, lặng lẽ tiếp tục cuộc hành trình vô thủy vô chung. Hạ giới hết cái đuôi đề bàn, lại quay về câu truyện thuế má, băng nhựa, gạo, giấy, đường, xăng nhớt, vân vân và vân vân...

TRẦN LƯƠNG BẢO MINH

CÔNG-TY KỸ-NGHỆ BÔNG VẢI VIỆT-NAM **(SICOVINA)**

Vốn : 1.200.000.000 đồng

Trụ sở : 4, Lê Lợi — SAIGON

Nhà máy Sợi

KHÁNH-HỘI

Nhà máy Nhuộm

AN-NHƠN

Nhà máy Sợi Dệt

HÒA-THỌ

Nhà máy Sợi

PHONG-PHÚ

Dệt Nhuộm

Chúc Mừng Năm Mới

Lá thư nước ngoài

MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Mã-lai 27-10-73

Anh Ch.

Thư này viết ở Mã-lai, trong một làng đánh cá trên ven biển. Vì còn ngày giờ, chưa phải làm việc nên tôi đi tìm một làng đánh cá để nghỉ ngơi và suy tư, đồng thời viết lách những bài mà tôi phải viết trước khi về Paris. Ăn cơm Chúa thì phải múa Chúa xem là như vậy đó.

Mùi cá khô, mùi lưới cá phơi ngoài sân bay tạt vào trong nhà, chẳng biết có nên cho nó là thơm không. Có lẽ nó thơm, khi ở đúng vào khung cảnh của nó như giờ phút này đối với tôi. Nếu trong một buổi dạ yến mà toả cái thứ hương cá khô ấy ra thì chắc là mọi người đều phải bỏ chạy hết.

Chỉ ở những nơi xa xôi này tôi mới có thể yên tĩnh để làm việc và thực hiện một phần nào cái mộng : «Ngồi trong căn nhà trống nhìn thẳng ra biển». Ở Saigon có nhiều bạn bè bà con, phải để dành thì giờ cho mỗi người nên không thể bỏ đi tìm biển, và lại chỉ ở những nơi thật thanh bình mới khỏi sợ các thứ trộm cướp lưu manh đến phá rối.

Tôi quen với gia đình chủ nhà này từ mấy năm nay, và mỗi lần có dịp là tôi ghé thăm. Đồ đạc gửi lại phi trường Bangkok, tôi chỉ đi với một cái xách nhỏ đựng quần áo, mấy quyển sách cần thiết và Ng. Tr. (1) người yêu số một, tức là cây đàn...

Chủ nhà dễ thương, ở đây người ta nói tiếng Anh và tiếng Trung Hoa nên khỏi có vấn đề ngôn ngữ ngăn cách.

Trước khi nói đến cái đẹp của ven biển ở đây phải nói cho anh nghe cái xấu của thành phố Thái. Xấu vì nó giả tạo, nhất là Bangkok mà ngày nay nổi tiếng là ăn chơi. Các hãng du lịch cứ đập mạnh vào điểm ấy để chiêu hàng, nhất là chiêu mấy ông già và mấy cậu thanh niên muốn tìm hiểu thế nào là cái gớm ghê của sự ăn chơi thác loạn.

Anh có muốn tôi kể hết cho anh nghe những sự bức mình tai nghe mắt thấy trong mấy hôm nay của một người bị bắt buộc phải ghé Bangkok không ?

Cũng nên kể cho các anh nghe và các cô đồng nghiệp của tôi rút kinh nghiệm sau này.

Người tôi gặp thứ nhất là một ông Bác-sĩ Ý quốc, nói được tiếng Pháp. Vì ông ta la lổĩ ăm ỉ nên người ta phải gọi tôi đến làm thông dịch ở quầy khách sạn.

Thấy tôi, ông ta mừng quá, phàn nàn rằng cái xứ gì mà chẳng ai chịu học tiếng Pháp cả. Sau khi giúp ông ta cái vấn đề ngôn ngữ, ông ta hỏi tôi có thì giờ ngồi ở phòng khách của nhà trọ ngay tại đây để ông ta

(1) « Nghi Trinh » tên một trong 3 cây đàn của tác giả (L.T.S.)

được nói tiếng Pháp một lúc cho đỡ
ấm ức không ?

Tôi nhận lời và hỏi ông đến xứ
này làm gì ?

— Tôi nghiên cứu về Phật giáo, tôi
theo đạo Phật, phái Hinayana, tức là
Tiểu-thừa chứ không phải theo phái
Đại-thừa như xứ Việt nhà cô dâu.

Thế là ông bác-sĩ bắt đầu đả kích
môn phái Đại-thừa, bảo rằng lên Niết
bàn thì tự mình lên chứ không phải
nhờ một sức lực nào giúp đỡ cả v.v..

Tôi đề cho ông ta nói một hồi xong
mới bắt đầu chất vấn về sáu độ
trong Đại-thừa, trước hết về cái độ thứ
nhất là Đàn Ba-la-mật (Bồ-thí độ).
Đến đây ông ta có vẻ nói quanh và
công nhận là bị cái văn hóa, giáo-dục
và cuộc sống chung quanh chi phối
quá nhiều.

Hỏi ông ta có đọc qua về sách của
Ấn-giáo như loại Upanishad, hoặc
Bagavat Gita thì ông ta kêu không
quan tâm lắm và chỉ chuyên về các
kinh Phật mà thôi.

Theo tôi thì như thế chưa đủ,
muốn tìm hiểu một vấn đề gì phải
tìm rộng ra những ảnh hưởng ở
chung quanh mà thế nào cũng có
nhiều ít tương quan.

Hỏi đến cái độ thứ hai là Thi-la
Ba-la-mật (Tri-giới độ) thì ông Bác-sĩ
kêu là không thể nào theo được.
Chắc phải mấy kiếp nữa mới thoát
và cái ông ta bị mắc nặng nhất là
cái Trần thứ năm, tức là ham thích
về « xúc giác ». Tôi ngờ rằng ông ta
đi du lịch sang Thái-lan không phải

chỉ có vì mấy ngôi chùa mà thôi.

Ông ta khoe dịch mấy quyển sách
từ tiếng Pali ra tiếng Ý và bà vợ
buồn mà chết. Tuy là bác sĩ nhưng
ông không chữa nôi cho vợ.

Ông ta cho rằng sự gặp tôi hôm
nay là cái « karma » của kiếp trước.

Thấy câu chuyện sắp đi xa và nhấ
là khi nghe ông ta tự thú rằng không
thể nào tránh được cái « trần » thứ
năm trong sáu « trần » (sắc, thanh,
hương, vị, xúc, pháp), tôi phải tìm
cách rút lui cho khỏi mất thì giờ.

Buổi chiều, tôi rảnh nên ghi tên
đi một vòng trong tổ chức cho du
khách đi chùa. Lần này gặp một nhân
vật kỳ quái hơn, kể cho anh nghe để
cười cho vui.

Nhân vật này là một ông Ấn-độ,
coi về vấn-đề giảm sinh-sản tại Iran,
ông ta là nhân viên của Unesco,
ăn nói hoạt bát. Vào chùa cũng đứng
lầm nhăm cầu nguyện như ai. Gặp
tôi ông ta đến làm quen rồi bắt đầu
tán tỉnh : « Cô là lửa, cô có biết
không, từ lúc gặp cô tôi như đang
bị đốt cháy. Tôi chưa bao giờ gặp
một người nào « đốt » tôi như thế này ».

Thấy tôi ngồi yên không trả lời,
ông ta tiếp tục nói thêm những câu
thật nặng trong tự điển tán tỉnh.

— Sao, cô đang nghĩ gì, có nghe
tôi nói không ?

— Nghe phân nửa.

— Cô nghĩ vì vậy ?

— Cuộc chiến tranh Do thái-Ả rập,

không khéo tôi phải sang đây.

Ông ta bực mình nhưng vẫn cố tán một câu chót : «Còn có duyên đến tốt độ, cô biết không ?»

Cuối cùng, biết không ăn thua gì ông ta bỏ về. Ngày mai tôi thấy ông ta đi với một bà thật vĩ đại, tôi cười một mình nghĩ rằng, chắc ông ta lại đang mở khăn gói lấy những câu tán tỉnh hôm qua để trải ra trước bà này « Bà là lửa v.v... »

Gặp tôi, ông ta có vẻ ngượng.

Ở đây các cô Thái làm nghề bán thân thật là nhiều, nhìn phát sợ vì số người đẹp thì ít mà số «tạ gạo» rất nhiều. Họ lôi kéo các ông và nói giá một cách trắng trợn.

Xứ Thái này rồi chắc còn nhiều vấn đề khác sẽ xảy ra nếu không ngừng đúng lúc.

Có tin rằng tôi phải sang Do-thái, cũng khá hấp dẫn mà cũng khá mệt mỏi. Thế là trước khi đi Do-thái tôi tìm đến cái làng đánh cá này để nghỉ ngơi và làm nốt mấy công việc mà tôi cứ khất lẩn. Có lúc chơi thì cũng phải có lúc làm việc chứ, nói theo Thánh kinh.

Sáng dậy sớm, tôi đi xem người ta kéo lưới. Họ làm việc thật vất vả, hằng chục người kéo vào bờ một cái lưới dài mà họ thả từ đêm qua. Tôi đứng chờ cùng với bao nhiêu người khách mua, thế mà cá chẳng được bao nhiêu. Thấy thương họ ghê, tiếc rằng cái khung cảnh dễ thương, cái ven biển hiền lành này không phải là quê hương tôi để tôi có thể vút hết mà

ở lì đây. Mấy cái va-li sẽ được móc lên trong một xó gác...

Sáng nào tôi cũng dậy sớm để ra xem họ thả lưới và kéo lưới như vậy. Họ dùng thứ lưới thật nhỏ ô nên cái bé tí cũng khó chui ra, rất bất lợi cho đời cá, nói một cách nghiêm chỉnh là rất hại cho tương lai nền ngư nghiệp ở đây. Nghe sợ chưa, nhưng ở cái làng nhỏ này họ có vẻ bất cần, tin rằng biển cả như tình người mẹ, xin bao nhiêu mẹ cũng vẫn cung cấp cho.

Ở đây cũng có cây bàng, cây phượng. Lâu lắm tôi mới thấy lại chiếc lá bàng màu đỏ thắm. Chiếc lá nhắc tôi lại nhiều kỷ niệm thu ấu thơ.

Tôi nhặt chiếc lá bàng về để trên bàn, bà chủ nhà vào làm phòng mang nó treo lên tường cho tôi. Người ta ý tứ ghê chưa, mặc dầu ngôn ngữ bất đồng đầy, bà ta chỉ nói được ít tiếng Anh thôi. Chắc nhìn cái bàn làm việc của tôi bà ta sợ lắm : các thứ sách báo, ốc sò, đá, tượng, ấm trà v.v...

Sáng nay tôi đi một vòng quanh ven biển, khám mấy cái lưới. Có một thứ lưới khá rộng lỗ để đánh cá ngoài khơi—thứ lưới chặt chỉ dùng ở gần bờ. Lưới toàn làm bằng nylon chứ không phải bằng sợi, bằng gai như ngày xưa.

Vì ở đây trời nắng quá nên buổi sáng dậy sớm ra biển thấy mặt trời lên là vào nhà trốn ngay, nếu không thì nắng đốt da, có bô thứ kem gì cũng vẫn bị cháy.

Quên kể anh nghe là ở đây người ta

cắm Hippy nên các ông muốn tới phải chịu khó sạch sẽ. Hôm nọ trên máy bay, tôi ngồi cạnh một anh chàng Hoa-kỳ. Thấy tôi nhức đầu anh chàng cho tôi một viên thuốc; một lúc sau tôi thấy anh chàng cứ đưa tay sờ lên đầu mấy lần. Tôi hỏi có phải anh chàng cũng bị nhức đầu không.

— Không phải, tại tôi đội tóc giả, vào đây mà có bộ tóc dài sẽ bị lòi thoi. Tóc tôi dài lắm.

Nói xong anh chàng đưa tay lên môi ra hiệu dặn tôi đừng đi tố cáo.

Thế là tôi mở ngay một cuộc phỏng vấn cấp tốc về cái đầu tóc dài của đàn ông ?

— Tại sao ông để tóc dài ?

— Tại đối với tôi đó là một sự lạ chưa từng xảy ra trong đời.

— Có thấy là phiền phức không ?

— Cũng có mỗi khi gội đầu, phải sấy lâu lắm.

— Trước khi đến đây ông ở đâu ?

— Ở Katmandou.

— Làm gì mà sống.

— Thuê dân bản xứ khâu lều vải để đi bán lại cho các người khác

— Tại sao bây giờ lại đến Mã-lai ?

— Tại sao không ?

Sau đó anh chàng hỏi thăm tôi về giá cả khách sạn, thức ăn và tiền xe cộ ở Mã-lai. Đề nghị thuê chung xe tắc-xi đi về nhưng tôi xin rút lui vì

không muốn sẽ phải mất nhiều thì giờ. Ở đời anh nào biết hơn thì cứ phải làm mọi cho anh kia.

Anh có biết là sáng nào tôi cũng thi đua dậy sớm với những người không quen ? Làm sao để bước chân mình in hằn lên cát lần thứ nhất mới thích. Cát sạch và phẳng, có khi ngồi suy nghĩ đến một vấn đề gì, sợ quên nên phải ghi ngay xuống cát làm giấy và sờ làm bút. Cũng chẳng kém ai, sau đó đọc lại và khỏi quên. Hay không ?

Ở vùng này được nhiều người cho là Thiên đường, phải công nhận là khí hậu thật dễ chịu. Tình hình chính trị chưa đến nỗi rối ren tuy cũng có nhiều điểm mâu thuẫn.

Họ đang lo chung một mối lo với nhiều quốc gia khác ở Đông Nam Á là người Trung Hoa với cái điếm «Jus Sanguinis» (Quyền Công dân do giòng máu mang trong mỗi người, chính sách của Trung Hoa ngày xưa.) Họ lo là phải, vì ai cũng cảm thấy bé nhỏ trước vấn đề mấy chú Tàu đông đúc ấy.

Thư này phải gọi nó là một bức thư đi chơi. Có lúc làm thì phải có lúc đi chơi chứ. Nói thêm một lần nữa đề khỏi bị rầy, biết trước thế nào cũng có người rầy.

Thăm cả tòa soạn Bách Khoa. Thư sau hẹn với các anh là sẽ «hấp» hơn, chẳng biết hấp gì, cứ hẹn bữa, chịu đôn sau.

MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Bài Thơ không tên

Thơ MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Hỏa châu Hỏa châu rơi
Chiếu sáng một góc trời
Đằng kia là bom súng
Ngày mai nhiều thầy phoir
— Hỏa châu không ngừng rơi

Nước mắt nước mắt ơi
Anh ấy đã chết rồi
Mời hôm qua còn đó
Ôm súng mơ xa xôi
— Nước mắt mềm lên môi

Anh ở tận phương nào
Đô thành hay thôn trang
Gặp nhau không tiếng chào
Không một lời hỏi han
— Núi Bắc hay rừng Nam

Sao anh lại nổ súng
Sao anh lại giết mình
Chết về đâu anh nhỉ
Người nào không có tim
— Không mơ làm kiếp chim

Máu anh sao không đỏ
Hay đêm qua gió nhiều
Ngày mai đồng xanh cỏ
Phủ lên xác người yêu
— Thấm mồ ai cô liêu

Lạy trời cho mau sáng
Cho hỏa châu ngừng rơi
Cho kẻ thù phân tán
Kẻ thù nào anh ơi
— Người với người mà thôi

Xin trời mưa thật dày
Đề phi đạn đừng bay
Đề tầm đạn không trúng
Vào nhà ai đêm nay
— Trục thẳng không lên mây

Anh đùa bằng tiếng Việt
Mỗi khi nghe lằng lằng
Tôi khóc bằng tiếng Việt
Khi tâm hồn băng khuâng
— Thương người hay thương thân

Quê hương mình đẹp quá
Quay lại nhìn đi anh
Nhìn trước khi tàn phá
Nơi nào cũng xanh xanh
— Tà áo ai mong manh

MINH ĐỨC HOÀI TRINH

Paris 70

Mưa tiền đồn

Thơ TRẦN NGỌC KIM

Phòng tuyến chiều sương mưa lặng lẽ
hồn thi nhân một thuở lưu đồn
núi rừng ngủ giấc hời hiu qua h
trấn thủ mười phương một nỗi buồn.

Tôi ở đây mà lòng thật xa
sầu vương theo lớp lớp mưa qua
mưa nghiêng tâm sự lên đồn vắng
heo hút vào đêm chợt nhớ nhà.

Nhớ lắm mái trường im bóng lá
nhớ em khăn lụa che môi cười
ở đây khói lửa mờ đôi mắt
nằm dưới hầm tôi trốn mặt trời.

Lá vẫn xanh rừng chưa đổi sắc
tiền đồn hiu quạnh đón mùa mưa
chiều sương khói thuốc xanh dòng nhớ
cô độc nằm nghe gió trở mùa.

Bến sông, người về

Vào một buổi chiều cuối năm, trong thành phố bỗng xuất hiện một quang cảnh lạ lùng và cảm động. Đó là cảnh hằng trăm, hằng ngàn người vừa được trả tự do có mặt trên các đường phố lớn, các ngã ba, ngã tư, khu chợ và nhiều nhất là tại con đường dẫn ra bến sông. Họ đi từng đoàn, áo quần màu chàm, hay màu xanh dương chân trần hoặc đi dép, tóc tai bù xù, và bước chân hớn hờ cuống quýt. Có người vừa đi vừa ngón ngáo ồ bánh mì thịt. Có người dừng lại trước cửa hàng, đôi mắt chết trân. Có người chui vào rạp chiếu bóng nhìn những bản quảng cáo. Giòng người như thác chảy trong lòng thành thị, làm tăng thêm sự náo loạn, nhộn nhịp của giờ tan sở. Họ chẳng khác những con người vừa thấy ánh mặt trời, và sự sống. Họ đã bắt chấp cả giòng xe cộ đằng sau. Họ cũng chẳng cần để ý đến vẻ hiều kỳ của đám tha dân.

Giòng người ấy, tràn ngập cả khu trung tâm, bến chợ, rồi sau đó lũ lượt theo con đường duy nhất ra bến sông. Họ vừa đi vừa chạy, như thê sợ đêm về. Và càng lúc, bến phà càng đầy nghẹt người. Một rừng người, hay một rừng áo chàm, áo dương cũng nên, che phủ cả giòng trường giang, tạo thành một bức tường thành trên bờ hoang vắng.

Trong khi đó, buổi chiều đã buông xuống bằng một đôi cánh mỏng nhẹ.

Giòng sông đã trở thành một tấm thảm màu vàng đục. Giữa khúc sông, là màu nắng quái, long lanh như mặt thủy tinh. Và cuối bờ xa, những đọt cau gãy điu hiu bất động. Có những đọt khỏi lam chiều bốc lên mây rồi tan loãng trong cõi thình không. Phà vẫn chưa cập bến. Từ bờ này của thành phố, chiếc phà trông như một chấm trắng mờ nhạt trong bóng hoàng hôn.

Đó là một ân sủng kỳ diệu cho những kẻ trở về tìm lại mái nhà. Đôi mắt họ mở lớn, đôi chân dễ chừng cựa quậy, con tim họ náo loạn. Dễ chừng họ đã thấy bên kia bờ, là cả một hình ảnh thân yêu nhất của đời họ. Dễ chừng họ nhận ra được mái nhà, khu vườn, người vợ và lũ con mà họ đã cách biệt từ lâu. Họ ôm ngực, ôm tim. Họ sống trong tâm trạng của kẻ bắt gặp lại hạnh phúc. Không ai nói với ai một lời. Có lẽ niềm vui mừng quá chừng to lớn này đã làm nghẹn lời họ. Hay cũng có lẽ, mỗi kẻ trở về chiều hôm nay, đều có một tâm sự riêng và họ đang tận hưởng cõi lòng thầm kín của họ.

Rồi phà từ từ hướng về phía bờ. Đám người lại nhón gót. Có kẻ vượt qua khỏi khu giới hạn. Nhưng người lính kiểm soát đã ngăn cản. Đám người lại dồn cục đến. Trong biển người ấy, có tiếng nói đầy lo lắng trời lên :

— Không biết, còn xe không ?

Một giọng nói khác đáp lại :

— Ừ nhỉ. Sợ không còn xe.

— Còn chứ. Trời chưa tối đâu.

— Hay bọn mình cùng thuê chung một xe.

— Sợ tài xế không dám chạy.

— Xin họ thông cảm trường hợp đặc biệt của mình.

Con phà bắt đầu tấp bờ. Xe hàng, xe quân sự bắt đầu lên. Sợi dây cáp làm giới hạn đã được người lính kiểm soát tháo ra. Biển người bắt đầu ào xuống phà một cách hỗn loạn. Người quá đông, dễ chừng đến cả trăm người, khiến nhân viên phải hạn chế số xe lên phà. Rồi con phà lại thở khói, từ từ tách bờ. Theo sau nó, là một đàn chim én lượn vờn, đùa giỡn. Có những cánh én sà xuống thật thấp, như mất đằng sau chiếc phà, rồi bỗng nhiên chọt vút lên không. Trong khi đó, một tiếng hát của một tên trẻ tuổi, được đệm bằng nhịp Tây ban cầm. Bài Làng tôi. *Ai qua làng tôi bình khôi, nhấn giúp rằng nơi xa xôi. Tôi vẫn mơ lùm tre xanh ngắt...*

Tiếng hát hơi pha vẻ nhà quê, nhưng vẫn có sức hấp dẫn mãnh liệt. Bởi nó gọi đến những nỗi niềm thầm kín của những kẻ trở về. Bởi nó không còn là một lời hát mà người trẻ tuổi kia gọi đến trong giây phút xuất thần, mà là tiếng mời gọi nồng nàn nhất của mọi con tim trong buổi hoàng hôn này. Từ người đàn ông, đôi má gầy trũng hốc hác, râu ria tua

tủa, đôi mắt ngờ ngạc nhiên. Từ người trẻ tuổi, mái tóc xanh mượt, đôi mắt nhìn về cuối chân trời. Từ người trung niên, chiếc áo vá khế bay trước gió. Tất cả dường như đứng chết trân, và người ca sĩ kia, cũng vậy. Y chẳng ngưng ngừng xấu hổ khi hát giữa chốn đông người. Mà trái lại, càng lúc, y càng hớp hồn cùng bài hát. Càng lúc, tiếng hát càng trở nên vững, mạnh và nồng nàn hơn bao giờ hết.

Trong khi đó, chiếc phà vẫn tiếp tục trôi. Tiếng máy vẫn tiếp tục trôi lên một nhịp điệu quen thuộc. Trong khi đó, những đám lục bình vẫn rủ nhau trôi giữa giòng và đàn én vẫn tiếp tục đùa lượn cùng những đám bọt nước đằng sau phà, như chào đón những đứa con trở lại.

Tuy nhiên, chỉ có một kẻ còn ở lại trên bờ sông cái. Đó là một người trẻ tuổi. Anh ta mới hơn 20 nhưng khi nhìn anh, người ta cứ ngỡ đó là một kẻ ba mươi hơn. Gương mặt gầy hao, vầng trán hơi nhăn gọn. Nhất là trong đôi mắt anh là một cõi u uẩn không thể cắt nghĩa nổi. Ở đó, có một chút u hoài xen lẫn một nỗi buồn sâu kín. Ở đó có một ánh mắt của kẻ già nua, và nỗi tái tê của kiếp sống. Khi nhìn người trẻ tuổi ấy, người ta sẽ liên tưởng đến một kẻ sống bằng nội tâm nhiều hơn. Nhất là khi anh thui thui một mình trên bờ sông quanh vắng trong hoàng hôn. Và đã mấy chuyến phà qua sông. Đã mấy chuyến phà trở lại. Và rừng người kia cũng đã mấy lớp già từ. Thế nhưng anh vẫn còn lại, một thân

một bóng, bên chiếc sắc cũ và đôi mắt nhìn về một cõi nào vô tận. Trong khi đó, nước sông vẫn tiếp tục chảy bào từng đám vẫn tiếp tục trôi, và lau lách vẫn tiếp tục lả lơi, trước gió. Trong khi đó, bờ đưa người vẫn nghe tiếng sóng vỗ nhẹ vào bến đá.

Đã mấy chuyến phà qua lại rồi. Và anh đã bỏ cuộc mấy lần rồi. Cho dù giờ phút đầu tiên khi cánh cửa sắt kia mở rộng, và nhận số bạc mấy ngàn làm quà lộ trình anh đã như một kẻ điên khùng, ào chạy ra ngoài đường, vừa chạy vừa nhìn lên bầu trời xanh lơ như ngọc bích. Anh muốn thét gào. Anh muốn uống hết những đám mây trắng thênh thang. Lồng ngực anh đập từng hồi rộn rã. Tai anh nghe rõ những tiếng chim hót trên cành. Bàn chân anh dẫm trên lối cỏ, và cỏ xanh hớp hồn mắt anh. Thật sự anh đã được tự do. Thật sự con đường kia không còn là một lối cụt mà trái lại là một lối thênh thang. Những nhà bên đường đã sửa soạn Xuân đến. Vài nhà đã dựng nêu. Trong sân vườn, những cành mai nở sớm, vàng thắm. Anh bị ngất ngậy trong một nỗi vui mừng thần thánh và vô cùng to lớn. Cứ thế, anh cùng rừng người đồ xô về phố. Cứ thế anh vừa đi, vừa chạy. Đối với anh, bấy giờ, mọi cảnh vật, mọi con người đều mang một vẻ mới mẻ và kỳ diệu. Cỏ trở nên xanh hơn. Mai ngói trở nên thắm đỏ hơn. Bầu trời trở nên bao la hơn. Và gương mặt người đồng loại trở nên hiền hòa hơn. Tất cả như một cơn mộng

ảo. Nhưng là cơn mộng ảo có thực.

Đầu tiên anh tìm đến một quán cà phê bên đường. Anh ngồi dưới bóng một cây cổ thụ, lưng dựa vào vách tường rêu phong và gọi một cốc cà phê. Đã lâu, rất lâu, anh chưa có dịp được ngồi một mình, nhấp từng hớp cà phê quen thuộc như thế này. Và đây là lần đầu anh tìm lại những giây phút xưa cũ. Điều thuốc cũng được thắp lên đôi mắt anh lìm dim dưới những sợi khói mỏng lung. Chút cà phê đắng nồng, khiến trí não anh phải đề mê trong chốc lát. Hai bàn tay gầy giữ chặt cốc thủy tinh như thu vào tất cả hơi ấm. Khứu giác anh mở rộng, như cố tận hưởng mọi hương vị ngọc ngà mà từ lâu anh xa vắng. Tuy là quán nghèo, với chỗ ngồi đạm bạc, nhưng anh ngỡ đang lạc vào một cõi nào tuyệt vời nhất. Trên đầu anh, cành lá xum xuê, và tiếng chim riu rít. Sau lưng anh, hàng hoa tigôn màu hồng nhạt tràn ngập một bờ tường. Xuyên qua kẽ lá là một mảnh trời xanh. Mảnh trời xanh ấy đang soi vào đáy cốc. Thốt nhiên, cõi lòng anh đâm xúc động. Anh muốn rung rung nước mắt. Cái biển cổ này quả là một biển cổ kỳ diệu. Nó bắt anh phải hỏi thăm : Liệu đây là giấc mơ hay sự thật ? Mà sao, chiều hôm nay, ta xú động thế này. Anh lại đưa mắt nhìn phố xá, thành thị. Đám con gái đi học về, áo trắng tràn ngập cả con đường. Tiếng còi xe, tiếng động cơ rộn rã. Người bán kem đang rung chuông. Và xa hơn nữa, là phố chợ Tết, với những vựa dưa hấu cao ngất, những

khu bán hoa đông nghẹt người. Thì ra gần Tết rồi. Anh tự nhủ. Mới đó đã hơn một năm. Và mấy cái Tết mình bị đánh mất? Nhưng Tết này mình đã về đúng lúc.

Rồi một động lực nào đó bắt anh đứng dậy. Anh theo con đường ra khu chợ. Anh đã dừng lại mua một ổ bánh mì thịt, vừa đi vừa nhai ngấu nghiến. Rồi một động lực nào đó lại bắt anh nhập vào bọn người ra bến sông. Chính anh, anh cũng không hiểu nổi lòng mình. Anh vẫn hăm hở tiến bước, trong khi người bạn nói cùng anh:

— Nhà bạn ở đâu?

Anh lắc đầu:

— Tôi không có chỗ trở về.

— Sao vậy?

— Quê nhà tôi đã thành bình địa từ lâu rồi.

Anh vừa nói vừa nhìn về phía chân trời xa. Những bóng cau gãy xõa tóc, những mái lá màu vàng ảm đạm, và nền trời màu hỏa hoàng. Không còn gì nữa hết. Cây đa bến cũ con đò giòng sông. Anh nghe nặng ở lồng ngực, dễ chừng như có một khối đá tảng đè lên. Và tim anh lại nhói lên. Lúc đầu tiên, tâm trạng anh vẫn còn sôi nổi bởi biến cố kỳ diệu, đôi mắt anh vẫn còn choán ngợp bởi màu xanh và mặt trời, đôi chân anh vẫn còn cuống quýt bởi từng vuông đất, từng chiếc lá ngủ quên ủ dột trên đường và tai, mũi anh vẫn còn nghe và hít được hương vị

của tự do, ánh sáng. Ấy vậy, càng lúc anh càng nhận ra một sự thật hết sức náo nùng: Là về đâu? Về đâu khi nhìn con phà đưa những người đồng cảnh ngộ qua sông. Về đâu khi giòng sông gợi nhớ đến xóm làng. Về đâu khi bắt gặp lại khúc phim cũ trong một đêm bão lửa kinh hoàng: Có phải, khi anh qua sông, dưới mũi súng của bạo lực của AK, của bùng biến, thì anh đã thấy thế nào là chỗ trở về? Có phải, sau anh, bên kia giòng sông thơ ấu, là lửa ngọn ngợp trời, là tiếng gào thét, khóc lóc tứ bề vang dậy. Lửa bốc lên trời, lửa cũng rợp đỏ cả giòng sông. Màu đỏ ấy cũng chẳng khác màu đỏ của một mặt trời sắp lặn như trong hoàng hôn này. Và đôi mắt của con mồi cũng đã ngập đầy một màu đỏ hung bạo ấy. Anh chỉ biết ôm mặt mà khóc, trong khi mũi súng lạnh chia vào người anh. Đôi chân anh như trồng trong vũng bùn đặc sệt. Anh vừa hôn hên vừa gạt nước mắt. Trong khi đó, tiếng dục đã quát tháo nổi lên: Đi mau lên chớ. Đi mau lên chớ.

Bây giờ khúc phim ấy lại về với người trẻ tuổi chiều nay. Giòng sông đã nhắc nhở anh những kỷ niệm. Quê anh cũng có một giòng sông. Nhà anh nằm bên bờ dưới những bóng cây dừa, cau, vú sữa. Từ nhà ra sông bằng một lối đi lót gạch. Cuối lối đi là một chiếc cầu ván. Chính ở đây, những trưa, những chiều anh vẫn thường ra, hoặc để tắm, hoặc để câu cá, hoặc ngồi mơ mộng. Chính ở đây anh đã nhìn bóng anh mỗi ngày lớn lên, từ thơ ấu đến tuổi thiếu niên

và truong thành. Nhất là những buổi trưa hè, anh vẫn thường ra cây đa to lớn mấy đời, căng chiếc võng và tìm một giấc ngủ trong tiếng chim, tiếng sóng, và những cơn gió êm ả. Sông đã gắn bó cuộc sống của anh như mái nhà, hàng cau, như đất đai ruộng vườn. Sông đã thấy rõ tâm hồn anh, khi những lúc buồn, anh vẫn nhìn dòng nước mà thăm thi hay mơ mộng. Sông đã choán ngợp trí não anh mọi lúc mọi khi. Chính trong những ngày sống đằng sau khung cửa sắt, anh vẫn coi con sông kia là một hình ảnh thân yêu để mơ mộng. Đêm đêm, anh mơ đến sông. Và sáng chiều anh ao ước được một lần ngồi lại một mình trên bờ để nhớ lại một thời đã mất. Nhất là trong những buổi trưa hè, khi thân thể anh chìm trong cơn sốt tột độ, thì con sông kia lại càng trở nên thân thiết hơn bao giờ hết. Anh thêm khát được vùng vẫy trong biển nước mênh mông. Nước sẽ ôm ấp anh, bao bọc anh như lòng mẹ lòng cha. Nước sẽ gột rửa lớp phong sương cơ cực mà anh đã chịu đựng. Tuy nhiên, đó chỉ là những cơn mộng ngậm ngùi. Cơn mộng đã bị đánh tan bằng định mệnh.

Nhưng chiều nay, Anh đã thực sự có mặt bên dòng sông bao la bát ngát này. Anh đã trở về cùng sông, bằng đôi mắt, đôi chân và tấm thân côi cút này. Ấy vậy, chính nó đã bắt anh liên tưởng đến vị trí não nùng của mình. Và chính cái mặt trời đỏ lờm như màu lửa hung bạo năm xưa, soi bóng trên dòng đã là một ám ảnh

không bao giờ quên được trong đời anh.

Một chuyến phà nữa sắp cập bến. Một người quen chợt xuất hiện vỗ vai anh:

— Sao, bạn chưa lên phà à ? Trời tối rồi đấy.

Anh không nói năng. Nhưng mắt anh ngẩn lẹ. Anh bỗng thấy cái bóng mình xao động trên dòng nước. Cái bóng méo mó một cách kỳ cục. Cái bóng đã nhập vào màu đỏ của ráng chiều.

— Đêm nay là đêm giao thừa.

— Vâng. Đêm nay là đêm giao thừa.

Anh lặp lại câu nói của người bạn. Trong lúc đó, chiếc phà đã cập bờ. Người bạn vội vã lên phà. Rồi phà bắt đầu hú còi. Tiếng còi vang lên như đánh dạt lớp sóng, lướt cả một khúc trường giang. Tiếng máy tàu lại xoáy cả một lòng không gian mông quạnh. Anh thần thờ nhìn theo. Mỗi một khoảng tàu đi, là cả một nỗi đau đớn. Nó đang qua sông. Nhưng chẳng có mái nhà để anh tìm lại. Có chăng là một cỏi vô định đang chờ đợi ở cuối bờ kia.

Và anh cứ đứng bất động như thế cho đến khi vì sao đầu tiên bắt đầu hiện trên nền trời đen thẫm. Bến phà im vắng không một bóng người. Gió cũng trở nên lạnh hơn. Anh nghe rõ cả tiếng sóng vỗ vào bờ đá như một âm điệu buồn buồn bất tận. Đêm đè nặng trên vai như một khối đá tảng. Đêm làm nỗi buồn trở nên vĩ đại hơn bao giờ. Khi nhìn vì sao cô độc

kia, anh thấy nó nhòa nhạt. Và không hiểu sao, anh lại quay lại cầm cúi bước về hướng thành phố.

Tuy bắt đầu vào đêm, nhưng con đường đã trở nên vắng lặng đến rợn người. Người người đã trở về nhà từ sớm để sửa soạn cho đêm giao thừa. Qua các nhà hai bên đường, anh thấy những lọ mai, lọ cúc, huệ bên những mâm đèn sắp sẵn. Những người trong nhà đang quây quần bên nhau, áo quần tươm tất. Có nhà đã lập bàn thờ ở ngoài sân, và xông trầm hương nghi ngút. Có nhà, đây trẻ thơ mặc quần áo mới. Có nhà, đâu đâu một bóng người mẹ

già tóc bạc tựa bông lau đang ngồi tựa cửa. Có nhà lại vang lên tiếng ru trẻ thơ nghe náo nức. Có nhà có người thương binh vừa chống nạng vừa soạn sửa lễ cúng. Anh đang duyệt qua những mái nhà ấm cúng hay ngậm ngùi đó. Anh đang bước vào cõi thế giới đầy thiêng liêng đó. Anh đang nhìn những hình ảnh tuyệt vời đó. Và từng bước đi, là từng nỗi thêm khát náo nùng. Cứ thế anh bước đi, bước đi mãi. Hai vai anh còm xuống nặng nề và da thịt anh đã nghe thấm đầy sương và khí lạnh của đêm ba mươi.

TRẦN HOÀI THƯ

Nhà xuất bản LÁ-BỐI

*Kính chúc bạn đọc một năm
mới an vui và hạnh phúc*

VĂN HỌC PHÂN TÍCH TOÀN THƯ

của Giáo sư THẠCH TRUNG GIÀ

Cuốn sách đầu tiên

* Lựa chọn và phối hợp những quy phạm Đông Tây thành một hệ thống thích nghi với thực trạng nghiên cứu văn chương và triết học.

* Cung hiến những nguyên tắc căn bản cho mọi chương trình Đề Nhị Cấp, Đại Học Văn Khoa, Sư Phạm và những người nghiên cứu ngoài khuôn khổ học đường.

LÁ BỐI xuất bản

KÍNH CHÚC

*Quý độc giả, thân hữu xa gần một năm
Giáp Dần an khang và thịnh vượng*

Nhà Xuất Bản
TRÍ ĐĂNG

HỌC THI TRẮC NGHIỆM



- * **TRUNG HỌC 74** Chương trình cập nhật hóa, hướng dẫn làm bài thi trắc nghiệm, cho đề thi trắc nghiệm.
- * Ban giáo sư tu nghiệp tại Hoa-kỳ nắm vững phương pháp học và thi theo lối trắc nghiệm.
- * Đầy đủ các lớp trung học, đặc biệt lớp 12 A B C cho những người *chưa có Tú Tài I* nay được học thăng thi Tú Tài Phổ Thông Toàn Phần Mới.
- * **GIÁO DỤC TRÁNG NIÊN ĐẠI HỌC** : Ghi danh và lấy cours, **LUẬT, VĂN KHOA**.
- * Các bạn lựa trường có thể đặt tín nhiệm nơi trường hàm thụ đầu tiên tại Việt Nam có uy tín nhất :

TRƯỜNG TÂN HÀM THỤ

23 Nguyễn văn Giai, Đakao (gần Cầu Sắt) Saigon I, Đ T. 95.753

Cắt hay chép phiếu dưới đây gửi về đề lãnh thẻ lệ, mẫu đơn.

Thỉnh cầu Ban Giám Đốc Trường Tân Hàm Thụ 23 Nguyễn văn Giai, Đakao, Saigon I — Gởi ngay (kín/không kín) thẻ lệ và đơn.

Tên _____ Địa chỉ _____

TH/lớp _____ VK hay LK/năm _____

(Hồi thẻ lệ Trung học, Đại học miễn tem)

- ★ Các bạn ở bất cứ địa chỉ nào trong và ngoài nước cần mua đủ loại sách xin liên lạc với **BAN THƯ PHẠM T.H.T.** (cùng địa chỉ trên). Hồi thẻ thức hướng dẫn mua sách kèm 454 tem (trong nước) hay 1 coupon bưu điện (ngoài nước) *Mua Thư Mục Tổng Hợp Chi Nam* (ghi đầy đủ sách hay lựa chọn kỹ càng) giá 180đ hay 6 coupons (Thư từ nên gửi bảo đảm đề tránh thất lạc.)

Xuân vô lượng

Thơ CAO TIÊU

Em mặc áo mùa Xuân xanh mướt
Nhạn tha thướt điềm hàng chân mây
Tóc liễu bay tình vừa mới tỏ
Hương đầy ngõ tiếng cười thủy tinh

Nhạc hồi sinh núi sông mở hội
Khoe màu mới cỏ hoa vẫy chào
Lòng xôn xao mở trăm ý lạ
Nghe đon đả hát mời muôn chim

Từ thiên nhiên trở nguồn bất tuyệt
Đời tha thiết như ngày đầu tiên
Từng bước êm dáng nai ngơ ngác
Đi uống bạc dưới chân đồi mơ

Gió phất phơ theo tà áo mỏng
Hoa đưa vòng vành khuyên chuyển cảnh
Nắng làm thình vẽ tranh trên lá
Nghiêng bóng đá rêu cài xanh tươi

Có sông xuôi chở mây về nội
Tình phơi phới lời ru ngọt ngào
Vội sương chao tàn sen ngọc rụng
Mùa Xuân vô lượng đỉnh non cao.

X I N

Thơ TẠ TỴ

Mây bên ngoài xuốnch thấp
Chiều trong hồn dăng cao
Khung đời ô cửa chật
Chẳng mở lối cho vào

Hỡi tâm hồn bè bạn
Và người tình nơi đâu
Hãy về đây uống cạn
Cùng ta vạn ly sầu

Ngày qua mau ngõ hẹp
Xác lá vàng đổ mưa
Giai điệu nào lỡ dở
Lê thê mấy âm thừa

Thời gian còn mãi đó
Nhưng còn đâu tuổi thơ
Cảnh hoa xưa đã úa
Tưởng tiếc đến bây giờ

Có ai đang nhìn ta
Qua hố buồn ngăn cách
Xin giữ lại trong hồn
Một màu xanh cầm thạch

Đừng nhắc chi mùa xuân
Cho phai đi dòng tóc
Hương thơm chảy dạt dào
Trong muôn hàng châu ngọc

Cuộc sống và em ơi
Xin mở rộng nụ cười
Xóa dùm đau thương ấy
Cho ta được yêu đời

Khai bút đầu Xuân hòa bình

Thơ LUÂN HOÁN

Trời trải lụa cho mùa xuân ấm đất
cho tôi về giã lại cỏ trong sân
cho chim hót quanh vườn cây này lộc
cho em cười rộn rã giọng chim ngân

đố ai biết tôi bây giờ mấy tuổi
đang nghĩ gì đang ao ước ra sao
đời thân mật rủ rê tôi trở lại
sống bình thường như điệu ca dao

nào em hỡi góp tay tôi vun xới
nửa sân này ta ươm cải trồng hoa
nửa còn lại ta diu con tấp bước
hạnh phúc nào cần tìm ở đâu xa

mỗi buổi sáng mặt trời hồng phải mọc
mỗi đời người phải hy vọng, đương nhiên
em đồng ý cần lạc quan để sống
để muôn năm còn mãi tuổi thanh niên

và như thế tôi có quyền vui vẻ
gia đình tôi cũng giàu có cao sang
vịt đầy ao gà đầy vườn chuối chín
chó băng rào nháy cõn gọi nhau vang

nào em hãy rót cho tôi bát nước
mỗi hộ tôi đều thuốc vấn lá xanh
không có pháo nhưng bàn tay sẽ đốt
nhạc giao thừa trong lòng mắt long lanh..

KHÓI SƯƠNG

Lúc bảy giờ, sương chiều đã phủ đầy đây đó. Trừ góc trời phương tây hồng ửng màu nắng quái, không gian chỉ còn sắc trắng nhạt, phơ phất. Sương phủ mờ con đường đất quanh co, che khuất những lũy tre sát chân núi. Sương làm ứ đọng buổi chiều, làm hư ảo mọi vật vì cục đá, bụi cỏ, vườn tược, cây cối dường như đồng loạt tan thành hơi, ngùn ngụt tỏa lên, tỏa lên cao, cho đến lúc nhập hẳn vào mây trời.

Vì vậy ông lão có cảm tưởng bước chân của mình nhẹ hẫng, hư hư thực thực. Bàn chân vừa đưa lên, hơi sương nâng cao hơn ý định. Bàn chân kia đặt xuống, nhẹ nhẹ êm êm như chưa từng chạm đến mặt đất. Cảm giác khinh khoái kỳ diệu ấy đưa hồn ông lão bay cao, bay xa. Cánh tay áo phơ phất. Mái tóc và chòm râu bạc sẽ bay. Gió mơn man, dìu ông lão vào khoảng mù sương trước mặt với tất cả triu mến, bao dung.

Ông lão nghĩ : Lâu lắm mới có một buổi chiều sương xuống như hôm nay. Chắc là dấu hiệu ngày tiết. Hình như khí lạnh làm cho đôi mắt ông lão tỏ hơn. Không cần nhúu đôi mày bạc, ông lão vẫn có thể nhìn thấy quang cảnh trước mắt : xa tít mù đằng kia, nhờ nhờ một dải xanh là Trường Sơn. Ông đưa mắt nhìn gần : dây tre làng tiếp nối, làng này

tiếp đến làng khác, đưa nhau ra bề đông, chỗ núi cát trắng loang lổ. Hường này là Thanh Liêm, hướng này là Trung Lý. Con đường quanh co theo sông đào đến Thanh Giang phải bẻ trái qua cầu.

Cây cầu gỗ thường rên siết ồm ồm khi chiếc xe ngựa chậm chạp đi qua. Rồi phải men theo bờ bên kia sông, xuống vùng chợ cũ. Phố Hoa kiều mái âm dương rêu phủ... khu chợ hẹp ngay giữa ngã tư... ông lão gặp bà lần đầu tiên ở tiệm thuốc bắc phía bên này đường, một tháng sau ngày đám hỏi. Hai người cùng lấm lét, cuống quýt khi nhận ra nhau, chưa kịp liếc nhìn lẫn nữa đã phải bước vội khác hướng để khỏi ai trông thấy. Ông đã hối hả về bên này sông phía Hòa Bình, trong khi bà thì về Đại An.

Sương xuống nhiều hơn. Gió trở lạnh. Bước chân ông lão vẫn nhẹ, có lẽ còn nhẹ hơn lúc trước.

Phải, lúc bắt gặp bà trước tiệm thuốc bắc, ông hối hả ra về. Thời chưa cưới, chưa bao giờ hai ông bà dám đi chung với nhau. Mãi về sau, mọi sự quen dần họ bớt sợ đôi mắt kẻ khác. Khổ nhất là những lúc đợi chờ. Nhất là những lúc chờ chờ ở những bến sông vắng. Quán xiêu gió lộng không thể nuôi được người bán quán già cả. Khách khứa thưa thớt, nên lối cầm lấy sào, lối cầm chèo đâm đầu vào lòng nước, lối đẩy

chiếc đồ ra xa bờ của bác lái có cái gì uế oải, bất cần.

Ngày nhĩ hỉ qua bên kia sông về quê vợ, hai người phải đứng chung với nhau đợi đồ thật lâu. Họ bĩ rồi, cùng biết giữa hai vợ chồng trẻ, nếu giữ mãi sự im lặng nặng nề như thế này là bất thường. Cho nên ông cố hỏi lấy một câu nào đó. Mắt vẫn cứ nhìn ra mặt sông, ông nói trổng :

— Mọi không ?

Bà sợ hãi, không dám tin người chồng mới hỏi mình, quay lại hoài nghi :

— Dạ ?

— Có mọi không ?

Thấy chồng sẵn đón thân mật, bà mừng rỡ đến liu lười :

— Dạ không... Trước kia hồi còn đi buôn cau chợ Cảnh hàng, em còn đi xa hơn nhiều.

Ông ngáp ngừng, muốn hỏi kỹ chuyện đi buôn cau của bà, muốn hỏi hôm ông gặp bà ở tiệm thuốc bắc góc phố, bà đang đi bán cau khô hay là đi bỏ thuốc. Nhưng nghĩ đến sự giao thiệp rộng rãi của một cô gái giữa phiên chợ ồn ào, đơn đã mời người này thử cau, dịu dàng lắc đầu từ chối một giá hời, gọi với theo người nọ cổ nài vài tiếng trả thêm... ôi thôi bao nhiêu cảnh thân mật phóng túng ấy, càng nghĩ ông càng khó chịu. Cho nên ông đã xoay hướng câu chuyện :

— Lâu ghê. Chắc lão lái đồ còn ngủ.

Bà nói khẽ, sau một tiếng thở dài :

— Tội nghiệp. Trời lạnh. Thân già. Khách lại ế.

Ông ghen với kẻ được thương hại :

— Lão đâu có cần khách. Coi cái cách chống đồ kia !

Rồi nhớ đến hôm đám cưới, ông hỏi :

— Có biết tại sao hôm cưới mãi chiều tối họ trai mới tới không ?

Bà vẫn dùng lối hỏi kín đáo, đơn giản.

— Dạ ?

— Chú Lê chờ không có đồ, bức mình bảo tất cả mọi người cởi quần áo lợi qua sông.

Bà cười hí, nhưng bụm miệng kịp. Da mặt vẫn còn đỏ hồng.

— Ai cũng vậy à ?

— Chớ sao ! May mà nước chỉ tới ngực. Cả họ qua hết bên này rồi, chú Lê mới biết mình vô ý để rơi mất chiếc giày hạ.

Bà không cần giữ ý nữa, cười to :

— Chết. Rồi làm sao ?

— Chú la om sòm. Nhưng chỉ la suông, vì không biết dồn giận dữ cho ai lãnh. Cuối cùng chú nhớ lão lái đồ mắc dịch.

— Còn chiếc giày ?

— Phải chạy theo dòng, đến chỗ khúc quanh mới tìm thấy. Chiếc giày lại tỉnh nghịch, mắc cứng vào bụi tre gai. Tháo được ra, đồ cả mồ hôi.

— Ai đồ mồ hôi ?

Ông giật mình, thẹn với bà. Nhưng đằng nào cũng phải trả lời :

— Biết rồi còn hỏi.

— Đáng kiếp. Ai bảo vội không chờ đò. Trưa đứng bóng ông ta mới chõng. Lúc đó mới có người đi chợ phiên. Nhưng kia, đò đã sang rồi...

Bước chân của ông lão đột nhiên hụt hẫng. Ông đi về đâu? Hướng nào? Phía thẳng trước mặt mù mờ, hơi sương phủ lấp. Lối đó dẫn lên chiếc cầu sắt. Ông lão nhớ lắm. Bên này cầu có một vọng canh. Người lính ngồi phía sau tường bao cát dùng mũi súng ra dấu cho xe phải dừng lại để kiểm soát hay bằng lòng cho đi qua. Mỗi lần như vậy, bác tài xe Lam lúng túng sang số và rờ ga, sợ cái xe cũ chết máy ở lưng chừng dốc. Thường thường mũi súng đen dễ dãi, bảo cứ tiếp tục tiến tới.

Ván cầu hơi cũ, nên xe chạy thật chậm. Bánh xe Lam nhỏ, nhiều lúc phải tránh những khe hở quá rộng nên sàn xe hết xoay bên này lại xoay sang bên kia. Ông lão phải bám chặt vào hông xe, sợ hãi. Bên kia cầu cũng có một trạm canh khác, và một mũi súng vô danh khác. Nhưng ông lão không tiến về phía dốc. Dù sương chiều che mờ trạm canh và thành cầu, ông lão vẫn nhớ rõ rằng chính mắt mình, nửa tháng trước, chứng kiến cây cầu gãy vì nhịp giữa bị mìn sập. Lưu thông gián đoạn, lại thêm từ đạo ấy, bên kia sông chỉ còn khói và lửa. Những chuyến xe Lam khờ sở qua cầu chấm dứt được một hình dịch. Có chiếc kẹt lại bên kia, ngậm ngùi nhìn thân cầu oằn oại. Có chiếc kịp dừng lại ở bên này, hoảng sợ trở lại thành phố cũ.

Cho nên mù sương đưa đẩy ông già bước về phía con đường nhỏ. Dấu vết con đường mòn không còn rõ. Cỏ dại che mất dấu chân biết bao người, biết bao thế hệ, từ thời niên thiếu cho đến tuổi ông lão già cỗi, ốm yếu như hôm nay. Bụi lác này mọc trên vết guốc mộc của bà. Khóm cỏ ống này phủ mất gót chân ông. Hai ông bà đã đứng ở đây. Ông đã nhìn về hướng này hỏi nhỏ đề khóa lấp nỗi ngưng nghịu tâm hồn: « Có mỗi không? ». Bà đã cười thích thú miệng ngậm một lá cỏ tiền thân của cả một vùng cỏ dại hoang vu sừng ươt sương chiều này, má đỏ mắt sáng nhìn thẳng vào ông khi hỏi: « Ai cũng vậy à? ». Ông đã chỉ vu vơ về phía kia, phía khúc quanh dòng sông xanh ẩn hiện thấp thoáng sau màn sương trắng, nơi có lẽ mấy bụi tre còn rất nhiều gai, nước sông còn xoáy tròn đề sẵn sàng đầy tấp bất cứ chiếc giày hạ nào khác của chú Lê cầm rơm, cau có.

Ông lão thấy lòng hoang mang bất định, đứng tần ngần thật lâu bên bờ nước. Hơi sương tỏa lên trong khi đêm xuống, càng làm cho cảnh vật chìm khuất vào cõi mơ hồ. Hình như thành cầu vẫn oằn mình như trước. Hình như sương ngập cả vọng canh, chiếm chỗ người lính gác. Và hình như núi bên kia xanh, đây đó tỏa lên một hai đụn khói trắng. Khói bếp chiều. Khói của đụn trấu giữ nguồn lửa bất tuyệt cho các mái tranh lẻ loi, lạc giữa đồng không và lũng thấp. Hình như, hình như có cả cái dáng mỗi một, bất cần của bác lái đò. Phải

rồi. Dáng đồ màu nâu. Con sào cầm xuống mặt sông đầu trúc còn lung lay khuấy động làn sương bạc. Không thể dẫn được nữa, ông lão đưa tay lên vẫy. Ống tay áo gió bay, sương thấm lạnh vào da. Ông lão thấy mát mẻ, phần chần hơn. Ông vẫy tay lần nữa. Chắc bác lái thăm sương, rùn vai giấu đầu vào cái áo tơ lá. Ông lấy hết sức bình sinh cất cao tiếng gọi.

Hơi sương giao động trước mặt ông. Rồi hình như theo nhịp dây chuyền, cả hư không lạnh lẽo xoay

tròn, trở thành giông bão. Mắt ông lão hoa. Ông cảm thấy rét mướt, tay chân bắt đầu run rẩy. Ông phải ngồi xuống vùng đất ướt, mắt vẫn thấy thò thò trông đợi về phía bên kia sông.

Cho đến lúc có ánh đèn pha màu vàng bệch từ vọng canh chiếu xuống, và tiếng súng nổ đơn độc, ông lão vẫn cứ ngồi như vậy, không hiểu mình đang chờ đợi điều gì.

NGUYỄN NGÂN SƠN

Qui nhơn 13-12-1973



Nhức đầu
...lông
Budon
TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau
 lưng, đau nhức lúc cơ
 Kinh Kỳ

TRAUCI
 CIENCE
 BRAND

KN 1211/5YT/QC09

Chuyện trong tháng...

● THU HIPPIY

Thưa quý Cụ,

Lâu lắm mới gặp lại các Cụ. Đâu có phải tại em lười, tánh em siêng lắm, ba em khen hoài à. Hơn một tuần trước, chị bếp nhà em xin nghỉ về quê để lấy giấy tờ gì đó, em phải lo quán xuyến công việc bếp núc trong nhà. Có một mình em bao sân thôi, chứ vú Thu già mà nghễnh ngãng rồi, đâu có giúp gì được em. Vậy mà bữa nào cũng đủ món cao lương mỹ vị, phần nhiều thì thực đơn gồm có : giò lụa, chả quế, thịt quay, sá siu... canh thì em bắt thằng Tuấn còi, em trai em, sách «ga-men» ra gánh phở đầu phố mua rood nước lèo, ngon đáo để mà đỡ phải nấu nướng, tốn «ga», tốn điện, lúc này mình phải lo tiết kiệm chứ. Quên, còn món nữa, em còn mua thêm dưa muối ở tiệm gần nhà em cho có chất sinh tố, nhưng biết ba em khó tánh em nói là em mua dưa cải sống về nhà em muối lấy, ba em thích lắm, vừa ăn vừa nói khể với má em : «Má nó cứ la con Thu chỉ giỏi ăn với nói huyền thuyên tối ngày, chứ tôi thấy nó cũng đảm đang lắm đấy chứ ?». Có con gái nhà ai mà chịu khó mua dưa về muối lấy, ăn cho nó sạch bao giờ ?» Em khoái quá, tưởng như có mấy chục lá cờ bay phất phới trong bụng, em phải kín đáo đưa tay lên giả vờ gãi mũi, nhưng chính là để giữ lấy mũi sợ nó nở lớn quá rồi nó nở như pháo đùng, «lâm phiền cho hàng xóm, đang cần yên tĩnh để nghỉ ngơi».

Sau một tuần trở lại bếp núc vào loại cao thủ của em, hôm chị bếp ở quê lên, ba em thưởng cho em tiền may áo mặc Noel mí lý Tết. Mới đầu em còn điệu, ra cái điều đang mùa tiết kiệm mí lý mặc áo cũ là yêu nước, nhưng ba em bảo con ghê thì phải ăn bận cho nó đàng hoàng, em đành phải nhận, chỉ xin thêm bảy thước, ý, xin lỗi, bảy ngàn chứ để mua đôi giày gót cao 10 phân cho nó hợp thời trang.

Lúc ba em lên lầu rồi, thằng Tuấn còi nó cười lỏn lỏn nó xin em 5 bò đi ciné, em còn ngần ngừ thì nó dọa nếu em không cho thì nó lên mét ba em là dưa em bắt nó đi mua ở tiệm đầu đường, chứ không phải em muối ở nhà. Em đành phải cho nó, không quên âu yếm

cũng vào đầu nó một cái mùi thành công lực. Thằng Tuấn còi này, chắc về sau nó ra đời thành công ghê lắm các Cụ nhỉ. Em cũng mừng, nó tháo vát, thông minh như vậy mới hợp với trào lưu tiến hóa của xã-hội mình, lớn lên nó xin vào làm trong các ngành cao quý như Giám sát chẳng hạn, chắc sẽ gặt hái được nhiều thành quả rực rỡ

Có tiền rồi, hôm qua em rủ con Thảo gàn, bạn em, con nhỏ làm Labô bà cô em ý, đi ra đường Tạ - thu - Thâu sắm đồ. Thời buổi khó khăn ra sao không biết chứ đường này đông nghẹt kẻ mua người bán à. Vải bày la liệt ra tới gần giữa đường, khách bộ hành cũng tản bộ thong dong giữa đường, xé hộp cũng bóp kèn inh ỏi đòi

quyền sống. Tụi em mua vải rồi sang đơp gói cuốn ở quán bên hông chợ Bến-thành xong mới vào chợ mua bơ, bột ngọt v.v... Cái gì cũng lên giá ào ào và niềm nở, thả nổi mà các Cụ, nghĩa là tự do lên giá, đồng bào thân mến chịu nổi đến đâu thì mua đến đó, nếu chịu không nổi thì nhịn, càng có lợi cho sức khỏe của đồng bào vì các đấng lang tây vừa hội thảo ở Luân-đôn tiết lộ rằng càng ăn kham khổ và ăn ít, bộ máy tiêu hóa càng tốt. Điều này chỉ ít lâu nữa các đấng lang tây ở Việt-nam mình chuyên môn về cái mục bao tử, ruột già, ruột non, ruột sồn sồn... chắc phải dẹp cửa tiệm đi làm ca sĩ hoặc đổi thành nghề vá vỏ ruột xe đạp. Vì xe đạp có hướng đi lên, ý em muốn nói là chủ hãng và chủ tiệm xe đạp đang hốt bạc chứ không phải người cưỡi xe đạp đang lên dốc vì đạp xe đạp lên dốc mệt lắm, đạp lia đạp lịa, chân khua cứ loạn lên và thở hồng hộc, leo hết cái dốc là dư.

Các đấng đạp xích lô phục vụ đồng bào thân mến thì lại đang ăn nên làm ra. Xăng vừa mắc vừa hiếm, taxi trở nên xa xỉ, bi giờ đạp xích lô là đắt khách nhất. Sáng sớm đơp 3 chén cơm nguội với cà xong rồi rong ruổi một mình một xích lô, đến tối về cũng có vài "thước". Ba má em có ba chục cái xích lô cho thuê nên em biết rõ, hồi này các bạn trả tiền thuê xe một cách niềm nở lắm. Trong đảng này, lúc rảnh, em hay kể cả nói chuyện với một ông cụ chừng hơn 50 tuổi, ông cụ vui tính, chất phác, hay hút thuốc lảo. Em thích cái bộp trặc, thành thật, cũng như óc khôi hài giản

dị của ông cụ, đặc điểm của đa số những người lao động chân tay. Họ khác các đấng mệnh danh là lao động đầu óc, tức là trí thức khoa bảng, nhưng thích dùng chữ lao động đầu óc, ra cái điều đầu óc các ngài làm việc tối ngày và tay chân các ngài thụ động lắm. Thật ra chân tay các ngài ít lao động thật, nhưng chúng nó, nhất là cái tay, ôi bàn tay năm ngón, ưa đi chơi lắm, mà thích đi chơi ra khỏi đường xưa lối cũ không à.

Nói vậy, chứ trí thức khoa bảng cũng có những đức tính độc đáo của họ chứ các Cụ nhỉ. Ở cái hẻm gần nhà em, có một mợ, mợ này giá đi hát cải lương tàu mà đóng vai Điều-Thuyền thì nhất vì mặt mợ dẻo ba ngày chắc không được nổi 20 gờ-ram thịt, lưng mợ gù gù, người mợ như que củi, coi mợ có vẻ tiên phong đạo cốt lắm. Gần đây, chồng mợ đi học tỉnh xa, nghe nói đi nghiên cứu về ngành Phân bón gì đó, mợ đưa kếp về nhà, bà Mẫu của mợ thấy cái màn xử lý thường vụ này có vẻ thất nhân tâm quá, bèn la mợ, thế là mợ chửi bà Mẫu như chưa hề có ai chửi con hung hãn như vậy. Mợ là tinh hoa của xã hội, mợ vừa là lao động đầu óc, vừa là lao động chân tay lại kiêm lao động mồm miệng, vì mợ làm nghề gõ đầu trẻ. Các đấng nhi đồng được mợ dạy dỗ luôn luôn phải thuộc lòng quyền nhị thập tứ hiếu...

Nhưng thôi để em nói chuyện khác cho vui, chuyện dài trí thức khoa bảng Việt-nam thì nói hoài cũng không hết, chờ đến ra Giêng, ngày rọng tháng dài hằng hay.

Vậy mà Noel rồi còn gì ! Em thích Noel với những bài Thánh ca mơ mộng, em thích những lời ước vọng không bao giờ thành sự thật được viết thành biểu ngữ căng lên ở trước cửa Thánh đường « Bình an dưới Thế cho người thiện tâm ». Em hay nghĩ lắm lắm : nếu Chúa không giáng sinh ở hang đá Bê-lem, mà giáng sinh ở một ngõ hẻm bình dân ở Saigon, Saigon với những đám người phờ phạc lo kiếm đủ chén cơm cho bầy con nheo nhóc, cạnh những đám cưới liệng bạc triệu qua cửa sổ ở lầu 10 khách sạn Caraven ; Saigon, với một lớp sơn giả dối đến cái độ tro trên, Saigon với lòng người lạnh như mấy hôm rét gần đây chắc Chúa cảm thấy

cô đơn hơn ở Bê-lem nhiều, và nhất là rất buồn.

Năm nay sau Noel ít ngày là tới Tết con Cọp. Tết này, chắc ít người gói bánh chưng vì với cái đà tằm bở hung hãn bằng « Sâm Việt-nam » tục gọi là rau muống, của dân mình, từ giờ tới Tết chắc nước da ai cũng xanh hơn bánh chưng rồi, cần gói bánh chưng làm chi ? Biết vậy, nên áo Tết em mua một cái Dacron Fil màu xanh lá cây thẫm, cho nó hợp với màu da mới của dân tộc.

Ừa, mãi nói liên miên, có vẻ đã dài. Thôi em xin tạm biệt các Cú và hẹn ngày tái ngộ.

THU HIPPY

CON LỪA VÀ TÔI

của Juan Ramon Jimenez
giải Văn chương Nobel 1956

CON LỪA VÀ TÔI, chuyện của một con lừa tên là La Rô và chủ nhân là thi sĩ, mà người ta quen sánh với cuốn *Hoàng Tử Bé* của Antoine de Saint-Exupéry, vì hình thức văn chương và nội dung thơ mộng của nó.

Đây là một chuỗi chuyện ngắn nối tiếp nhau, đầy cảnh sắc và tình tiết của một ngôi làng Tây-ban-nha rất gần gũi với ngôi làng Việt Nam : con chim én, giếng nước, rặng bìm bìm... người với vật gần bó nhau như đôi bạn, quen mặt từng gã bô-hê-miên, thẳng mội, đứa bé nghèo khó hay tật nguyền, nhớ từng gốc cây bạc hà, cùng mơ những giấc mơ bầm hiu giống nhau, đem lòng yêu những vẻ đẹp phù du nhất... Cho đến ngày cuối cùng bỗng hóa thành thể lương : truyện kết thúc ở cảnh thi sĩ ra đồng đứng bên ngôi mộ của lừa...

An Tiêm xuất bản, tháng 12/73

Đồng Nai tổng phát hành.

**Để tránh mọi bất ngờ trong đời sống thường
nhật cũng như trong công cuộc kinh doanh**

Mời quý Ngài tới

CÔNG TY BẢO HIỂM TÁI BẢO HIỂM VIETNAM (VAR)

26, đường Tôn-Thất-Đạm, Saigon

Điện thoại số : 94.180 — 94.181 — 94.182 — và 94.185

**Công-Ty Bảo-Hiểm hợp-doanh duy nhất và lớn
nhất tại Việt Nam** đảm-nhiệm mọi nghiệp-vụ bảo
hiểm của tất cả các cơ-quan tự trị và xí-nghiệp quốc
doanh cũng như của đa số Công-Thương Kỹ-Nghệ-Gia.

— Có đầy đủ khả-năng và chuyên-môn tài-c'ánh
với số vốn **120.000.000đ** đã góp đủ, trừ-kim t'r-do
657.000.000đ (1972) ngoài số trừ-kim chuyên-môn
luật-định **475.000.000đ** (1972) để thỏa-mãn mọi nhu-
cầu bảo hiểm.

— Có đầu tư vào :

— **QUỸ TÁI BẢO HIỂM VIỆT-NAM (CAREVINAM)**

— **KỸ-THƯƠNG BẢO-HIỂM CÔNG-TY (ICICO)**

— Bảo hiểm mọi rủi ro :

* **Hàng-hóa chuyên-chở đường thủy, bộ và
hàng-không**

* **Thân ghe, tàu đánh cá, tàu cặn duyên và
viễn dương.**

* **Hỏa-hoạn, xe tự-động, tai-nạn, du-khách, trộm
cắp**

* **Trách-nhiệm dân-sự của các nhà thầu, khách-
sạn, bác-sĩ.**

SINH HOẠT

Hội đồng Văn hóa Giáo Dục và tình trạng khan hiếm Giấy

Ngày 17-12-1973 Ông. Phạm Việt Tuyền, Chủ tịch Ủy ban Nhân văn trong Hội đồng Văn hóa Giáo dục đã thuyết trình trước phiên họp của Hội đồng về «Ngành xuất bản và tình trạng khan hiếm giấy hiện nay».

Mở đầu ông cho biết giấy cho mọi ngành đều tăng giá kinh khủng từ giấy vở học trò, qua các loại giấy trắng và màu, giấy gói, bìa, giấy duplicateur, giấy bristol, đến giấy báo v.v... Riêng về giấy báo đề in sách và báo thì Thông cáo của Hội chủ báo cho biết là kể từ 1-1-74 các báo hàng ngày phải rút xuống còn 4 trang vì giấy báo nhập cảng chỉ còn đủ dùng đến tháng 2-74 trong khi ấy Công ty giấy Cogivina buộc các nhà báo phải đóng trước 1/4 số tiền đặt mua và cũng chỉ có thể cung cấp giấy báo kể từ tháng 4-74 với giá 6.237đ một rame so với giá nhập cảng hiện nay là trên 3000đ một rame.

Ông Chủ tịch Ủy ban Nhân văn đã liệt kê sự gia tăng từng vài tháng một về giá chính thức của 1 rame (500 tờ) giấy báo nhập cảng (khổ 60×86) trong khoảng 1 năm qua như sau:

- Tháng 10-72 : 1400đ
- Tháng 2-73 : 1600đ
- Tháng 4-73 : 1670đ
- Tháng 5-73 : 2650đ (có 10% TVA)
- Tháng 9-73 : 2700đ

— Tháng 11-73 : 3180đ

Tóm lại ông Tuyền cho biết trong khoảng một năm trời mỗi rame giấy báo khổ 60×86 đã tăng giá từ 1400đ lên tới 3180đ vì 3 lý do: giấy trên thị trường quốc tế tăng giá; đồng bạc V.N. mất giá; giấy nhập cảng mới phải chịu thêm thuế TVA 10%. Đó là giá chính thức của giấy báo dành cho các nhật báo và 5 tuần báo có đóng tiền ký quỹ; còn sách xuất bản và các giai phẩm vẫn chỉ có thể mua giấy theo giá chợ đen cao hơn giá chính thức rất nhiều. Ví dụ giá chợ đen mười rame giấy báo khổ 54×79 đã lên tới 4.600đ, khổ 60×86 (in báo hàng ngày) đã lên tới trên 5.000đ và khổ 65×100 đã lên tới 6500đ mà kiếm không ra. (1)

Thấy sách báo, đã chịu mọi luật lệ khắt khe về kiểm duyệt, nập bản, lại thêm thuế má đe dọa và giấy báo tăng giá kinh khủng và khan hiếm như hiện nay, thì không thể sống nổi, nên nhạc sĩ Văn Phụng, trong một buổi họp của Hội Thân-hữu Văn-khoa, đã nêu lên ý kiến khuyến cáo Bộ Văn hóa Giáo dục

(1) Đây có lẽ là giá giấy báo chợ đen vào giữa tháng 12 lúc Ông Phạm Việt Tuyền viết bản thuyết trình. Còn giá chợ đen vào cuối tháng Chạp đã tăng lên nhiều. Thí dụ giá giấy báo hàng ngày khổ 60×86 lên tới trên 7000đ và khổ 65×100 (giấy in Bách Khoa) lên tới trên 8000đ.

huy động các học sinh trong toàn quốc thu nhặt các thứ giấy cũ để có thể sử dụng làm thành bột giấy và các công ty giấy trong nước sẽ sản xuất ra các loại giấy tương đối xấu hơn nhưng chắc chắn sẽ rẻ hơn.

Với ý hướng gia tăng sản xuất giấy trong nước như trên, ngày 11-12, một phái đoàn của Ủy ban Nhân văn thuộc Hội đồng Văn hóa Giáo dục đã đi thăm 2 công ty giấy lớn nhất là Cogido và Cogivina.

Về cuộc viếng thăm này, ông Chủ tịch Ủy ban Nhân văn đã thu lượm được những tài liệu về việc sản xuất giấy của 2 công ty trên đây, và trình bày nguyên văn như sau:

« 1/ Hiện nay, bốn công ty giấy ở trong nước: Cogido (Công ty giấy và hóa phẩm Đồng Nai), Cogivina (Công ty kỹ nghệ giấy Việt Nam), Cogimeko (Công ty giấy Mékong), Nagico (Công ty giấy Nam dương), sản xuất được khoảng gần 5/8 tổng số giấy cần dùng trong toàn quốc.

« Ví dụ: năm 1972, trong khi phải nhập cảng thêm 29.000 ngàn tấn thì các công ty VN đã sản xuất được 47.382 tấn (Cogivina 19.543 — Cogido 18.600 — Cogimeko 4.267 — Nagico 4.972). Năm 1973, số lượng sản xuất chắc giảm sút vì tình trạng khan hiếm bột giấy trên thế giới và những khó khăn riêng của mỗi công ty (Cogido than phiền về chính sách giải tư của nhà nước và Cogivina than phiền về tình hình tài chính eo hẹp).

« 2/ Trong 4 công ty giấy trên đây,

lớn hơn cả là hai công ty quốc doanh Cogivina và Cogido :

— Cogido sản xuất đủ thứ giấy, trừ giấy in báo. Đặc điểm của Cogido là ở chỗ: ngoài việc dùng bột giấy nhập cảng, còn có nhà máy điện giải ra soude và chlore, với nhà máy chế biến bột giấy từ rơm và bã mía (mua không đủ nhu cầu) có thể sản xuất mỗi năm khoảng 8.000 tấn bột giấy trắng; nhà máy bìa cứng của công ty này phải nhập cảng thêm giấy cũ, giấy vụn, từ Hương Cảng sang.

— Cogivina sản xuất cả giấy báo nữa, nhưng không sản xuất giấy in màu. Đặc điểm của Cogivina là ở chỗ có nhà máy bào gỗ thông để làm bột mài hay bột cơ chế; nhà máy bột mài này sản xuất được 2127 tấn năm 1971, 1970 tấn năm 1972, và ước lượng 2.500 tấn năm 1973 (tổng số bột giấy phải dùng năm 1971 là 21.478 tấn để làm ra 19.494 tấn giấy, năm 1972 là 21.445 tấn để làm ra 19.543 tấn giấy). Ông Phạm quý Hùng, Giám đốc kỹ thuật và sản xuất Cogivina, cho biết: thời gian vừa qua, thị trường quốc nội eo hẹp cho loại giấy có sử dụng bột mài, vì giá giấy báo nội địa cao hơn giá giấy báo nhập cảng (giấy báo nhập cảng được miễn thuế — máy giấy hiện có ở trong nước nhỏ hơn và điện trong nước lại mắc hơn ở ngoại quốc). Ngoài ra, bột mài làm bằng gỗ thông có mẫu sậm và nhiều nhựa nên không dùng tỉ lệ bột mài cao như ở ngoại quốc được, lại phải dùng nhiều bột hóa chế nhập cảng

giá rất đắt. Kết quả : muốn cho giấy có màu trắng tương đương, phải dùng bột hóa chế nhiều hơn. Giấy dai hơn, giấy báo nhập cảng nhưng giá thành cao. Hơn nữa, vì khả năng sản xuất bột cơ chế (bột mài) chỉ tới 16 tấn một ngày nên thường chỉ xử dụng được 45% bột mài trong công thức bột giấy.

«Vẫn theo ông Phạm quý Hùng, Cogivina đang dự trù khuyến trương hệ thống bột cơ chế hiện hữu bằng cách thiết lập thêm hệ thống Disk refiners vì hệ thống này có lợi điểm xử dụng được các thứ gỗ diệp loại ngoài gỗ thông (tức các thứ gỗ vụn, gỗ mặt cưa, cành cây, gốc rễ trước đây vẫn bỏ hay dùng làm củi). Phẩm chất sẽ cao hơn. Ngoài ra, Cogivina cũng đang cải thiện hệ thống tẩy trắng bột cơ chế, do đó sẽ có thể xử dụng được nhiều phần trăm bột cơ chế hơn mà vẫn bảo đảm được phẩm chất. Ông Phạm quý Hùng cho rằng nếu có tài chính mà thực hiện được dự án trên thì mức sản xuất giấy cơ chế sẽ tăng lên : giấy báo và groundwood specialties sẽ lên khoảng từ 15.000 đến 18.000 tấn một năm ngay trong năm đầu.

« Như vậy người ta thấy rằng các nhà máy giấy hiện hữu có thể cải thiện trong tình trạng hiện tại và cải tiến với những dự trù tương lai để tăng gia sản xuất. Chính các chuyên viên Công ty Cogido cũng cho biết rằng có thể hạ phẩm đề tăng ngay lượng lên 30% và chính ông Giám đốc Kỹ thuật và Sản xuất Công ty Cogivina đã nhận xét rằng ở nước

ta hiện nay đang xài nhiều thứ giấy quá tốt, nhất là quá trắng, chẳng những không rẻ mà lại còn hại cho mắt của người viết hay người đọc nữa (trong khi nói chuyện như vậy ông đem các thứ giấy thông dụng của ngoại quốc ra so sánh với các thứ giấy VN sản xuất hiện nay) ».

Sau hết ông Phạm viết Tuyền đề nghị Hội đồng Văn hóa Giáo dục nêu lên một số khuyến cáo các Bộ, Phủ, đề giải quyết vấn đề giấy và thỉnh cầu Hội đồng tìm những biện pháp thích ứng đề Khuyến cáo tháng 10 của Hội đồng về vấn đề cứu nguy ngành xuất bản và giai phẩm sớm được thi hành.

Sau bài thuyết trình có cuộc thảo luận sôi nổi với những đóng góp ý kiến của các nhà văn Võ Phiến, Toan Ánh, Dược sư Nguyễn Tiến Châu, Kỹ sư Nghiêm Xuân Thiện, Giáo sư Đặng Vũ Biền và nhiều quý vị khác.

Hơn một tuần sau, trong phiên họp ngày 26/12/1973, Hội đồng Văn hóa Giáo dục, trở lại vấn đề giấy, đã biểu quyết một khuyến cáo hành pháp gồm những điểm như sau :

— Quốc dân và Chính quyền cần thực sự áp dụng ngay một chánh sách tiết kiệm về giấy.

— Bộ Văn-Hóa Giáo-Dục nên vận động học sinh, sinh viên toàn quốc thu thập các thứ giấy vụn, giấy cũ để các xí nghiệp chế biến thành giấy mới.

— Bộ Kỹ-Nghệ Thương-Mại nên đốc thúc các Công-ty giấy cải thiện

công việc trong chiều hướng sản xuất ra các loại giấy dùng được với giá rẻ hơn.

— Bộ Tài-Chánh nên duyệt xét lại các sắc thuế đối với những thứ bột giấy cần nhập cảng sao cho khỏi bất công và vô lý đối với giấy nhập cảng được miễn một số sắc thuế.

— Bộ Kỹ-Nghệ Thương-Mại và

Phủ Tổng-Ủy Dân-Vận nên duyệt xét lại việc phân phối giấy cho hợp lý, để tránh nạn giấy được cung cấp dư dùng đem bán chợ đen, đồng thời đề cấp phiếu mua giấy theo giá chính thức cho các sách và giai phẩm kèm với giấy cho phép ấn hành.

THẾ NHÂN

Tết đến hòa-bình với Đổ Chu Thăng

Thơ TRẦN HUIỀN AN

.....
 Như dòng mương đục lờ con nước chảy
 Quên thác ghềnh che rợp bóng Trường-sơn
 Sẽ không gặp trùng dương xô sóng dậy
 Anh có buồn ? Có suy nghĩ thiệt hơn ?
 Nếu thử dòng mương bờ ngăn đá lấp.
 Nước kiêu hùng sông lớn đồ ngàn khơi
 Còn đâu nữa đây quanh mùa tấp nập
 Cơm trắng ngần thơm lúa mới vừa phơi ?
 Tôi đến đây vui bà con cô bác
 Lòng cũng như tên xứ sở : Hòa-bình
 Làng xóm ấy trải trăm lần xơ xác
 Đã vươn hồng lên đợt nắng hồi sinh
 Vẫn còn đó niềm yêu thương dĩ vãng
 Với ngày mai trong lúa mạ rung hiên
 Tôi chợt thấy chia xa bờ mặc cảm
 Ôn đất trời gieo lại nét hồn nhiên
 Tôi muốn được làm thân nước nhỏ
 Trong dòng mương len nhẹ bước chân tình
 Nuôi ngọn lúa lên cao mừng vẫy gió
 Khắp Việt - nam la mương xóm Hòa - bình

MÌ GÀ CÀ RY ẨM LIỀN

Đầu tiên sáng chế tại Việt Nam

- * Thơm ngon
- * Tinh khiết
- * Bồi dưỡng
- * Tiện lợi

MÌ CUA TÔM ẨM LIỀN SAFOCO



Tổng Đại Lý TÂN SANH

60 Huỳnh Hữu Nghĩa Saigon 5 — Đ. T. 51.840

Giải Văn Thơ 73

Giải thưởng Văn học Nghệ thuật toàn quốc năm 1973 có 8 bộ môn : Biên khảo, Văn, Thơ, Kịch, Hội họa, Điêu khắc, Âm nhạc, Nhiếp ảnh, và Điện ảnh. Nói chung Hội đồng chấm giải năm nay phần lớn các bộ môn đều gồm những vị Giám-khảo xứng đáng cả. Hai bóng hồng trong Hội đồng là nữ sĩ Nguyễn-thị-Vinh (Bộ môn Văn) và nữ sĩ Mộng-Tuyết (Bộ môn Thơ). Một khuôn mặt cũ trong làng Nhạc mà mới trong Hội đồng là nhạc sĩ Phạm-Duy. Kết quả chính thức đáng lẽ phải được công bố ngày 31-12-1973 nhưng không hiểu vì sao lại phò biến trễ cả tuần lễ.

Giải chính thức Bộ môn Văn được trao cho cuốn truyện dài *Áo mơ phai* của nhà văn Nguyễn-Đình-Toàn. Giải Hồi-ký Phóng sự được trao cho cuốn *Đường đi không đến* của Xuân-Vũ. Nhà văn Võ-Phiến, Giám khảo trong Bộ môn Văn, khi được hỏi ý kiến về hai tác phẩm trúng giải trên đây đã trả lời như sau :

«Số tác phẩm tranh giải năm nay không nhiều, nhưng có những cuốn thật xuất sắc.

«*Áo mơ phai* là những ngày cuối cùng của một đôi nam nữ thanh niên ở Hà Nội vào năm 1954, trong cái cảm tưởng có thể không còn sống ở đây bao lâu nữa, họ nghe, họ nhìn, họ... người Hà Nội, họ ngược xuôi khắp Hà nội «thường thức» Hà nội bằng cái giác quan cực kỳ minh mẫn. Tức cái giác quan của Nguyễn-đình-Toàn.

« Hiện nay, ít có một tác giả nào có được đời sống cảm quan phong phú như anh Nguyễn, có được những rung động tinh tế như anh trước thời tiết nắng mưa, trước cảnh vật thiên

nhiên. Bằng những xúc cảm quý báu như thế, anh đã dựng nên một Hà nội cực kỳ thơ mộng đẹp đẽ. « *Áo mơ phai* » là một bài thơ dài về Hà nội, về một Hà nội trong ký ức của những người Việt đang sống ở miền Nam.

« Đôi nam nữ trong truyện đối với nhau là gì ? Có thứ tình cảm gì ? Chính họ cũng không biết nữa. Từ đầu đến cuối truyện, cả nhân vật lẫn độc giả cũng hướng về tác giả, trong một sự chờ đợi vu vơ : Đến sau cùng vẫn không có gì sáng tỏ về tính chất của cái tình cảm ấy. Và chính vì vậy mà mối tình ấy vẫn lưu luyến ám ảnh hoài...

« *Đường đi không đến*, của Xuân Vũ hé lộ cho chúng ta cái mặt trái cái phía bên kia của cuộc chiến. Con đường Hồ-Chí-Minh từ lâu vẫn là một bí ẩn đối với chúng ta, cái sinh hoạt đêm ngày trên con đường ấy, tâm tình những người đi hoạt động trên con đường ấy v.v... càng là những bí ẩn thu hút.

Về Bộ môn Thơ, tác phẩm trúng giải là tập *Thơ Du-Tử-Lê* của nhà thơ quen thuộc Du Tử Lê (tên thật : Lê Cự Phách) và thơ trường thiên, tác phẩm trúng giải là *Đoạn trường vở thanh* của Phạm-Thiên-Thư (tên thật : Phạm-Kim-Long) đã được phỏng vấn và giới thiệu tác phẩm này nhiều lần trên Bách-Khoa.

Cũng nên ghi thêm về Bộ môn Biên khảo, loại văn hóa, xã hội, triết học, không có tác phẩm nào trúng giải, nhưng về loại Việt-sử có tập *Việt-nam Quốc-sử toàn biên* của Sơn Quang (tên thật là Trần-đình-Chi) trúng giải khuyến khích. Tác phẩm còn trong bản thảo nghe nói dày tới 2.500 trang đánh máy và có nhiều tài liệu rất độc đáo.

THỜI SỰ VĂN NGHỆ



Minh-Đức Hoài-Trình

Tại sao viết « Tử địa »

Cô « ký » Minh-Đức Hoài-Trình ngẫu nhiên mà xuất hiện đều đặn trên *Bách-Khoa* suốt một năm qua trong mục « Lá thư nước ngoài ». Minh-Đức Hoài-Trình, tác giả của 11 tác phẩm (thơ và truyện) đã xuất bản — trong đó truyện dài *Sám hối* đã được quay thành phim — mà hầu như đều bị các nhà phê bình bỏ quên, không cho là « nhà văn », có lẽ chỉ vì hoạt động của chị về báo chí sôi nổi quá đã lấn át cả con người viết văn, mặc dầu là đã viết được 11 tác phẩm! Minh-Đức Hoài-Trình đã cộng tác với những cơ sở truyền hình và báo chí ở Pháp, nhưng chị cũng cộng tác với rất nhiều báo chí — nhật báo, tuần báo, tạp chí — ở Việt-Nam trong những năm qua. Chị đã theo học lớp báo chí ở Pháp từ 1961 đến 1963 và sau đó năm 1968-1969 lại dự một lớp bồi túc 6 tháng ở Pháp với các ký-giả Gia-nã-đại. Tháng 9 vừa qua Minh-Đức Hoài-Trình được cử từ Pháp đi viếng thăm Đài-loan (có viết bài cho *Bách-*

Khoa trên các số 339 và 400). Sau đó, tháng 10 chị lại được mời sang Cam-bốt (BK số 401) và chị sang Thái-Lan, Mã-lai (BK số này) đề rồi đi Do Thái (BK số tới) tiếp tục hành nghề ký giả và từ đó trở lại Paris. Trong khi chờ đợi từ Mã-lai đi Do-Thái, Minh-Đức Hoài-Trình có trở lại Saigon thăm nhà 2 lần đề trông nom việc phát hành cuốn *Tử-Địa* vừa in xong. Nhân dịp này chị cũng tâm sự như sau khi được hỏi tại sao viết « *Tử Địa* » :

— Trong những năm vừa qua tôi viết được 2 truyện (*Phi Lễ*, *Bên ni bên tề*) có đăng báo rồi mà không xuất bản được trong khi *Tử Địa* là một truyện dài chưa hề đăng ở đâu thì lại được phép xuất bản.

Tôi ôm ấp đề tài *Tử Địa* từ mấy năm nay mà hễ đặt bút thì lại không viết được. Định bỏ mấy lần. Sau đó, tháng 4 năm nay mới tìm được đủ chất liệu và có đủ cảm hứng mà viết. Có lẽ vì nghẹn ngào quá lâu nên lúc viết được thì viết rất nhanh. Như bị ai thúc đẩy ở đằng sau. Viết trong hoàn cảnh khá bi đát : Nhà đang sửa, tất cả đồ đạc phải dồn vào một căn phòng và bàn viết bị sách vở xếp ngồn ngang.

— Nhân vật *Yến Miên* là một ký giả. Vậy ký ấy với ký này có liên quan gì với nhau không?

— Tôi đã lấy khung cảnh đất nước quê hương để trình bày một vài khía cạnh về cuộc chiến vừa qua. Nếu nhân vật của tôi là một cô luật sư, cô

họa sĩ, cô thương gia v.v... thì không thể cho ăn nổi, hoạt động dễ dàng bằng một cô ký giả, mặc dầu có thể sẽ gây một vài rắc rối nơi đọc giả. Và chàng nhân vật làm nghề gì tôi cũng không thể cảm thông và biết đầy đủ bằng nghề ký giả của tôi.

— Còn Thiếu tướng trong truyện có giống một mẫu Thiếu tướng thực nào ở ngoài đời không?

— Nhân vật này tất nhiên cũng được tạo ra trong tưởng tượng nhưng cũng có một vài nét lấy ở một mẫu người thực nào đó ở ngoài đời. Có người còn hỏi tôi tại sao Ông Tướng ấy «thông thái» thế? Biết trả lời sao? Yên Miên và Thiếu tướng Nguyên đều chỉ là người của «huyền tượng» cả thôi mà.

Cuốn truyện cuối cùng của năm Sửu

Trước tình trạng giấy má khan hiếm và phát hành khó khăn, ông Nguyễn-Hiến-Lê khi trả lời cuộc phỏng vấn của tạp chí *Thời Tập* có tiên đoán là sang năm 1974, sẽ không có tác phẩm văn nghệ ra đời. Nếu lời tiên tri của nhà văn Nguyễn-Hiến-Lê là đúng, thì tập truyện *Sông Sương Mù* của Lữ Quỳnh do nhà *Ý Thức* xuất bản sẽ trở thành một cái mốc văn học : Đó là cuốn truyện

cuối cùng của thời văn học khốn khó.

Tác phẩm mang đủ dấu vết của thời mạt pháp : in xong từ tháng 7 nhưng vì tác giả bận quân vụ, không nhờ ai lo hộ cho việc phát hành. Nhà xuất bản, tạm ngưng hoạt động đồng thời với tạp chí *Ý Thức*, đem hết sức tàn vùng dậy lần cuối để thử xem ý thức con người còn đủ mạnh để vững giữa một thế giới đầy đặc sương mù. Chiều dài tập truyện mỏng manh (tác phẩm chưa tới 100 trang). Nhưng không phải là cái mỏng manh của yếu ớt. Đó là cái mỏng sắc bén của lưỡi dao cạo. Mỗi truyện là một nhắc nhở, là một cách đặt vấn đề hết sức thẳng thắn, can đảm. Mỗi nhân vật đều có cá tính thật đậm nét, mỗi lời nói là mỗi cô đọng của tâm thức. Vì vậy cái tên *Sông Sương Mù* không biểu lộ trạng thái hoài nghi, mà chỉ là cái nền cần thiết cho ý thức sáng suốt.

Nếu không kể ngày in xong, mà chỉ kể ngày *Sông Sương Mù* xuất hiện như một thời điểm văn học thì tác phẩm thứ nhì của Lữ Quỳnh có đầy đủ bản chất của cái phút cuối cùng : thống thiết vọng, chói chang và nhất là quý giá ngay trong vẻ mỏng manh.

THU THỦY

TIN MỪNG

Được hồng thiếp báo tin :

Em **ĐOÀN VĂN QUÝNH** và **TRẦN THỊ NHƯ MAI**

đã làm lễ thành hôn vào ngày 25-12-1973 tại Huế.

Xin thành thực chúc mừng hai em trăm năm hạnh phúc.

MINH QUÂN

Xin tìm đọc :

VỀ PHÍA TRỜI XANH

thi phẩm thứ sáu TRẦN THỊ TUỆ MAI

MỘNG-TUYẾT THẮT-TIÊU-MUỘI viết bạt

CƠ SỞ VĂN CHƯƠNG xuất bản

Phát hành tháng 12 năm 1973

SÁCH MỚI

Sắp phát hành :

- ☐ Một đối thủ hữu hạng của HITLER
- ☐ Một người làm nên sự nghiệp cứu quốc với hai bàn tay trắng.
- ☐ Một bài học lịch sử sống động về chính trị, ngoại giao, dân vận và dụng binh.
- ☐ Nhà phê bình văn học Pháp Boisdeffre đã viết :
« Các lãnh tụ tiếng tăm nhất của nước Pháp đã nhờ hoạt động văn nghệ mà đạt được phần lớn uy tín của họ — ngày trước có Léon Blum và E. Herriot, ngày nay có tướng de Gaulle và A. Malraux ». Xin dùng câu này để giới thiệu :

HỒI KÝ DE GAULLE

Tác giả: CHARLES DE GAULLE

Bản dịch Việt-ngữ do Nhà Xuất-bản

Cửu Long ấn hành và phát hành

HỘP THƯ

Bách Khoa đã nhận được những bài sau đây của quý bạn :

— THƠ : Đỗ Chu Thắng, Nguyễn Đức Nhân, Ngô Bích Nguyên, Tùng Linh, Hương Mộng Trinh, Châu Uyên, Phạm Kim Dung, Băng Huỳnh Thảo, Thái Nguyên, An Hùng, Hoài Phong Trần, Hồ Thế Phát, Trần Chế Ngự, Tuấn Phương - Quan San Phan Tầm Lương, Giang Lâm Hải, Võ Chân Cửu.

— BIÊN-KHẢO : Phạm Trường Hưng (Thơ ; Thú chơi câu đối Tết Thanh Nguyệt Thanh (Xuân của nhà giáo qua mấy vần thơ của Tú xương) An Hùng (Hệ thống huyền thoại xuyên sơn ; Zvezdnov Gorodok mở đầu kỷ nguyên hoà bình cho nhân loại).

— TRUYỆN : Bùi Xuân Như (Màn sương buổi sáng), Lê Đức Tùng (Cỏ lan lối mực).

Xin trân trọng cảm ơn quý bạn đã gửi cho Bách Khoa những bài trên đây. Bài nào đăng được chúng tôi sẽ gửi thư riêng hoặc nhắc tin trên mục Hộp Thư này.

NHẮN TIN :

* Nhấn Vũ-Hữu-Định từ nay liên lạc với Hà Huyền Hoa ở 351/58 A Trương Minh Giảng Saigon 3.

* Lê Miên Tường đã viết xong một truyện dài in ra vào khoảng 1000 trang muốn kêu gọi độc giả đặt tiền trước mỗi cuốn 1.500đ để anh in ra được (tốn 3 triệu). Tiền gửi cho Lê Miên Tường 160 Phan đình Phùng Saigon. Không in được sẽ xin hoàn lại đầy đủ.

* Nhà in muốn bán 1 máy in 1 máy xén, mọi dụng cụ đầy đủ về ấn loát cùng dàn chữ 1 tấn rưỡi. Tất cả còn rất tốt và chữ mới. Giá đặc biệt. Hời 160 Phan đình Phùng Saigon.

Cùng quý bạn đã gửi bài cho Số Tết

Bách Khoa số Xuân Giáp Dần này, phút chót phải gác lại một số thơ và truyện ở phần văn nghệ để kịp phát hành. Những số thơ và truyện đã hứa với quý bạn sẽ đăng trên số Kỷ niệm 17 năm và Xuân Giáp Dần đành phải dành lại cho số Tân Niên. Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý bạn và xin quý bạn thông cảm cho những khó khăn chật vật và thiếu thốn về phần kỹ thuật hiện nay.

BÁCH KHOA

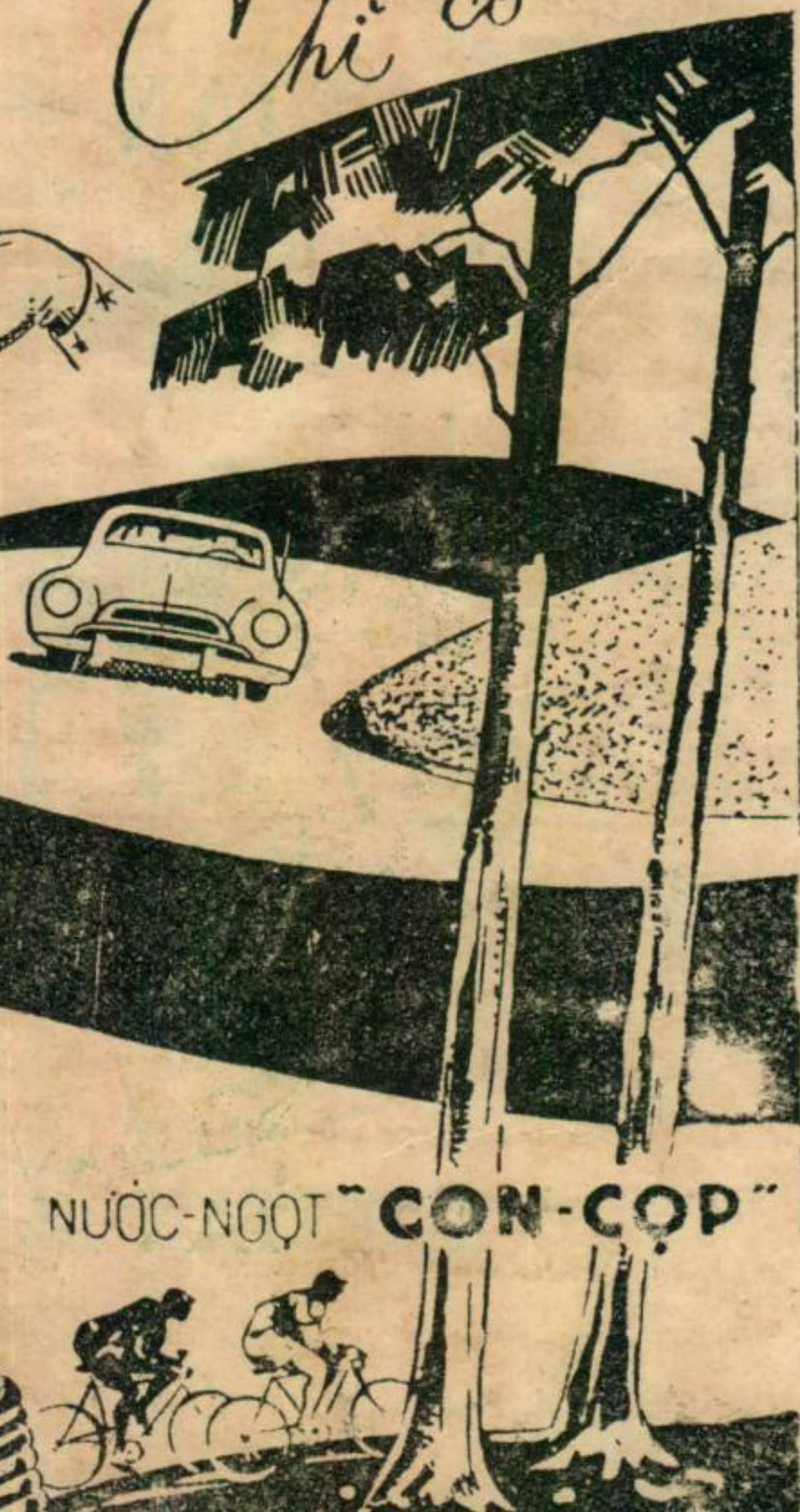
— Phát hành ngày 11-01-1974 — Số lượng 3000.
Giấy phép KD số 030/74 PTUDV/KSALP/GP ngày 9-01-1974.

Trong Gia-đình êm-ấm
Hay trên đường xa
khát mệt

Chỉ có

NUỐC-NGỌT "CON-CỌP"

Chai "HÒA TIỀN!"



CAPSTAN điều dài đầu lọc
Hiệu thuốc **QUỐC TẾ**



Nếu Quý vị thích
hương vị hảo hạng
của

CAPSTAN

Quý vị sẽ rất hài lòng khi hút

CAPSTAN điều dài đầu lọc